

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	1
Danh mục các chữ viết tắt	3
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	4
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	6
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	11
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	11
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	14
I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2, 3	14
Tiêu chuẩn 1	14
Mở đầu	14
Tiêu chí 1.1	14
Tiêu chí 1.2	17
Tiêu chí 1.3	21
Tiêu chí 1.4	25
Tiêu chí 1.5	29
Tiêu chí 1.6	31
Tiêu chí 1.7	34
Tiêu chí 1.8	35
Tiêu chí 1.9	37
Tiêu chí 1.10	39
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i>	41
Tiêu chuẩn 2	43
Mở đầu	43
Tiêu chí 2.1	43
Tiêu chí 2.2	46
Tiêu chí 2.3	51
Tiêu chí 2.4	53
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	57
Tiêu chuẩn 3	58

NỘI DUNG	Trang
Mở đầu	58
Tiêu chí 3.1	58
Tiêu chí 3.2	60
Tiêu chí 3.3	62
Tiêu chí 3.4	65
Tiêu chí 3.5	67
Tiêu chí 3.6	70
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	72
Tiêu chuẩn 4	74
Mở đầu	74
Tiêu chí 4.1	74
Tiêu chí 4.2	77
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	80
Tiêu chuẩn 5	81
Mở đầu	81
Tiêu chí 5.1	81
Tiêu chí 5.2	85
Tiêu chí 5.3	89
Tiêu chí 5.4	92
Tiêu chí 5.5	94
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	97
II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHUẨN MỨC 4	98
KẾT LUẬN MỨC 4	103
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	104

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

TT	Cụm từ viết tắt	Chữ viết tắt
1	Ban chấp hành	BCH
2	Ban giám hiệu	BGH
3	Cán bộ	CB
4	Công nghệ thông tin	CNTT
5	Cơ sở vật chất	CSVC
6	Cha mẹ học sinh	CMHS
7	Chuyên môn	CM
8	Giáo dục	GD
9	Giáo dục & Đào tạo	GD&ĐT
10	Giáo viên	GV
11	Hiệu trưởng	HT
12	Hoàn thành chương trình Tiểu học	HTCTTH
13	Học sinh	HS
14	Hội đồng nhân dân	HĐND
15	Hội đồng tự quản	HĐTQ
16	Kiểm định chất lượng	KĐCL
17	Ngoài giờ lên lớp	NGLL
18	Nhân viên	NV
19	Phó hiệu trưởng	PHT
20	Phổ cập giáo dục	PCGD
21	Sinh hoạt chuyên môn	SHCM
22	Tổng phụ trách	TPT
23	Thanh niên Cộng sản	TNCS
24	Thi đua, Khen thưởng	TĐKT
25	Thiếu niên Tiên phong	TNTP
26	Ủy ban nhân dân	UBND
27	Văn phòng	VP

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá (Đánh dấu (x) vào ô kết quả tương ứng Đạt hoặc Không đạt)

1.1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
<i>Tiêu chuẩn 1</i>				
Tiêu chí 1.1		x	x	x
Tiêu chí 1.2		x	x	---
Tiêu chí 1.3		x	x	x
Tiêu chí 1.4		x	x	x
Tiêu chí 1.5		x	x	---
Tiêu chí 1.6		x	x	x
Tiêu chí 1.7		x	x	---
Tiêu chí 1.8		x	x	---
Tiêu chí 1.9		x	x	---
Tiêu chí 1.10		x	x	---
<i>Tiêu chuẩn 2</i>				
Tiêu chí 2.1		x	x	x
Tiêu chí 2.2		x	x	
Tiêu chí 2.3		x	x	x
Tiêu chí 2.4		x	x	x
<i>Tiêu chuẩn 3</i>				
Tiêu chí 3.1		x	x	x
Tiêu chí 3.2		x	x	x
Tiêu chí 3.3		x	x	x
Tiêu chí 3.4		x	x	---
Tiêu chí 3.5		x	x	x
Tiêu chí 3.6		x	x	x
<i>Tiêu chuẩn 4</i>				
Tiêu chí 4.1		x	x	x

Tiêu chí 4.2		X	X	X
<i>Tiêu chuẩn 5</i>				
Tiêu chí 5.1		X	X	---
Tiêu chí 5.2		X	X	X
Tiêu chí 5.3		X	X	X
Tiêu chí 5.4		X	X	X
Tiêu chí 5.5		X	X	X

Kết quả: Đạt Mức 2

1.2. Đánh giá tiêu chí Mức 4

Tiêu chí	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
Tiêu chí 1		X	
Tiêu chí 2		X	
Tiêu chí 3		X	
Tiêu chí 4		X	
Tiêu chí 5		X	

Kết quả: Không đạt

2. Kết luận: Trường đạt Mức 2.

PHẦN I
CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường: Trường Tiểu học Thọ Nghiệp, xã Thọ Nghiệp, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định.

Cơ quan chủ quản: Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Xuân Trường.

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	Nam Định	Họ và tên hiệu trưởng	Phạm Thị Thu Yên
Huyện/quận/thị xã/thành phố	Xuân Trường	Điện thoại	0976138379
Xã/phường/thị trấn	Thọ Nghiệp	Fax	
Đạt chuẩn quốc gia	Mức 1	Website	http://ththonghiep.namdinh.edu.vn/
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	2019	Số điểm trường	2
Công lập	x	Loại hình khác	
Tư thục		Thuộc vùng khó khăn	Không
Trường chuyên biệt		Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	Không
Trường liên kết với nước ngoài			

1. Số lớp học

Số lớp học	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022
Khối lớp 1	7	6	9	6	7	7
Khối lớp 2	7	7	6	9	6	7
Khối lớp 3	7	8	7	6	9	6
Khối lớp 4	7	7	6	7	6	9
Khối lớp 5	6	7	7	7	7	6
Cộng	34	35	35	35	35	35

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

<i>TT</i>	<i>Số liệu</i>	<i>Năm học 2016 2017</i>	<i>Năm học 2017 2018</i>	<i>Năm học 2018 2019</i>	<i>Năm học 2019 2020</i>	<i>Năm học 2020 2021</i>	<i>Năm học 2021- 2022</i>	<i>Ghi chú</i>
I	Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	43	44	44	41	41	43	
1	Phòng học	34	35	35	35	35	35	
a	Phòng kiên cố	34	35	35	35	35	35	
b	Phòng bán kiên cố							
c	Phòng tạm							
2	Phòng học bộ môn	5	5	5	4	4	6	
a	Phòng kiên cố	5	4	4	4	4	6	
b	Phòng bán kiên cố		1	1				
c	Phòng tạm							
3	Khối phục vụ học tập	4	4	4	2	2	2	
a	Phòng kiên cố	1	1	1				
b	Phòng bán kiên cố	3	3	3	2	2	2	
c	Phòng tạm							
II	Khối phòng hành chính - quản trị	12	10	10	12	11	13	
1	Phòng kiên cố	10	10	10	11	10	13	
2	Phòng bán kiên cố	2			1	1		
3	Phòng tạm							
III	Thư viện	2	2	2	2	2	2	
IV	Các công trình, khối phòng chức năng khác (nếu có)							
	Cộng	57	56	56	55	54	58	

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm TDG

(số liệu tính đến ngày 15/10/2021)

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	1	1			1		
Phó Hiệu trưởng	3	1			3		
Giáo viên	48	41		20	28		
Nhân viên	4	4			4		
Cộng	56	47		20	36		

b) Số liệu của 5 năm gần đây

(số liệu tính đến ngày 07/11/2021)

TT	Số liệu	Năm học 2016 2017	Năm học 2017 2018	Năm học 2018 2019	Năm học 2019 2020	Năm học 2020 2021	Năm học 2021 2022
1	Tổng số giáo viên	54	53	49	47	48	48
2	Tỷ lệ giáo viên/lớp	1,58	1,51	1,4	1,34	1,37	1,37
3	Tỷ lệ giáo viên/học sinh	0,05	0,04	0,04	0,04	0,04	0,04
4	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có)					2	0
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)					0	0
...	Các số liệu khác (nếu có)	0	0	0	0	0	0

4. Học sinh

a) Số liệu chung (số liệu tính đến ngày 15/10/2021)

TT	Số liệu	Năm học	Năm học	Năm học	Năm học	Năm học	Năm học	Ghi chú
		2016 2017	2017 2018	2018 2019	2019 2020	2020 2021	2021 2022	
1	Tổng số học sinh	1056	1078	1124	1124	1129	1144	
	- Nữ	508	512	552	572	562	583	
	- Dân tộc	0	0	0	0	2	2	
	- Khối lớp 1	227	205	279	205	221	245	
	- Khối lớp 2	225	223	194	280	204	217	
	- Khối lớp 3	215	216	224	196	283	203	
	- Khối lớp 4	219	216	214	227	196	282	
	- Khối lớp 5	170	218	213	216	225	197	
2	Tổng số tuyển mới	224	203	278	197	216	238	
3	Học 2 buổi/ngày	1056	1078	1124	1124	1129	1144	
4	Bán trú	0	0	0	0	0	0	
5	Nội trú	0	0	0	0	0	0	
6	Bình quân số học sinh/lớp học	31,06	30,8	32,11	32,11	32,26	32,69	
7	Số lượng và tỉ lệ % đi học đúng độ tuổi	463	480	495	1097	1104	1120	
	- Nữ	0,44	0,45	0,45	0,98	0,98	0,98	
	- Dân tộc thiểu số	0	0	0		2	2	
8	Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh (nếu có)	40	45	42	6	41		
9	Tổng số học sinh giỏi quốc gia (nếu có)	0	1	0	0	0	0	
10	Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách	38	18	19	46	21	71	
	- Nữ	21	6	6	20	10	43	
	- Dân tộc thiểu số	0	0	0	0	2	2	

b, Công tác phổ cập giáo dục tiểu học và kết quả giáo dục:

<i>Số liệu</i>	<i>Năm học</i> <i>2016</i>	<i>Năm học</i> <i>2017</i>	<i>Năm học</i> <i>2018</i>	<i>Năm học</i> <i>2019</i>	<i>Năm học</i> <i>2020</i>	<i>Năm học</i> <i>2021</i>	<i>Ghi chú</i>
	<i>2017</i>	<i>2018</i>	<i>2019</i>	<i>2020</i>	<i>2021</i>	<i>2022</i>	
Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỉ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1	100%	100%	100%	100%	100%	100%	
Tỉ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học	99,52%	99,72%	99,64%	99,64%	99,38%		
Tỉ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học	98,9%	98,22%	99,54%	99,08%	99,1%		
Tỉ lệ trẻ em từ 11 đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học	99,6%	99,55%	99,86%	99,74%	99,76%		
Các số liệu khác (nếu có)							

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

1.1. Tình hình địa phương

Thọ Nghiệp là một xã nằm ở phía Đông của huyện Xuân Trường, phía Đông giáp xã Xuân Phú, phía Nam giáp xã Giao Tiến huyện Giao Thủy, phía Tây giáp xã Xuân Trung, Xuân Phương và phía Bắc giáp xã Xuân Đài, Xuân Phong. Diện tích tự nhiên theo địa giới hành chính của xã là: 7,08km² với 15008 nhân khẩu nằm ở 23 xóm đội. Hệ thống đường giao thông được mở rộng rất thuận lợi cho việc đi lại, lưu thông hàng hóa, thu nhập của người dân tương đối ổn định.

Thọ Nghiệp là một xã có bề dày truyền thống cách mạng. Đảng bộ nhiều năm liền đạt trong sạch vững mạnh. Đảng bộ và nhân dân Thọ Nghiệp trong những năm gần đây luôn tích cực phấn đấu, đổi mới công tác công tác lãnh đạo, chỉ đạo, nhân dân phát huy truyền thống anh hùng, đoàn kết. Xã Thọ Nghiệp được công nhận đạt chuẩn các tiêu chí về nông thôn mới năm 2016 và đang tập trung xây dựng đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao cuối năm 2021.

Thọ Nghiệp cũng là địa phương có truyền thống hiếu học, Đảng bộ và chính quyền địa phương đã dành rất nhiều sự quan tâm ưu ái cho ngành Giáo dục, động viên thầy và trò các nhà trường dạy tốt, học tốt. Đảng bộ và chính quyền địa phương đã và đang tập trung xây dựng cơ sở vật chất cho các nhà trường.

1.2. Tình hình nhà trường

Trường Tiểu học Thọ Nghiệp có 2 điểm trường. Điểm trường khu A đóng tại xóm 9 xã Thọ Nghiệp huyện Xuân Trường tỉnh Nam Định. Điểm trường khu B đặt tại xóm 19 xã Thọ Nghiệp, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định Trường được sáp nhập từ 2 trường Tiểu học A Thọ Nghiệp và Tiểu học B Thọ Nghiệp từ năm 2019.

Trong những năm qua, đơn vị đã nhận được nhiều Giấy khen, Bằng khen của các cấp, các ngành: Trường Tiểu học A Thọ Nghiệp và Tiểu học B Thọ Nghiệp đạt Trường Xanh-Sạch-Đẹp-An toàn năm học 2015-2016; Trường Tiểu học B Thọ Nghiệp đạt thư viện đạt chuẩn Tiên tiến năm học 2011-2012. Trường Tiểu học A Thọ Nghiệp đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3 năm học 2017-2018. Trường Tiểu học A Thọ Nghiệp được công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2 trong năm học 2015- 2016. Trường Tiểu học B Thọ Nghiệp được công nhận lại chuẩn Quốc gia mức độ 1 vào năm học 2014- 2015.

Trường có đủ phòng học kiên cố, có đủ các phòng chức năng theo chuẩn quốc gia. Thực hiện chủ trương xã hội hóa giáo dục thuận lợi do nhận thức của cha mẹ học sinh, các đoàn thể xã hội được nâng cao vì đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho sự phát triển của xã hội và mỗi gia đình.

2. Mục đích tự đánh giá

Trường Tiểu học Thọ Nghiệp luôn phấn đấu đạt mục tiêu nâng cao chất lượng mọi mặt hoạt động đáp ứng với chuẩn giáo dục chung của cả nước. Muốn vậy, điều quan trọng trước hết là phải đánh giá được những mặt mạnh, những mặt còn tồn tại. Từ đó, xây dựng kế hoạch hành động để tiếp tục phát huy mặt mạnh, khắc phục mặt tồn tại, không ngừng cải tiến và nâng cao chất lượng giáo dục của trường.

Trên tinh thần đó, trường Tiểu học Thọ Nghiệp thành lập Hội đồng tự đánh giá lại kết quả của nhà trường trong 5 năm vừa qua, đồng thời tìm ra những tồn tại để đánh giá thực chất cơ sở giáo dục. Nhà trường đã triển khai tự đánh giá KĐCL theo Thông tư số 17/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 28/8/2018. Đây là dịp để đơn vị nhìn lại những gì mình đã làm được, những gì còn tồn tại so với quy định chuẩn để từ đó có định hướng khắc phục trong thời gian ngắn nhất. Đồng thời để đánh giá xếp loại được tất cả các tổ chức đoàn thể, cán bộ công nhân viên cũng như các lĩnh vực hoạt động của nhà trường một cách khách quan, khoa học.

Nhà trường tiến hành tự đánh giá thực chất chất lượng giáo dục để xác định rõ trường học đạt mức độ nào? Từ đó đăng kí kiểm định chất lượng để cấp trên công nhận, giúp nhà trường tiếp tục duy trì và giữ vững chất lượng, phấn đấu đi lên theo chuẩn đánh giá kiểm định chất lượng của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá

Nhận thức rõ được tầm quan trọng của kiểm định chất lượng giáo dục, hàng năm nhà trường đã tiến hành xây dựng kế hoạch tự đánh giá và tiến hành tự đánh giá một cách nghiêm túc khách quan. Các thành viên của các bộ phận trong nhà trường đã chủ động, tích cực tham gia kiểm định tự đánh giá.

Để thực hiện tự đánh giá chất lượng GD đạt hiệu quả, trường đã thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng GD gồm 11 thành viên với đầy đủ các thành phần: cấp ủy Chi bộ, BGH, tổ trưởng CM, tổ trưởng VP, phụ trách các tổ chức đoàn thể trong trường đại diện chính quyền địa phương và ban đại diện cha mẹ học sinh. Hội đồng tự đánh giá chất lượng GD phân công cụ thể nhiệm vụ cho từng thành viên theo chức năng, năng lực mỗi người để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Phương pháp và công cụ đánh giá: Hội đồng tự đánh giá của nhà trường thực hiện theo Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22/08/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, dự thảo của Cục Quản lý chất lượng ban hành hướng dẫn xác định nội hàm (yêu cầu) và gợi ý tìm minh chứng. Hội đồng tự đánh giá xây dựng kế hoạch, quy trình tự đánh giá theo từng tiêu chí của các tiêu chuẩn; việc tiến hành thu thập thông tin, minh chứng; rà soát các hoạt động giáo dục, đối chiếu, so sánh kết quả tự đánh giá với các tiêu chuẩn quy định. Hội đồng tự đánh giá thực hiện một cách khoa học, dân chủ, khách quan, trung thực, công khai.

Nguyên tắc đánh giá: Hội đồng tự đánh giá làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và thảo luận để đi đến thống nhất; mọi quyết định chỉ có giá trị khi ít nhất 2/3 thành viên trong Hội đồng nhất trí.

Để công tác tự đánh giá được tiến hành thuận lợi và có hiệu quả, Hội đồng tự đánh giá của trường đã xác định rõ các nguồn nhân lực, CSVC, nguồn tài chính cần huy động. Công việc thu thập các thông tin minh chứng cho từng tiêu chí được Hội đồng thực hiện đúng kế hoạch, nhờ đó mà tiến độ và chất lượng công việc được đảm bảo. Sau khi hoàn thành các phiếu đánh giá tiêu chí, lập bảng mã và hộp thông tin minh chứng, Hội đồng tự đánh giá đã hoàn thiện báo cáo đúng thời gian dự kiến trong kế hoạch.

Tuy nhiên, do song song cùng hoạt động dạy - học nên thời gian cho hoạt động tự đánh giá là những khó khăn nổi bật. Mặt khác, trong quá trình thực hiện công việc, nhiều vấn đề khác đã nảy sinh như hệ thống số liệu lưu trữ về nhân sự, về chất lượng, về cơ sở vật chất, ... chưa thực sự đầy đủ, nhiều báo cáo, công văn có liên quan tới địa phương, Ban đại diện cha mẹ học sinh, ... còn thiếu trong kho lưu trữ; nhiều công việc đã làm thực sự có hiệu quả nhưng hồ sơ lưu trữ lại ít được quan tâm. Tuy vậy, từ nhận thức và ý thức về mục đích, ý nghĩa của công tác tự đánh giá, từ việc triển khai một cách khách quan, trung thực, sau một thời gian nỗ lực cố gắng, các khó khăn trên đã từng bước được khắc phục. Nhà trường đang dần dần tạo ra được những chuyển biến mới, hình thành “văn hoá chất lượng” trong nhà trường, trong mỗi cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh để từ đó chất lượng giáo dục được đảm bảo và không ngừng được cải tiến, nâng cao.

Qua việc tự đánh giá hàng năm, những điểm yếu đã dần được khắc phục, đến nay nhà trường đã đạt các yêu cầu của kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 và đảm bảo các tiêu chí của trường chuẩn Quốc gia mức độ I, trường Xanh-Sạch - Đẹp - An toàn.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, MỨC 2 VÀ MỨC 3

TIÊU CHUẨN 1

TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ NHÀ TRƯỜNG

* Mở đầu

Trường tiểu học Thọ Nghiệp trực thuộc Phòng GD&ĐT huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định. Trường có phương hướng chiến lược phát triển từng giai đoạn phù hợp với tình hình kinh tế, chính trị của địa phương và điều kiện nhà trường. Trường có đủ các Hội đồng và hoạt động có hiệu quả như Hội đồng trường, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam luôn phát huy vai trò tiên phong trong mọi hoạt động. Trường có cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định của Điều lệ trường tiểu học. Trường có đủ 5 khối lớp với 35 lớp học và tập trung tại 02 điểm trường. Các tổ chuyên môn và tổ VP của trường hoạt động tích cực, nề nếp sinh hoạt tốt đã thực sự phát huy được hiệu quả khi triển khai các hoạt động giáo dục từ nhiều năm nay. Công tác quản lý các hoạt động trong nhà trường được tiến hành khoa học, thực hiện tốt công tác an ninh trật tự, an toàn trường học. Các thông tin, báo cáo của nhà trường đều được nghiên cứu và xử lý chính xác, kịp thời. Công tác bồi dưỡng giáo viên, nhân viên được nhà trường quan tâm thường xuyên, có hiệu quả.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.

Mức 1:

a) *Phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;*

b) *Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;*

c) *Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo, sở giáo dục và đào tạo.*

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển giai đoạn 5 năm (2021 - 2025) phù hợp với mục tiêu của GDPT cũng như điều kiện cụ thể của nhà trường đó là:

- Đổi mới lãnh đạo và quản lý nhà trường do yêu cầu phát triển giáo dục để đáp ứng nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong thời kỳ hội nhập và cơ chế thị trường của đất nước và toàn thế giới. Trọng tâm của giai đoạn này là bồi dưỡng cán bộ quản lý nhà trường. Yêu cầu người quản lý nắm bắt và vận dụng có hiệu quả các kiến thức và tăng cường năng lực đổi mới về tư duy, phương thức và cơ chế quản lý giáo dục.

- Xây dựng và phát triển đội ngũ CB, GV, NV nhà trường về phẩm chất đạo đức, chính trị - đạo đức nghề nghiệp, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ. Trọng tâm của giai đoạn này là đẩy mạnh vai trò lãnh đạo, hỗ trợ, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, nhân viên trong nhà trường.

- Lãnh đạo quản lý và phát triển giáo dục toàn diện cho học sinh với quan điểm lấy học sinh làm trung tâm để hướng tới phát triển nhân cách học sinh. Trong giai đoạn này cần tiếp tục duy trì và phát huy hiệu quả trường tiểu học đạt chuẩn Quốc gia và trường Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn.

- Huy động các nguồn lực phát triển nhà trường, vì đây là yếu tố khách quan quyết định thành công của nhà trường. Trọng tâm của giai đoạn này là tăng cường việc huy động các nguồn lực từ bên ngoài nhà trường để tạo điều kiện đảm bảo cho nhà trường phát triển ổn định và bền vững. [H1-1.1-01]

b) Kế hoạch chiến lược của nhà trường đã được Phòng giáo dục và đào tạo phê duyệt. [H1-1.1-01]

c) Kế hoạch chiến lược của nhà trường được công bố công khai trước Hội đồng nhà trường và niêm yết tại trường, được đưa lên hòm thư điện tử của trường để tất cả các thành viên trong trường nghiên cứu, theo dõi và góp ý kịp thời. [H1-1.1-02]; [H1-1.2-04]; Văn bản Kế hoạch chiến lược của nhà trường được công bố công khai bằng hình thức đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường theo địa chỉ <http://ththonghiep.namdinh.edu.vn/>. Do vậy, chiến lược phát triển đã thực sự được phổ biến và có sự đóng góp ý kiến rộng rãi của các tổ chức chính quyền và nhân dân địa phương [H1-1.1-03] .

Mức 2:

Hàng năm, nhà trường tổ chức rà soát việc thực hiện kế hoạch bằng hình thức đưa ra hội nghị CBCVC nhằm đánh giá lại các chỉ tiêu chiến lược đã thực hiện được trong năm qua, căn cứ vào tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương để đưa ra các giải pháp phát triển nhà trường trong năm tới. [H1-1.2-04]. Việc xây dựng đội ngũ đã tốt song việc tăng cường cơ sở vật chất là rất cần thiết, nhà trường quan tâm tới công tác xã hội hóa giáo dục tranh thủ sự giúp đỡ của những người con quê hương thành đạt.

Mức 3:

Hàng năm, kế hoạch chiến lược của nhà trường đã được rà soát, đánh giá cụ thể những việc đã làm được, cụ thể: Về cơ sở vật chất được nâng cấp như cải tạo các phòng học, phòng chức năng: quét vôi, sửa, sơn cửa, sửa nền nhà, lắp thêm cửa nhựa lõi thép; làm lại sân 2 khu, xây tường rào phần mở rộng khu A và phần còn thiếu khu B ; sửa nhà vệ sinh của HS; bổ sung các trang thiết bị phòng học, phòng chức năng: bàn ghế, ti vi, điều hòa, lắp đặt hệ thống mạng tới các phòng học, phòng chức năng, mua bàn quây phòng hội đồng, mua hệ thống âm thanh... Năm học 2020- 2021 nhà trường đã được địa phương địa phương bàn giao đi vào sử dụng 6 phòng học khu B. Xây thêm tường rào phần mở rộng 2 khu, nâng sân và lát gạch 2 khu, quét vôi khu B [1.1- 04], Hội đồng trường đã đánh giá sơ kết chiến lược phát triển tới toàn thể CBGVNV, HS và cha mẹ học sinh, BGH, ban chi ủy, tổ chức Công đoàn, các tổ chuyên môn cùng tham gia. [H1-1.2-06]

2. Điểm mạnh

- Nhà trường xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển giai đoạn 5 năm được quy định tại Luật giáo dục (Điều 29 Luật giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019) và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương (Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã Thọ Nghiệp nhiệm kỳ 2020-2025, Nghị quyết Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 và đặc biệt là Nghị quyết số 42 của huyện ủy Xuân Trường về đẩy mạnh phát triển giáo dục trong tình hình mới). Theo từng giai đoạn và nhà trường đã có những nguồn lực phù hợp để nâng cao thương hiệu và vị thế của nhà trường.

- Chiến lược của nhà trường đảm bảo theo quy định và được Phòng GDĐT phê duyệt ngay sau khi thẩm định.

- Tổ chức công bố công khai chiến lược phát triển nhà trường nhằm nhận được những đóng góp của các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nhà trường. Nhất là công khai trong các cuộc họp CMHS hàng năm để tất cả phụ huynh nắm được và tuyên truyền tới mọi người dân trong địa bàn.

- Những giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường đã phát huy hiệu quả, giúp cho việc điều chỉnh chiến lược tập trung hơn và đã đạt hiệu quả tốt, cụ thể cơ sở vật chất của nhà trường được tăng cường, cảnh quan nhà trường ngày một đẹp hơn.

- Việc rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển được sự quan tâm của các tổ chức và các thành viên trong Hội đồng nhà trường, tranh thủ sự quan tâm của các tổ chức bên ngoài nhà trường và làm tốt công tác tham mưu với các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, làm tốt công tác tuyên truyền.

3. Điểm yếu

- Việc công khai chiến lược phát triển chưa nhận được nhiều ý kiến đóng góp của các tổ chức và cá nhân ngoài nhà trường.

- Các nguồn lực của nhà trường chưa đủ để thực hiện kế hoạch chiến lược.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/ Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
- Kiên trì làm công tác tham mưu.	BGH	Gặp gỡ trực tiếp	Năm học 2021-2022	Không xác định
- Thông báo chiến lược phát triển trong các cuộc họp CMHS	BGH, Hội đồng trường, GV	Trực tiếp với CMHS	Năm học 2021-2022	Không
- Huy động sự ủng hộ từ các tổ chức, cá nhân, nhà hảo tâm.	BGH, GV, NV	Gặp gỡ trực tiếp	Năm học 2021-2022	Không xác định
- Tranh thủ sự giúp đỡ của Hội CMHS	BGH, GV, NV	Vận động trực tiếp	Năm học 2021-2022	Không xác định

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	-----	-----	-----	-----
c	Đạt	-----	-----	-----	-----
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác.

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hội đồng trường được thành lập theo quyết định số 64/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2021 của UBND huyện Xuân Trường gồm 11 thành viên. Đồng chí: Phạm Thị Thu Yên - Hiệu trưởng là chủ tịch Hội đồng, đồng chí: Trần Thị Liên- GV là thư kí Hội đồng. [H1-1.2-01]

- Mỗi năm học, nhà trường thành lập các hội đồng khác như: Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng tư vấn, Tổ tư vấn tâm lý, ...,

- Hội đồng thi đua khen thưởng được thành lập theo quyết định số 34/QĐ-THTN ngày 25 tháng 9 năm 2021, hiệu trưởng là Chủ tịch hội đồng TĐKT, các thành viên của hội đồng gồm: Phó Hiệu trưởng, Chủ tịch Công đoàn, TPT Đội, Tổ trưởng tổ chuyên môn, Tổ trưởng tổ VP, kế toán. [H1-1.2-09].

- Hội đồng tư vấn được thành lập theo quyết định số 36/QĐ-THTN ngày 25/9/2021 các thành viên: Phó Hiệu trưởng, Chủ tịch Công đoàn, TPT Đội, Tổ trưởng tổ chuyên môn, Tổ trưởng tổ VP, kế toán... [H1-1.2-07]

b) Hội đồng trường và các hội đồng khác đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của mình: đã giám sát việc thực hiện các nghị quyết, các quy chế thường xuyên [H1-1.2-02]; [H1-1.2-03] và có đánh giá nhận xét theo từng kì [H1-1.2-04]; [H1-1.2-05]. Vì vậy nhà trường đã hoàn thành tốt nghị quyết trong từng năm học. [H1-1.2-06]

- Hội đồng tư vấn đã tư vấn cho Hiệu trưởng về phương hướng hoạt động của nhà trường, huy động và giám sát việc sử dụng các nguồn lực dành cho nhà trường, gắn nhà trường với cộng đồng và xã hội, đảm bảo thực hiện mục tiêu giáo dục. Tổ tư vấn tâm lý đã kịp thời tư vấn cho học sinh về cách phòng chống bạo lực học đường, kĩ năng tự bảo vệ bản thân, về giới tính, về sức khỏe... góp phần ổn định đời sống tâm hồn, tình cảm và giúp học sinh thực hiện được ước mơ của mình. Từ đó cha mẹ học sinh yên tâm, tin tưởng vào nhà trường. [H1-1.2-08]

- Hội đồng TĐKT xây dựng quy chế thi đua, tiêu chí thi đua, giúp Hiệu trưởng tổ chức phong trào thi đua, tổ chức cho CBGVNV đăng ký thi đua ở đầu mỗi năm học [H1-1.2-10]; [H1-1.2-11], đề nghị danh sách khen thưởng đối với CB-GV-NV-HS nhà trường vào cuối mỗi năm học hoặc khi cần thiết. [H1-1.2-12]; [H1-1.2-13]; [H1-1.2-14].

c) Hội đồng trường họp ít nhất 3 lần/năm, các hội đồng khác họp ít nhất 1 lần/năm. Trong cuộc họp đầu năm các hội đồng đề ra phương hướng hoạt động trong năm học. Các cuộc họp tiếp theo sơ kết, tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình hoạt động. Chủ tịch các hội đồng đánh giá, chỉ ra những ưu điểm, những hạn chế trong quá trình hoạt động có sự đóng góp ý kiến của các thành viên. Từ đó đề ra các biện pháp phát huy những ưu điểm và khắc phục những hạn chế. [H1-1.2-04]; [H1-1.2-14].

Mức 2:

Hội đồng nhà trường hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường, cụ thể:

- Năm học 2016-2017 đã khen ngợi và trao giấy chứng nhận cho 1 học sinh đạt giải Ba cấp tỉnh, 26 học sinh đạt giải chữ viết đúng và đẹp cấp huyện, 1 học sinh đạt giải thi hùng biện Tiếng Anh cấp huyện, 9 học sinh đạt giải Olympic Tiếng Anh cấp huyện, 1 học sinh đạt chứng chỉ A1 TOEFL, 06 học sinh đạt giải thi Toán qua Internet cấp huyện, 02 HS tham gia hội thi TDDT cấp huyện đạt giải. [H5-5.2-07]. Tặng giấy khen kèm phần thưởng cho 796 học sinh hoàn thành Xuất sắc và hoàn thành Tốt nội dung học tập và rèn luyện, học sinh có thành tích xuất sắc trong các phong trào của nhà trường [H1-1.2-15]. 08 cán bộ giáo viên đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở, 3 đ/c đạt Lao động Tiên tiến, 1 đ/c giáo viên được giám đốc Sở GD&ĐT tặng giấy khen, 02 đ/c giáo viên được chủ tịch UBND huyện tặng giấy khen. [H1-1.2-12];

- Năm học 2017-2018 đã khen ngợi và trao giấy chứng nhận cho 38 học sinh đạt giải triển lãm chữ viết đúng và đẹp cấp huyện. 05 học sinh đạt giải trong kì thi hùng biện Tiếng Anh cấp huyện, 3 học sinh đạt chứng chỉ TOEFL (2 A2 và 1 A1), 02 học sinh đạt giải điền kinh cấp huyện, 22 học sinh tham gia liên hoan phát triển năng lực cấp huyện [H5-5.2-07]. Tặng giấy khen kèm phần thưởng cho 727 học sinh hoàn thành Xuất sắc và hoàn thành Tốt nội dung học tập và rèn luyện, học sinh có thành tích xuất sắc trong các phong trào của nhà trường [H1-1.2-15]. 07 đ/c đạt Chiến sĩ thi đua cơ sở và 29 đ/c đạt Lao động Tiên tiến, 01 đ/c được giám đốc Sở GD&ĐT tặng giấy khen, 02 đ/c giáo viên được chủ tịch UBND huyện tặng giấy khen.

- Năm học 2018-2019 triển lãm viết chữ đúng và đẹp cấp huyện có 35 học sinh đạt giải; 13 học sinh đạt chứng nhận TOEFL; 02 HS đạt giải thi hùng biện Tiếng Anh cấp huyện; 01 học sinh đạt giải điền kinh cấp huyện [H5-5.2-07]. Tặng giấy khen kèm phần thưởng cho 817 học sinh hoàn thành Xuất sắc và hoàn thành Tốt nội dung học tập và rèn luyện, học sinh có thành tích xuất sắc trong các phong trào của nhà trường [H1-1.2-15]; 04 đ/c đạt Chiến sĩ thi đua cơ sở và 31 đ/c đạt Lao động Tiên tiến, 01 đ/c được chủ tịch UBND huyện tặng giấy khen, 01 đ/c được giám đốc Sở GD&ĐT tặng giấy khen.

- Năm học 2019-2020 đã khen thưởng cho 6 học sinh đạt giải cuộc thi Hùng biện Tiếng Anh cấp huyện (01 giải nhất, 03 giải Nhì và 01 giải Ba và 01 giải KK). Thi Hùng biện Tiếng Anh cấp tỉnh có 1 học sinh đạt giải KK. Hội khỏe Phù đồng cấp miền có 4 học sinh đạt giải. Trong đó có 01 giải Nhất môn bóng bàn nam , 1 giải Nhì môn cờ vua nữ, 2 giải KK môn bóng bàn nữ và cờ vua nam [H5-5.2-07]. Số lượng HS được nhà trường khen thưởng cuối năm học: 754/1124, đạt tỷ lệ 67,08%. (trong đó 448 em hoàn thành xuất sắc các nội dung học tập và rèn luyện, đạt tỷ lệ 39,86%) [H1-1.2-15]. 04 đ/c cán bộ giáo viên đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, 25 đ/c đạt lao động Tiên tiến, 02 đ/c được chủ tịch UBND huyện tặng giấy khen, 02 đ/c được giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Nam Định tặng giấy khen.

- Năm học 2020-2021 đã khen ngợi và trao giấy chứng nhận cho 06 học sinh đạt giải hùng biện Tiếng Anh cấp huyện; 40 học sinh đạt giải trong triển lãm chữ đẹp cấp huyện; 01 HS đạt giải Nhất trong triển lãm chữ đẹp cấp tỉnh; 2

học sinh đạt giải trong thi TĐTT cấp huyện [H5-5.2-07]. Tặng giấy khen kèm phần thưởng cho 848 lượt HS/1129, đạt tỷ lệ 75,11%. (trong đó 447 em hoàn thành xuất sắc các nội dung học tập và rèn luyện, đạt tỷ lệ 39,59%) [H1-1.2-15]. 05 đ/c cán bộ giáo viên đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở, 26 đ/c đạt lao động Tiên tiến, 03 đ/c được chủ tịch UBND huyện tặng giấy khen. 2 giáo viên đạt danh hiệu “Giáo viên giỏi” cấp huyện.

- Hội đồng TĐKT đã phát động các phong trào thi đua trong từng năm học và đề nghị nhà trường khen thưởng các tập thể và cá nhân vào cuối mỗi năm học và kết thúc mỗi đợt phát động phong trào thi đua. Chính vì vậy, chất lượng đội ngũ, chất lượng các cuộc giao lưu, các hội thi và kết quả học tập của học sinh được nâng lên rõ nét. Cụ thể: 100 % cán bộ, giáo viên của nhà trường thực hiện nghiêm túc các quy chế, môi trường sư phạm đoàn kết, thân thiện; có nhiều học sinh đạt giải trong các cuộc giao lưu, nhiều đồng chí cán bộ, giáo viên đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua và giấy khen của các cấp, tập thể nhà trường luôn đạt danh hiệu "Tập thể lao động Tiên tiến" được CMHS tin yêu, tín nhiệm, được chính quyền địa phương tin tưởng.

2. Điểm mạnh

- Duy trì kết quả và điểm mạnh đã đạt được qua nhiều năm xây dựng và phát triển về Hội đồng trường và các hội đồng khác như Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng tư vấn.

- Hội đồng trường được thành lập theo quy định tại điều 10 Điều lệ trường Tiểu học. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng được thành lập đúng quy định căn cứ vào việc thực hiện kế hoạch nhiệm vụ từng năm học của nhà trường.

- Các Hội đồng hoạt động có hiệu quả theo đúng chức năng, nhiệm vụ của mình, định kỳ có rà soát, bổ sung giúp cho nhà trường nâng cao chất lượng trong các mặt hoạt động.

3. Điểm yếu

- Hoạt động của các thành viên trong các Hội đồng chưa thể hiện rõ vai trò trách nhiệm của mình trong việc giám sát và góp ý xây dựng còn chung chung, hình thức chưa thể hiện được quyết tâm thực hiện nên việc đánh giá hiệu quả đôi khi chưa sát thực tiễn, nhất là trong công tác tham mưu xây dựng cơ sở vật chất, cải tạo cảnh quan nhà trường hay trong các hoạt động nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động chuyên môn.

- Năng lực của đội ngũ tư vấn tâm lý còn hạn chế, thời gian của nhà trường dành cho hoạt động này chưa nhiều.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Duy trì kết quả và điểm mạnh đã đạt được qua nhiều năm xây dựng và phát triển về hoạt động của các Hội đồng giúp cho nhà trường phát triển toàn diện đạt được mục tiêu, chiến lược đã đề ra.

Giải pháp cụ thể/ Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
- Xây dựng môi đoàn kết, nhất trí, quyết tâm của các thành viên trong Hội đồng	BGH, Ban chỉ ủy, tổ chức Công đoàn		Năm học 2021-2022	
- Phát huy thế mạnh của từng thành viên trong hội đồng	BGH, Ban chỉ ủy, tổ chức Công đoàn		Năm học 2021-2022	
- Bồi dưỡng, động viên CB, GV, NV và đội ngũ tư vấn tâm lý tự học, tự trau dồi kiến thức, chuyên môn nghiệp vụ .	BGH, TTCM		Năm học 2021-2022	

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	----	----
b	Đạt	----	----	----	----
c	Đạt	----	----	----	----
Đạt		Đạt			

Kết quả: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường.

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có Chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam trực thuộc Đảng bộ xã Thọ Nghiệp. Năm học 2020-2021, Chi bộ có 45 đảng viên [H1-1.3-11], Ban chỉ ủy gồm: 01 Bí thư, 01 Phó bí thư, 01 ủy viên. Bí thư là đồng chí Phạm Thị Thu Yên - Hiệu trưởng nhà trường. Phó Bí thư là đồng chí Phạm Văn Thanh - Phó hiệu trưởng [H1-1.3-01]. Chi bộ hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Công đoàn trường có 56 công đoàn viên. Công đoàn được Liên đoàn Lao động huyện Xuân Trường công nhận theo quyết định số 24/QĐ-LĐLĐ ngày 25 tháng 7 năm 2019. Ban chấp hành Công đoàn gồm 01 Chủ tịch, 01 Phó chủ tịch, 03 Ủy viên. Chủ tịch công đoàn là đồng chí Mai Thu Thủy [H1-1.3-16].

- Chi đoàn thanh niên có 14 đoàn viên. BCH gồm 01 Bí thư là đồng chí Phạm Công Cường [H1-1.3-27].

- Tổng phụ trách Đội là đồng chí Nguyễn Đức Cường - GV dạy Âm nhạc [H2-2.2-02]. Liên đội có 479 đội viên được biên chế thành 15 chi đội, 665 nhi đồng biên chế thành 20 chùm sao [H1-1.3-34]. Liên đội đã hoạt động đúng theo Điều lệ Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh .

b) Chi bộ đảng đã tổ chức đại hội nhiệm kỳ 2020-2022 vào tháng 2/2020. [H1-1.3-02]. Sau đại hội, chi bộ đã xây dựng quy chế, phân công nhiệm vụ cho từng đảng viên [H1-1.3-03] [H1-1.3-04]. Chi bộ đã xây dựng kế hoạch hoạt động theo nhiệm kỳ, theo từng năm học [H1-1.3-05]. Chi bộ sinh hoạt 01 lần/tháng sau mỗi phiên họp có nghị quyết, sinh hoạt theo chuyên đề [H1-1.3-06] [H1-1.3-07]. Năm học 2021-2022 chi bộ xây dựng chương trình hành động với những nội dung nổi bật là: Nâng cao chất lượng giáo dục, rà soát, bổ sung các tiêu chí về cơ sở vật chất để được công nhận kiểm định chất lượng và công nhận lại trường chuẩn Quốc gia mức độ 1 và trường đạt Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn. Chi bộ đã chỉ đạo, giám sát và gương mẫu đi đầu trong việc thực hiện công tác tư tưởng chính trị, thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn và các nhiệm vụ khác. Chi bộ có đầy đủ hồ sơ và lưu trữ khoa học [H1-1.3-10]. Vào cuối mỗi năm chi bộ tổ chức kiểm điểm tập thể và từng đảng viên, bổ sung lí lịch đảng viên. [H1-1.3-13]. Hằng năm chi bộ có kế hoạch bồi dưỡng, giúp đỡ các quần chúng ưu tú và cử đi học lớp bồi dưỡng đối tượng Đảng. Tài chính của chi bộ được thu chi một cách công khai minh bạch [H1-1.3-12].

- Công đoàn trường đã tổ chức đại hội nhiệm kỳ theo đúng quy định [H1-1.3-15]. Sau đại hội, BCH công đoàn xây dựng quy chế hoạt động, thường

xuyên hợp và phân công nhiệm vụ cho từng thành viên [H1-1.3-17] [H1-1.3-19]. Công đoàn đã xây dựng kế hoạch hoạt động theo nhiệm kỳ và từng năm học [H1-1.3-18]. Công đoàn nhà trường, ban nữ công, ủy ban kiểm tra công đoàn đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục về chủ trương đường lối của Đảng, phối hợp với chuyên môn để triển khai nhiệm vụ các năm học, kiểm tra giám sát thực hiện các chế độ chính sách có liên quan đến quyền lợi của người lao động, nắm bắt những bất cập, khó khăn của công đoàn viên. [H1-1.3-22] [H1-1.3-23]. Tài chính của công đoàn theo đúng quy định [H1-1.3-21].

- Chi đoàn nhà trường tổ chức đại hội theo từng nhiệm kỳ, sau khi đại hội đã bầu ra bí thư để điều hành các hoạt động [H1-1.3-28] [H1-1.3-29]. Chi đoàn đã xây dựng kế hoạch cụ thể trong từng năm học [H1-1.3-30], [H1-1.3-31], phối hợp với Liên đội và Công đoàn nhà trường để thực hiện các hoạt động chung của nhà trường. [H1-1.3-32]

- Liên đội thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh tổ chức đại hội theo nhiệm kỳ 01 lần/năm học [H1-1.3-36]. Đại hội đã bầu ra ban chỉ huy Liên đội để điều hành các hoạt động của Liên đội. Ban chỉ huy liên đội đã xây dựng kế hoạch và phân công cho các thành viên phụ trách các hoạt động cụ thể [H1-1.3-33]. Hàng tháng, hàng kỳ Ban chỉ huy liên đội tổ chức họp để đánh giá các hoạt động [H1-1.3-37]. Liên đội tổ chức tốt các hoạt động Đội – Sao [H1-1.3-34] [H1-1.3-35] [H1-1.3-40]. Liên đội nhà trường liên tục đạt danh hiệu Liên đội vững mạnh, được Hội đồng Đội huyện khen thưởng. [H1-1.3-38]; [H1-1.3-41]

- Các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh hoạt động theo quy định của pháp luật và Điều lệ của từng tổ chức nhằm giúp nhà trường thực hiện mục tiêu giáo dục.

c) Hằng năm, các tổ chức này có kế hoạch hoạt động và được sơ kết, tổng kết vào cuối kỳ 1 và cuối năm học để đánh giá các hoạt động, đồng thời đề ra phương hướng để lãnh đạo, chỉ đạo năm học tiếp theo. [H1-1.3-08]; [H1-1.3-24]; [H1-1.3-32]; [H1-1.3-39].

Mức 2:

a) Chi bộ Đảng có cơ cấu và tổ chức theo quy định. Nhiều năm chi bộ được xếp loại hoàn thành tốt, xuất sắc nhiệm vụ. [H1-1.3-14]

b) Trong nhiều năm, Công đoàn đạt danh hiệu "Công đoàn cơ sở vững mạnh", Năm học 2018-2019, công đoàn trường được Liên đoàn lao động huyện tặng giấy khen (số 23/QĐ-LĐLĐ ngày 20 tháng 7 năm 2019); năm học 2020-2021, công đoàn được Liên đoàn lao động huyện tặng giấy khen (số 27/QĐ-LĐLĐ ngày 19 tháng 7 năm 2021) [H1-1.3-26]; Năm học 2016-2017, Liên đội được Ban chấp hành Đoàn thanh niên tỉnh Nam Định tặng bằng khen (số 66/QĐ/TĐTN ngày 22 tháng 8 năm 2017) [H1-1.3-41]

Mức 3:

a) Từ năm 2016 đến năm 2020 chi bộ đã lãnh đạo, chỉ đạo mọi công việc nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ và được Đảng bộ xã Thọ Nghiệp đánh giá đạt Chi bộ trong sạch vững mạnh và Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. [H1-1.3-14]

b) Các đoàn thể và các tổ chức khác trong nhà trường đã xây dựng được tập thể nhà trường luôn đoàn kết, chấp hành tốt mọi chủ trương chính sách của đảng, pháp luật của Nhà nước, các quy định của ngành và của địa phương; có chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, nhiệt tình trong mọi công việc được nhân dân tín nhiệm. Cơ sở vật chất của nhà trường ngày càng khang trang; học sinh ngoan ngoãn, mạnh dạn, tự tin, tích cực học tập; năng động và sáng tạo trong mọi hoạt động.

2. Điểm mạnh

- Nhà trường có đủ các tổ chức đoàn thể như Chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Chi đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Liên đội TNTP Hồ Chí Minh, Sao Nhi đồng. Cơ cấu tổ chức các đoàn thể trong nhà trường đảm bảo theo đúng Điều lệ của từng tổ chức giúp cho việc điều hành các hoạt động của nhà trường được thuận lợi và mang lại hiệu quả.

- Các tổ chức đoàn thể đã hoạt động tích cực theo đúng điều lệ của từng tổ chức. Giúp cho nhà trường đã cải tiến được chất lượng giáo dục, nâng cao hiệu quả của các hoạt động.

3. Điểm yếu

- Các đồng chí trong BCH công đoàn là kiêm nhiệm cho nên về năng lực, tính sáng tạo trong công tác Công đoàn còn hạn chế.

- Kinh phí hạn hẹp nên không tổ chức được nhiều hoạt động cho Công đoàn viên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/ Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
- Tiếp tục duy trì và phát huy vai trò của các đoàn thể Chi bộ, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Đội thiếu niên TP HCM.	Ban chỉ ủy, BCH công đoàn, Bí thư Đoàn, TPT Đội		Năm học 2021-2022	
- Xây dựng kế hoạch các hoạt động cụ thể, khả thi	Ban chỉ ủy, BCH công đoàn, Bí thư Đoàn, TPT Đội		Năm học 2021-2022	
- Sắp xếp thời gian hợp lý để tổ chức các hoạt động	Ban chỉ ủy, BCH công đoàn, Bí thư Đoàn, TPT Đội		Năm học 2021-2022	

Giải pháp cụ thể/ Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
- Huy động nguồn kinh phí từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài trường.	CBGVNV	Gặp gỡ trực tiếp	Năm học 2021-2022	

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	a	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	b	Đạt
c	Đạt	-----		-----	
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

- a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường;
- b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) BGH nhà trường gồm: 01 Hiệu trưởng và 03 Phó hiệu trưởng đảm bảo theo quy định tại khoản 1, 2 điều 11 của Điều lệ trường Tiểu học.

- Hiệu trưởng:

+ Họ tên: Phạm Thị Thu Yên

+ Ngày tháng năm sinh: 07/5/1974

+ Trình độ chuyên môn: Đại học

+ Đã được bổ nhiệm (bổ nhiệm lại, luân chuyển) làm hiệu trưởng lần thứ năm theo quyết định số 3094/QĐ-UBND ngày 24/6/2019 của UBND huyện Xuân Trường. Thời gian đã làm Phó hiệu trưởng 6 năm 9 tháng, thời gian làm Hiệu trưởng tại trường Tiểu học A Thọ Nghiệp là 11 năm 2 tháng, làm Hiệu trưởng trường Tiểu học B Thọ Nghiệp là 2 năm 11 tháng, làm Hiệu trưởng tại trường Tiểu học Thọ Nghiệp được 2 năm 4 tháng. [H2-2.1-01]

- Phó hiệu trưởng:

+ Họ tên: Phạm Văn Thanh

+ Ngày tháng năm sinh: 17/10/1976

+ Trình độ chuyên môn: Đại học

+ Đã được bổ nhiệm làm Phó hiệu trưởng lần thứ 3 vào ngày 01/07/2019 theo quyết định số 3102 QĐ-UBND của UBND huyện Xuân Trường.

+ Thời gian làm Phó hiệu trưởng tại đơn vị là 2 năm 4 tháng. [H2-2.1-01]

- Phó hiệu trưởng:

+ Họ tên: Nguyễn Thị Huyền

+ Ngày tháng năm sinh: 04/10/1969

+ Trình độ chuyên môn: Đại học

+ Đã được bổ nhiệm làm Phó hiệu trưởng lần thứ 5 vào ngày 01/07/2019 theo quyết định số 3104 QĐ-UBND của UBND huyện Xuân Trường. Thời gian làm Phó hiệu trưởng tại đơn vị là 2 năm 4 tháng. [H2-2.1-01]

- Phó hiệu trưởng:

+ Họ tên: Trần Minh Tú

+ Ngày tháng năm sinh: 08/03/1977

+ Trình độ chuyên môn: Đại học

+ Đã được bổ nhiệm làm Phó hiệu trưởng lần thứ 4 vào ngày 01/07/2019 theo quyết định số 3103 QĐ-UBND của UBND huyện Xuân Trường. Thời gian làm Phó hiệu trưởng tại đơn vị là 2 năm 4 tháng. [H2-2.1-01]

b) Nhà trường có 5 tổ chuyên môn là Tổ 1; Tổ 2; Tổ 3; Tổ 4; Tổ 5 và 01 tổ VP được thành lập do hiệu trưởng ra quyết định vào đầu mỗi năm học theo quy định tại điều 14, điều 15 Điều lệ trường tiểu học.

- Tổ chuyên môn 1 có 10 thành viên gồm 07 đồng chí giáo viên dạy khối 1 và 02 đồng chí dạy môn chuyên do đồng chí Phạm Thị Thảo làm tổ trưởng, đồng chí Ngô Thị Hương là tổ phó.

- Tổ 2 có 10 thành viên gồm 7 đồng chí giáo viên dạy khối 2 và 03 đồng chí dạy môn Âm nhạc, Mĩ thuật, Thể dục do đồng chí Lê Thị Ngoan làm tổ trưởng, đồng chí Trần Thị Thanh Hải làm tổ phó.

- Tổ 3 có 11 thành viên gồm 07 đồng chí giáo viên dạy khối 3 (2 GV hợp đồng) và 04 đồng chí dạy môn Tiếng Anh, Tin học, Thể dục do đồng chí Trần Thị Liên làm tổ trưởng, đ/c Lê Thị Huyền làm tổ phó.

- Tổ 4 có 13 thành viên gồm 11 đồng chí giáo viên dạy khối 4 (2 GV hợp đồng) và 1 đồng chí dạy môn Tiếng Anh do đồng chí Vũ Thị Hằng làm tổ trưởng, đồng chí Nguyễn Thị Nhâm làm tổ phó.

- Tổ 5 có 9 thành viên gồm 06 đồng chí giáo viên dạy khối 5 và 03 đồng chí dạy môn chuyên. Tổ trưởng là đồng chí Đinh Thị Nhàn, tổ phó là đồng chí Mai Thu Thủy.

- Tổ văn phòng có 04 đồng chí gồm đồng chí là kế toán, NV Y tế và NV hành chính (làm công tác văn thư, thư viện) do đồng chí Đoàn Thị Nhài làm tổ trưởng. [H1-1.4-01]

c) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng căn cứ vào kế hoạch của nhà trường để xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ theo từng năm học [H1-1.4-02]; [H1-1.4-05]. Tổ chuyên môn và tổ văn phòng thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại điều 14, điều 15 Điều lệ trường tiểu học.

Mức 2:

a) Hằng năm, tổ chuyên môn căn cứ vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của nhà trường để xây dựng đề xuất một số chuyên đề chuyên môn, các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục như chuyên đề: “Đổi mới sinh hoạt chuyên môn”, “Dạy học và đánh giá học sinh theo hướng phát triển năng lực người học ở trường tiểu học”, “Phát huy hiệu quả hội đồng tự quản lớp”, “Đánh giá HS theo thông tư 22/2016/TT-BGDĐT”. Sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học... [H1-1.4-03]

b) Cuối mỗi học kỳ tổ chuyên môn và tổ văn phòng nhận xét đánh giá những ưu điểm của tổ đã đạt được trong học kỳ I, những hạn chế cần khắc phục và phương hướng phấn đấu học kỳ II. Cuối mỗi năm học tổ chuyên môn và tổ văn phòng có nhận xét đánh giá tổng kết, tổ chức cho GV đánh giá theo Chuẩn nghề nghiệp GV tiểu học, bình bầu thi đua trong tổ và đề xuất khen thưởng cho GV và HS có thành tích lên Hội đồng Thi đua khen thưởng nhà trường. [H1-1.4-04] [H1-1.4-06]

Mức 3:

a) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng đã thực hiện các hoạt động hàng tuần, hàng tháng theo kế hoạch đã xây dựng giúp cho các hoạt động của nhà trường có nền nếp và hoàn thành các chỉ tiêu đề ra. Việc thực hiện chương

trình, kế hoạch của các khối lớp theo đúng quy định, chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ được bồi dưỡng thường xuyên. [H1-1.4-02] [H1-1.4-05]

b) Tổ chuyên môn đã thực hiện có hiệu quả một số chuyên đề giúp cho chất lượng giảng dạy của các khối lớp được nâng lên nhất là về “Dạy học theo mô hình trường học mới Việt Nam”, “Đánh giá HS theo TT22, TT27, các tiết học ngoài không gian lớp học.[H1-1.4-03]

2. Điểm mạnh

- Nhà trường có đầy đủ cán bộ quản lý theo quy định tài khoản 1, 2 điều 11 tại Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Điều lệ trường tiểu học.

- Nhà trường có các tổ chuyên môn, tổ VP theo đúng quy định tại điều 14, điều 15 Điều lệ trường Tiểu học.

- Tổ chuyên môn đã đề xuất và thực hiện có hiệu quả một số chuyên đề góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục.

3. Điểm yếu

Trường có 2 điểm trường, các đồng chí trong tổ văn phòng phải kiêm nhiệm nhiều công việc nên hiệu quả đem lại chưa cao.

Một số buổi sinh hoạt chuyên môn hiệu quả chưa cao, việc trao đổi chuyên môn còn tập trung chủ yếu ở tổ trưởng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục làm tốt công tác xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ, cá nhân có sự thống nhất với kế hoạch của nhà trường, đảm bảo lịch sinh hoạt chuyên môn của tổ theo quy định.

Giải pháp cụ thể/ Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
- Phân công nhiệm vụ cho các thành viên tổ văn phòng phù hợp với năng lực, sở trường để nâng cao hiệu quả công việc.	BGH		Năm học 2021 - 2022	
- Thường xuyên dự SHCM với các tổ chuyên môn, Kiểm tra thường xuyên, đột xuất hồ sơ chuyên môn.	BGH		Năm học 2021 - 2022	

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt

a	Đạt	a	Đạt	a	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	b	Đạt
c	Đạt	-----		-----	
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.5: Khối lớp và tổ chức lớp học

Mức 1:

- a) Có đủ các khối lớp cấp tiểu học;
- b) Học sinh được tổ chức theo lớp học; lớp học được tổ chức theo quy định;
- c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

Mức 2:

- a) Trường có không quá 30 (ba mươi) lớp;
- b) Sĩ số học sinh trong lớp theo quy định;
- c) Tổ chức lớp học linh hoạt và phù hợp với các hình thức hoạt động giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng

Tiêu chí 1.5: Khối lớp và tổ chức lớp học

Mức 1:

- a) Có đủ các khối lớp cấp tiểu học;
- b) Học sinh được tổ chức theo lớp học; lớp học được tổ chức theo quy định;
- c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

Mức 2:

- a) Trường có không quá 30 (ba mươi) lớp;
- b) Sĩ số học sinh trong lớp theo quy định;
- c) Tổ chức lớp học linh hoạt và phù hợp với các hình thức hoạt động giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Năm học 2021-2022, do sáp nhập từ 2 trường nên trường có 35 lớp với 1144 học sinh (18 học sinh khuyết tật). Trong đó khối 1 có 7 lớp với 245 học sinh; khối 2 có 7 lớp với 217 học sinh; khối 3 có 6 lớp với 203 học sinh; khối 4 có 9 lớp với 282 học sinh; khối 5 có 6 lớp với 197 học sinh. [H5-5.2-05]

b) Học sinh được tổ chức theo lớp, mỗi lớp bầu 1 Chủ tịch HĐTQ, các Phó chủ tịch HĐTQ và các trưởng ban: trưởng ban học tập, trưởng ban văn nghệ, trưởng ban nề nếp, trưởng ban đối ngoại, trưởng ban thư viện... do tập thể lớp tín nhiệm bầu ra và có sự luân phiên thay đổi. Mỗi lớp có 1 GV làm công tác chủ nhiệm. [H1-1.5-01]

c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ. Hội đồng tự quản của lớp được bầu công khai. Kế hoạch hoạt động của hội đồng tự quản, của các ban do các em tự xây dựng cụ thể theo tuần, theo tháng và do chủ tịch hội đồng tự quản, trưởng các ban điều hành. [H1-1.5-02]

Mức 2:

a) Từ năm học 2015 - 2016 đến năm 2018 – 2019 khi chưa sáp nhập mỗi trường có từ 15 đến 19 lớp, đảm bảo số lớp theo quy định. Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2020- 2021 trường có 35 lớp. [H5-5.2-05]

b) Số học sinh trên lớp đảm bảo theo quy định. [H5-5.2-05]

c) Tổ chức lớp học theo mô hình trường Tiểu học mới VNEN, tổ chức lớp học được bố trí linh hoạt cho phù hợp với các hoạt động dạy học. Trong mỗi lớp học sinh được chia thành các nhóm học tập, ở mỗi nhóm học sinh được sắp xếp bao gồm các đôi tượng để các em có thể giúp đỡ, hỗ trợ lẫn nhau trong các hoạt động. Số lượng học sinh trong các nhóm tùy theo việc tổ chức các hoạt động, có thể là nhóm 2, nhóm 4 hoặc nhóm 6. Ngoài ra, mỗi lớp học sinh còn được chia thành các ban tùy theo năng lực, sở thích của học sinh và học sinh được tự nguyện tham gia hoặc không tham gia vào các ban. [H5-5.2-06]

2. Điểm mạnh

- Nhà trường có đủ các khối lớp từ lớp 1 đến lớp 5. Mỗi lớp học được biên chế hợp lý giúp cho GV chủ nhiệm và GV bộ môn làm tốt công tác giảng dạy và GD HS.

- Cơ cấu tổ chức của mỗi lớp học hợp lý, dạy học theo mô hình trường học mới VNEN, HS được phát huy quyền dân chủ trong các hoạt động.

- Tất cả HS đều được học tại một điểm trường nên rất thuận lợi cho việc quản lý và nâng cao chất lượng dạy học.

3. Điểm yếu

Trường có nhiều lớp do sáp nhập

Khối 1; 2 học sinh còn nhỏ nên Hội đồng tự quản lớp hoạt động đạt hiệu quả chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục phát huy quyền làm chủ của HS trong việc lựa chọn HĐTQ của lớp. Hướng dẫn và khích lệ đội ngũ HĐTQ để phát huy tốt vai trò và nâng cao năng lực của các em.

Giải pháp cụ thể/ Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Tập huấn hội đồng tự quản các khối 1; 2	GVCN, TPT, HĐTQ các lớp	Tài liệu tập huấn	Từ đầu năm học đến cuối học kì I	

Giải pháp cụ thể/ Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
	3,4,5		các năm học	
Theo dõi và hỗ trợ	BGH, GVCN, TPT		8 tuần học kì I các năm học	
Tuyên dương, khen thưởng kịp thời	BGH, GVCN, TPT	Theo dõi, nắm bắt	Thường xuyên, định kỳ	

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	----	----
b	Đạt	b	Đạt	----	----
c	Đạt	c	Đạt	----	----
Đạt		Đạt			

Kết quả: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;

c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có đầy đủ hồ sơ phục vụ hoạt động GD theo quy định của Điều lệ trường Tiểu học: Sổ quản lý các văn bản, công văn [H1-1.6-01]. Sổ đăng bộ, sổ PCGD tiểu học [H5-5.4-04], sổ tổng hợp kết quả giáo dục [H5-5.2-05]; hồ sơ GD đối với HS khuyết tật [H5-5.4-06]; học bạ của HS [H1-1.6-02]; hồ sơ quản lý CB-GV-NV; sổ tài sản, tài chính [H1-1.6-07]. Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định của Thông tư số 27/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016.

b) Nhà trường lập dự toán thu, chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản theo quy định và theo điều kiện thực tế của nhà trường. Hằng năm, căn cứ vào sự chỉ đạo của cấp trên, vào các quy chế đã được xây dựng, nhà trường quyết toán công khai tài chính 2 lần/ năm vào cuối tháng 6 và cuối tháng 12 hằng năm. Định kì, nhà trường công khai tài chính, tài sản theo thông tư 61/2017 TT- BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ tài chính và thông tư 36/2017/TT- BGDĐT ngày 28/12/2017. [H1-1.6-03] [H1-1.6-04]

- Trong hội nghị Cán bộ, công chức, viên chức hằng năm nhà trường đã thảo luận, thống nhất để xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ. Vào tháng 01 hằng năm nhà trường bổ sung, cập nhật quy chế chi tiêu nội bộ cho phù hợp với điều kiện thực tế và quy định hiện hành. [H1-1.9-02]

c) Tài sản của nhà trường được quản lý và bàn giao vào đầu và cuối năm học. [H1-1.6-08], Tài chính của nhà trường chi theo đúng tiêu chuẩn, định mức được xây dựng trong quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường.

Mức 2:

a) Nhà trường đã sử dụng một số phần mềm để quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường như: Phần mềm kế toán, phần mềm phổ cập, cơ sở dữ liệu ngành [1.6-06].

b) Nhà trường được kiểm tra hành chính, tài sản, tài chính định kì theo kế hoạch của cấp trên. Trong 05 năm gần đây không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.[H1-1.6-05]

Mức 3:

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường và thực tế địa phương được xây dựng cụ thể trong kế hoạch chiến lược phát triển của nhà trường. [H1-1.1-01]

2. Điểm mạnh

- Nhà trường có đầy đủ hồ sơ phục vụ hoạt động giáo dục của nhà trường theo quy định của Điều lệ trường Tiểu học. Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định của Thông tư số 27/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016.

- Tài chính, tài sản của nhà trường sử dụng một cách có hiệu quả, đúng mục đích, công khai minh bạch.

- Nhà trường đã ứng dụng công nghệ thông tin vào việc quản lí hành chính, tài sản tài chính.

3. Điểm yếu

Các thành viên tổ VP phải kiêm nhiệm nhiều công việc nên việc lưu trữ, sắp xếp hồ sơ, chưa thật đảm bảo theo yêu cầu và quy định của Luật lưu trữ và các quy định khác của pháp luật.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục phát huy việc ứng dụng công nghệ thông tin vào việc quản lí hành chính, tài sản tài chính.

<i>Giải pháp cụ thể/ Công việc cần thực hiện</i>	<i>Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)</i>	<i>Điều kiện để thực hiện</i>	<i>Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành</i>	<i>Dự kiến kinh phí</i>
Nghiên cứu các văn bản về luật lưu trữ	NV, CB, GV	Các văn bản	Năm học 2021-2022	
Tập huấn cho nhân viên phụ trách lưu trữ hồ sơ.	PGD	Đăng kí dự các lớp tập huấn	Năm học 2021-2022	1-2 triệu đồng
Phối kết hợp mọi thành viên trường trong việc lưu trữ hồ sơ	BGH, NV	BGH, CB, GV	Năm học 2021-2022	

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	-----	-----
c	Đạt	-----	-----	-----	-----
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hàng năm nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên, kế hoạch chỉ đạo chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ CBQL, GV và NV. Kế hoạch có chỉ tiêu cụ thể, biện pháp rõ ràng, phù hợp thực tế [H7-1.7-01].

b) Nhà trường đã phân công đúng người, đúng việc, rõ ràng, đảm bảo định mức, sử dụng linh hoạt, phù hợp với năng lực, trình độ chuyên môn của từng người đảm bảo nâng cao hiệu quả các hoạt động của nhà trường; [H7-1.7-02].

c) CBQL, GV và NV được đảm bảo các quyền theo quy định, được đóng BHXH, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, hưởng các quyền theo Điều lệ trường tiểu học [H1-1.7-03]. Tuy nhiên, việc thiếu GV so với định biên đã gây khó khăn cho việc sử dụng lao động và làm ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của nhà trường.

Mức 2:

Nhà trường đã có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục. Nhà trường đã phát động phong trào làm đồ dùng dạy học, động viên khen thưởng kịp thời những tổ, cá nhân có nhiều sáng kiến phát huy năng lực nâng cao chất lượng giáo dục. Khuyến khích giáo viên nghiên cứu viết sáng kiến kinh nghiệm và áp dụng vào thực tế [H1-1.7-04] [H1-1.7-05].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường đã phân công nhiệm vụ cho từng thành viên phù hợp với năng lực và trình độ chuyên môn.

- Việc quản lý CB, GV, NV được nhà trường thực hiện theo quy định của Luật Cán bộ, công chức; Luật Viên chức, Điều lệ trường tiểu học và các quy định khác của pháp luật

- Mọi thành viên được phát huy quyền dân chủ và đảm bảo các quyền theo quy định.

- Nhà trường đã xây dựng kế hoạch và tạo điều kiện để cán bộ, giáo viên, nhân viên được bồi dưỡng và nâng cao chuyên môn nghiệp vụ.

3. Điểm yếu

- Kinh phí dành cho việc bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ còn hạn chế.

- Ý thức tự học, tự bồi dưỡng của một số giáo viên chưa cao, chưa thường xuyên.

- Nội dung và hình thức bồi dưỡng chưa phong phú.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

<i>Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện</i>	<i>Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)</i>	<i>Điều kiện để thực hiện</i>	<i>Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành</i>	<i>Dự kiến kinh phí</i>
- Huy động các nguồn lực để bồi dưỡng cho việc bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho GV	HT, KT	Tiết kiệm từ nguồn ngân sách nhà nước	Năm học 2021-2022	
- Nâng cao ý thức tự học, tự bồi dưỡng của đội ngũ thông qua kiểm tra, đánh giá.	BGH, TTCM		Thường xuyên trong năm học	
- Đa dạng, phong phú hình thức bồi dưỡng như tổ chức Hội thảo chuyên đề.	BGH	Xây dựng kế hoạch	Các năm học	

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	-----	-----
b	Đạt	-----	-----	-----	-----
c	Đạt	-----	-----	-----	-----
Đạt		Đạt			

Kết quả: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2: Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng**Mức 1:**

a) Hằng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch năm học, kế hoạch GD để thực hiện các nhiệm vụ giảng dạy và giáo dục đúng theo quy định hiện hành và phù hợp với điều kiện thực tế nhà trường và địa phương [H5-5.1-01].

b) Mọi hoạt động xây dựng trong kế hoạch được thực hiện theo đúng tiến độ, thực hiện đầy đủ các hoạt động và hoàn thành theo các chỉ tiêu đề ra [H1-1.8-02], [H5-5.2-06].

c) Hằng tháng, hằng kì, hằng năm nhà trường đã rà soát, đánh giá, điều chỉnh kế hoạch để phát huy những mặt mạnh và có những giải pháp để khắc phục những hạn chế. [H1-1.8-01]; [H1-1.8-03]

Mức 2:

Trong các hoạt động giáo dục, nhà trường xây dựng kế hoạch, thành lập ban chỉ đạo để theo dõi, đánh giá kết quả từng hoạt động, đánh giá rút kinh nghiệm kịp thời để có những biện pháp để phát huy được năng lực của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục như: Tuyên truyền để giáo viên có nhận thức đúng đắn về nghề nghiệp, về chuyên môn, về tầm quan trọng của mỗi công việc bản thân phụ trách. Xác định những kỹ năng nghiệp vụ cơ bản cán bộ, giáo viên, nhân viên còn hạn chế cần được bồi dưỡng để bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, động viên khuyến khích để nâng cao tính tự giác, tính sáng tạo. Tạo thói quen tự học, tự bồi dưỡng ở mỗi thành viên. [H1-1.8-01]; [H1-1.8-03]

2. Điểm mạnh

- Nhà trường đã xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ theo đúng quy định, phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, của địa phương.

- Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ theo đúng kế hoạch đã xây dựng.

- Nhà trường đã có những biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong việc nâng cao chất lượng giáo dục.

3. Điểm yếu

Kế hoạch đã thể hiện được đặc điểm riêng của trường song chưa có ý chí tiến công và những bước đột phá.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

<i>Giải pháp cụ thể/ Công việc cần thực hiện</i>	<i>Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phó/ hợp/ giám sát)</i>	<i>Điều kiện để thực hiện</i>	<i>Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành</i>	<i>Dự kiến kinh phí</i>
- Nghiên cứu kỹ nội lực và tác động bên ngoài để xây dựng kế hoạch.	BGH		Năm học 2021-2022	
- Kiểm tra, đôn đốc các hoạt động của nhà trường	BGH		Thường xuyên	
- Sau mỗi hoạt động đánh giá, rút kinh nghiệm	BGH, TPT, BT Đoàn, GVCN		Thường xuyên	

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	----	-----
b	Đạt	----	-----	----	-----
c	Đạt	----	-----	----	-----
Đạt		Đạt			

Kết quả: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hàng năm, trong hội nghị CB, CC, VC [H1-1.9-06], cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến để xây dựng kế hoạch năm học, quy chế dân chủ [H1-1.9-01], quy chế chi tiêu nội bộ [H1-1.9-02], quy chế làm việc [H1-1.9-03], quy chế chuyên môn, quy chế thực hành tiết kiệm [H1-1.9-04], quy tắc ứng xử văn hóa [H1-1.9-05]

b) Trong nhiều năm liền nhà trường không có đơn thư khiếu nại, tố cáo. [H1-1.8-03]

c) Hàng năm, nhà trường có báo cáo đánh giá việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường. [H1-1.9-06]

Mức 2:

Hàng năm việc giám sát thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở được tiến hành thường xuyên, thông qua kết quả giám sát của ban thanh tra nhân dân [H1-1.9-07]; [H1-1.9-08]. Kết hợp với lãnh đạo nhà trường giám sát việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị cán bộ công chức viên chức hàng năm. Giám sát việc thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động, thực hiện công tác thi đua, khen thưởng [H1-1.9-09]; Định kỳ có báo cáo công tác Công đoàn, báo cáo công khai tài chính, đảm bảo minh bạch, công khai. Thực hiện nghiêm việc tiếp công dân [H1-1.9-10], kịp thời giải quyết các ý kiến của nhân dân [1.9-11]. Chính vì thế, trong những năm qua, trường không có khiếu nại, tố cáo, mọi hoạt động trong nhà trường diễn ra đúng kế hoạch [H1-1.8-03]. Giáo viên, nhân viên tin tưởng vào sự lãnh đạo của chi ủy, BGH, quyết tâm xây dựng nhà trường thành điểm sáng của địa phương.

2. Điểm mạnh

- Nhà trường đã xây dựng đầy đủ các quy chế được công khai, dân chủ trong hội nghị CB,CC,VC hàng năm theo quy định tại Nghị định số 04/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

- Các thành viên đã nghiêm túc thực hiện các hoạt động theo các quy chế đã xây dựng.

- Hàng năm không có khiếu nại, tố cáo.

- Nhà trường đã có những biện pháp để giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ.

3. Điểm yếu

Một số GV, NV đôi lúc chưa mạnh dạn trao đổi, đóng góp ý kiến xây dựng một số hoạt động của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường đã có những biện pháp để giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong trường học.

<i>Giải pháp cụ thể/ Công việc cần thực hiện</i>	<i>Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)</i>	<i>Điều kiện để thực hiện</i>	<i>Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành</i>	<i>Dự kiến kinh phí</i>
- Tạo môi trường làm việc thân thiện, cởi mở.	BGH, BCH CĐ, GV, NV		Năm học 2021-2022	
- Giúp mỗi thành viên nhận thức đúng đắn, có trách nhiệm trong việc đóng góp ý kiến.	BGH, BCH CĐ		Năm học 2021-2022	
Tạo cơ hội để mọi người được bày tỏ ý kiến.	BGH, BCH CĐ		Năm học 2021-2022	

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	-----	-----
b	Đạt	-----	-----	-----	-----
c	Đạt	-----	-----	-----	-----
Đạt		Đạt			

Kết quả: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn và thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

c) Không có hiện tượng kì thị, hành vi bạo lực vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Mỗi điểm trường nhà trường có một NV bảo vệ trường học. Khuôn viên nhà trường có tường bao quanh. Các điều kiện CSVC của nhà trường như lan can, cầu thang, lưới điện,... thường xuyên được kiểm tra toàn để đảm bảo tiêu chuẩn an toàn theo quy định. Nhà trường có kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự; phòng chống tai nạn thương tích, cháy nổ, an toàn phòng tránh các thảm họa thiên tai, phòng chống dịch bệnh, phòng tránh các tệ nạn xã hội. [H1-1.10-01]

b) Nhà trường có hộp thư góp ý, công khai số điện thoại của cán bộ giáo viên để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân để đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh. [1.9-11]

c) Trong nhà trường mọi học sinh đều được đối xử công bằng, thân thiện giữa thầy với thầy, trò với trò, thầy với trò, nhà trường với gia đình, giữa CMHS với nhà trường, không có hiện tượng kì thị, vi phạm giới tính bạo lực trong nhà trường. [H5-5.2-06]

Mức 2:

a) Kế hoạch được triển khai tới toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường và được thực hiện có hiệu quả. Tuyên truyền và vận động giáo viên, học sinh cách phòng chống dịch bệnh, phòng tránh các tai, tệ nạn xã hội trong nhà trường, phòng chống cháy nổ, phòng chống thảm họa thiên tai, phòng chống bạo lực học đường, đảm bảo an ninh trật tự [H1-1.10-01]; [H1-1.10-02]. Đồng thời có các biện pháp đảm bảo an toàn cho học sinh và cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường. Có quy chế phối hợp thực hiện đảm bảo an ninh trật tự giữa công an xã và nhà trường [H4-4.2-03]. Tuyên truyền cho học sinh cán bộ, giáo viên trong công tác phòng chống thiên tai, bệnh dịch, phòng tránh các tệ nạn xã hội để tự bảo vệ mình và bảo vệ người khác. [H5-5.3-06]

b) Nhà trường đã tổ chức, hướng dẫn cho giáo viên, nhân viên kỹ năng xử lý các tình huống liên quan đến bạo lực học đường. Thường xuyên kiểm tra nắm bắt và ngăn chặn kịp thời những tình huống xảy ra trong nhà trường. [H1-1.10-01]

2. Điểm mạnh

- Nhà trường đã tổ chức, hướng dẫn cho GV, NV kỹ năng xử lý các tình huống liên quan đến bạo lực học đường.

- Thực hiện tốt các quy định về phòng chống dịch bệnh, an toàn vệ sinh thực phẩm.

3. Điểm yếu

- Chưa có đầy đủ các trang thiết bị phòng chống cháy nổ trong nhà trường.

- Kỹ năng sử dụng phương tiện phòng chống cháy nổ của CB, GV, NV còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục duy trì việc hướng dẫn cho GV, NV kỹ năng xử lý các tình huống liên quan đến bạo lực học đường.

Giải pháp cụ thể/ Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
- Mua bổ sung trang thiết bị phòng chống cháy nổ	Hiệu trưởng	Kinh phí	Năm học 2021- 2022	20 triệu đồng
- Tham mưu để được tập huấn về công tác phòng chống cháy nổ tới CB, GV, NV, HS	BGH	Có lớp tập huấn	Năm học 2021- 2022	

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	----	-----
b	Đạt	b	Đạt	----	-----
c	Đạt	-----	-----	----	-----
Đạt		Đạt			

Kết quả: Đạt mức 2

KẾT LUẬN VỀ TIÊU CHUẨN 1

* Điểm mạnh

- Nhà trường đã xây dựng được phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường phù hợp với mục tiêu giáo dục, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và các nguồn lực của nhà trường đã được phòng giáo dục phê duyệt. Hội đồng trường được thành lập và thực hiện chức năng nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định của điều lệ trường tiểu học.

- Trường có cơ cấu tổ chức bộ máy phù hợp với quy định của Điều lệ trường Tiểu học. Chi bộ Đảng, tổ chức Công đoàn, chi Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Đội TNTP Hồ Chí Minh, Sao Nhi đồng là những tổ chức độc lập nên rất thuận lợi trong sinh hoạt và hoạt động. Các tổ chức đều có kế hoạch, quy chế hoạt động, hoạt động có hiệu quả và thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn đã được quy định tại Điều lệ trường Tiểu học.

- BGH nhà trường xây dựng kế hoạch hoạt động theo tuần, tháng, năm học cụ thể theo đúng quy định và tính khả thi cao. Nhà trường thực hiện nghiêm túc quản lý chuyên môn, quản lý tài chính, quản lý HS; làm tốt công tác kiểm tra

nội bộ, công tác TĐKT nên có tác dụng tích cực trong việc động viên khích lệ kịp thời CB-GV-NV-HS góp phần nâng cao chất lượng GD toàn diện.

- Hằng năm, nhà trường xây dựng và thực hiện có hiệu quả các phương án đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống cháy nổ, phòng chống dịch bệnh. Vì thế, nhà trường không xảy ra bất cứ vụ tai nạn thương tích, cháy nổ và ngộ độc thực phẩm nào đối với CB-GV-NV-HS.

- Nhà trường có đầy đủ hồ sơ, sổ sách được lưu trữ theo quy định. Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng xây dựng kế hoạch hoạt động bám sát nhiệm vụ của nhà trường, thực hiện bồi dưỡng chuyên môn có hiệu quả.

* Điểm yếu

- Chiến lược phát triển nhà trường chưa nhận được nhiều ý kiến đóng góp của các tổ chức và cá nhân ngoài nhà trường.

- Đa số các đồng chí trong BCH công đoàn kiêm nhiệm cho nên về năng lực, tính sáng tạo trong công tác công đoàn còn hạn chế.

- Kinh phí hạn hẹp nên không tổ chức được nhiều hoạt động cho công đoàn viên.

- Việc quản lí, tổ chức một số hoạt động ngoài giờ lên lớp chưa sâu sát nên hiệu quả đem lại còn chưa cao.

- Chưa có đầy đủ các trang thiết bị phòng chống cháy nổ trong nhà trường

- Kỹ năng sử dụng phương tiện phòng chống cháy nổ của CB, GV, NV còn hạn chế.

* Kết quả

Tiêu chí	Đạt			
	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
Tiêu chí 1.1	x	x	x	
Tiêu chí 1.2	x	x	---	---
Tiêu chí 1.3	x	x	x	---
Tiêu chí 1.4	x	x	x	---
Tiêu chí 1.5	x	---	---	---
Tiêu chí 1.6	x	x	x	---
Tiêu chí 1.7	x	x	---	---
Tiêu chí 1.8	x	x	---	---
Tiêu chí 1.9	x	x	---	---
Tiêu chí 1.10	x	x	---	---

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 10/10

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0

TIÊU CHUẨN 2

CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN VÀ HỌC SINH

* Mở đầu

Trường tiểu học Thọ Nghiệp thực hiện cơ cấu tổ chức theo Điều lệ trường Tiểu học. Nhà trường có đầy đủ số lượng Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng bảo đảm được các tiêu chuẩn theo quy định của Luật giáo dục đối với các cấp học, Cán bộ quản lý của nhà trường có năng lực quản lý và kinh nghiệm để triển khai tốt các hoạt động giáo dục. Đội ngũ giáo viên, nhân viên của nhà trường có phẩm chất đạo đức tốt, trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, nhiệt tình trách nhiệm. Tập thể hội đồng sư phạm đoàn kết, thống nhất, nhiệt tình, tích cực sáng tạo trong các hoạt động giáo dục. Học sinh vốn có truyền thống hiếu học, chăm ngoan, lễ phép, năng động.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Quá trình công tác của cán bộ quản lý:

- Hiệu trưởng: Đồng chí hiệu trưởng Phạm Thị Thu Yên. Sinh ngày 07/5/1974 được tuyển dụng và phân công công tác năm 1994. Trình độ chuyên môn hiện nay là Đại học Sư phạm, trình độ lý luận chính trị là trung cấp và đã tốt nghiệp khóa bồi dưỡng quản lý giáo dục. Đồng chí đã được bổ nhiệm làm Phó Hiệu trưởng năm 1998, đến năm 2005 đồng chí được bổ nhiệm làm Hiệu trưởng trường Tiểu học A Thọ Nghiệp, năm 2016 đồng chí được luân chuyển về làm Hiệu trưởng trường Tiểu học B Thọ Nghiệp. Đến nay, sau khi sáp nhập 2 trường Tiểu học A và Tiểu học B Thọ Nghiệp thành trường Tiểu học Thọ Nghiệp đồng chí

được bổ nhiệm Hiệu trưởng vào ngày 01/7/2019 theo quyết định số 3094/QĐ-UBND ngày 24/6/2019 của UBND huyện Xuân Trường [H2-2.1-01].

- Phó hiệu trưởng:

+ Đồng chí Phạm Văn Thanh. Sinh ngày 17/10/1976 được tuyển dụng và phân công công tác năm 2000. Trình độ chuyên môn hiện nay là Đại học Sư phạm, trình độ lý luận chính trị là trung cấp và đã tốt nghiệp khóa bồi dưỡng quản lý giáo dục. Đồng chí đã được bổ nhiệm làm Phó Hiệu trưởng trường Tiểu học Xuân Ngọc năm 2014, năm 2015 đ/c được luân chuyển làm Phó hiệu trưởng trường Tiểu học Xuân Tiến, năm 2016 đ/c được bổ nhiệm là Hiệu trưởng trường Tiểu học A Thọ Nghiệp. Đến nay, sau khi sáp nhập 2 trường Tiểu học A và Tiểu học B Thọ Nghiệp thành trường Tiểu học Thọ Nghiệp đồng chí được bổ nhiệm Phó hiệu trưởng vào ngày 01/07/2019 theo quyết định số 3102 QĐ-UBND của UBND huyện Xuân Trường [H2-2.1-01].

+ Đồng chí Nguyễn Thị Huyền. Sinh ngày 04/10/1969 được tuyển dụng và phân công công tác năm 1989. Trình độ chuyên môn hiện nay là Đại học Sư phạm, trình độ lý luận chính trị là trung cấp và đã tốt nghiệp khóa bồi dưỡng quản lý giáo dục. Đồng chí đã được bổ nhiệm làm Phó Hiệu trưởng trường Tiểu học B Thọ Nghiệp năm 2001. Đến nay, sau khi sáp nhập 2 trường Tiểu học A và Tiểu học B Thọ Nghiệp thành trường Tiểu học Thọ Nghiệp đồng chí được bổ nhiệm lần thứ 5 vào ngày 01/07/2019 theo quyết định số 3104 QĐ-UBND của UBND huyện Xuân Trường [H2-2.1-01].

+ Đồng chí Trần Minh Tú. Sinh ngày 08/3/1977 được tuyển dụng và phân công công tác năm 2000. Trình độ chuyên môn hiện nay là Đại học Sư phạm, trình độ lý luận chính trị là trung cấp và đã tốt nghiệp khóa bồi dưỡng quản lý giáo dục. Đồng chí đã được bổ nhiệm làm Phó Hiệu trưởng trường Tiểu học A Thọ Nghiệp năm 2005. Đến nay, sau khi sáp nhập 2 trường Tiểu học A và Tiểu học B Thọ Nghiệp thành trường Tiểu học Thọ Nghiệp đồng chí được bổ nhiệm lần thứ 4 vào ngày 01/07/2019 theo quyết định số 3103 QĐ-UBND của UBND huyện Xuân Trường [H2-2.1-01].

b) Đánh giá, xếp loại:

Cuối mỗi năm học, nhà trường đều tổ chức đánh giá Hiệu trưởng và phó Hiệu trưởng theo đúng quy trình quy định đánh giá chuẩn hiệu trưởng trường tiểu học theo thông tư số 14/2011/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 4 năm 2011, công văn 3256/ BGDĐT- NGCBQLGD ngày 17/5/2011 và công văn số 630/BGDĐT-NGCBQLGD về hướng dẫn xếp loại phó hiệu trưởng theo quy trình như sau: Đối chiếu với quy định chuẩn, Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng tự đánh giá xếp loại sau đó chủ tịch công đoàn chủ trì đề hiệu trưởng, phó hiệu trưởng báo cáo kết quả tự đánh giá, cán bộ, giáo viên, nhân viên tham góp ý và đánh giá. Tiếp theo, ban chấp hành công đoàn tổng hợp kết quả đánh giá hiệu trưởng, phó hiệu trưởng. Cuối cùng, trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo trực tiếp đánh giá hiệu trưởng; hiệu trưởng đánh giá phó hiệu trưởng. Qua kết quả tổng hợp việc đánh giá hằng năm hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đã được sự tín nhiệm cao của tập thể sư phạm nhà trường. Đồng chí

Hiệu trưởng hằng năm được trường phòng GD&ĐT nhận xét, đánh giá: Có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt, năng lực quản lý trường tiểu học vững vàng, phối hợp giữa nhà trường và địa phương hiệu quả. Từ năm học 2018-2019, Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng tự đánh giá theo Thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT ban hành quy định chuẩn Hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông. [H2-2.1-02];[H2-2.1-03].

Kết quả đánh giá hiệu trưởng, phó hiệu trưởng hằng năm:

<i>Hiệu trưởng, Phó HT</i>	<i>Xếp loại đánh giá</i>				
	<i>Năm học 2016</i>	<i>Năm học 2017</i>	<i>Năm học 2018</i>	<i>Năm học 2019</i>	<i>Năm học 2020</i>
	<i>2017</i>	<i>2018</i>	<i>2019</i>	<i>2020</i>	<i>2021</i>
Phạm Thị Thu Yên	Xuất sắc	Xuất sắc	Khá	Tốt	Tốt
Nguyễn Thị Huyền	Xuất sắc	Xuất sắc	Khá	Khá	Tốt
Phạm Văn Thanh	Xuất sắc	Xuất sắc	Tốt	Tốt	Tốt
Trần Minh Tú	Xuất sắc	Xuất sắc	Tốt	Tốt	Tốt

c) Đào tạo bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ.

Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng đã tham gia học lớp bồi dưỡng quản lý GD và được cấp chứng chỉ lớp bồi dưỡng cán bộ quản lý; đã có chứng chỉ Tiếng Anh và Tin học theo yêu cầu; tham gia đầy đủ các khoá bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ. Các đồng chí đều có tinh thần trách nhiệm cao trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo điều 11 của Điều lệ trường Tiểu học. [H2-2.1-01] [H1-1.6-01].

Mức 2:

a) Đánh giá, xếp loại.

Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021, kết quả đánh giá xếp loại chuẩn Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng đều đạt từ Khá trở lên. [H2-2.1-03]

b) Bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị: Các đồng chí hiệu trưởng, phó hiệu trưởng đã tốt nghiệp lớp trung cấp lý luận chính trị. Các đồng chí đều có tinh thần trách nhiệm với công việc. Đồng chí hiệu trưởng Phạm Thị Thu Yên được bổ nhiệm chức danh Hiệu trưởng vào ngày 19/5/2005, đồng chí Nguyễn Thị Huyền Phó hiệu trưởng được bổ nhiệm chức danh Phó hiệu trưởng vào ngày 28/8/2001, đồng chí Phạm Văn Thanh Phó hiệu trưởng được bổ nhiệm chức danh Phó hiệu trưởng vào ngày 01/3/2014, đồng chí Trần Minh Tú phó hiệu trưởng được bổ nhiệm chức danh Phó hiệu trưởng vào ngày 01/6/2006 [H2-2.1-01]. Các đồng chí đều được Hội đồng sư phạm nhà tin nhiệm cao. [H2-2.1-02] [H2-2.1-03].

Mức 3:

Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021, kết quả đánh giá xếp loại chuẩn Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng đều đạt từ Khá trở lên, Hiệu trưởng có 2 năm xếp loại xuất sắc, 2 năm xếp loại tốt. [H2-2.1-03]

2. Điểm mạnh

- Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng nhiệt tình, có năng lực quản lý, trình độ chuyên môn vững vàng, sáng tạo, tâm huyết, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao.

- Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng đã qua lớp trung cấp lý luận chính trị, lớp bồi dưỡng quản lý GD, có đủ sức khỏe và năng lực để triển khai các hoạt động GD của nhà trường.

3. Điểm yếu

Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng khả năng sử dụng ngoại ngữ còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

<i>Giải pháp cụ thể/ Công việc cần thực hiện</i>	<i>Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)</i>	<i>Điều kiện để thực hiện</i>	<i>Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành</i>	<i>Dự kiến kinh phí</i>
- Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng tiếp tục phát huy năng lực quản lý và tinh thần trách nhiệm cao trong mọi công việc.	BGH		Năm học 2021- 2022	
- Tham gia các lớp bồi dưỡng về ngoại ngữ	BGH		Năm học 2021- 2022	
- Có kế hoạch tự học để nâng cao trình độ ngoại ngữ.	BGH		Năm học 2021- 2022	

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	-----	-----
c	Đạt	-----	-----	-----	-----
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

a) Số lượng giáo viên đảm bảo để dạy các môn học và tổ chức các hoạt động giáo dục theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học; có giáo viên làm Tổng phụ trách Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh;

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Số lượng, cơ cấu, tổ chức.

Nhà trường có đủ số lượng và cơ cấu GV để dạy các môn học của cấp học theo quy định. [H2-2.2-01], [H1-1.7-02].

Năm học	Tổng số GV	GV văn hóa	Giáo viên bộ môn					Tỷ lệ GV/lớp
			Âm nhạc	Mỹ thuật	Thể dục	Tiếng Anh	Tin học	
2016-2017	52	40	2	2	4	2	2	1,46
2017-2018	53	40	2	2	4	3	2	1,51
2018-2019	51	39	2	2	3	3	2	1,46
2019-2020	48	35	2	2	3	4	2	1,37
2020-2021	48	35	2	2	3	4	2	1,37
2021-2022	48	35	2	2	3	4	2	1,37

Năm học 2016-2017 và năm học 2017-2018 đồng chí Ngô Thị Tho - GV Thể dục được bổ nhiệm làm TPT Đội thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh

trường Tiểu học A Thọ Nghiệp; đồng chí Nguyễn Đức Cường - GV Âm nhạc được bổ nhiệm làm TPT Đội thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh trường Tiểu học B Thọ Nghiệp. Năm học 2018-2019, đồng chí Phạm Công Cường - GV Thể dục được bổ nhiệm làm TPT Đội thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh trường Tiểu học A Thọ Nghiệp, đồng chí Nguyễn Đức Cường - GV Âm nhạc được bổ nhiệm làm TPT Đội thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh trường Tiểu học B Thọ Nghiệp. Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2020-2021, đồng chí Trần Quang Luận - GV Mỹ thuật được bổ nhiệm làm TPT Đội thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh. Năm học 2021-2022 đồng chí Nguyễn Đức Cường - GV Âm nhạc được bổ nhiệm làm TPT Đội thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh. Đồng chí đã được tham gia các lớp tập huấn về công tác Đội, lớp bồi dưỡng công tác tư vấn tâm lí. Đồng chí đã tích cực tự học, tự bồi dưỡng có khả năng tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động Đội sôi nổi, thu hút học sinh tích cực tham gia. [H2-2.2-02]

b) Trình độ đào tạo.

Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2019-2020, 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo, trong đó số giáo viên có trình độ trên chuẩn đạt từ 96,4% trở lên. Năm học 2020- 2021 có 28 giáo viên đạt chuẩn theo Luật giáo dục 2019. [H2-2.1-01],[H2-1.7-02].

Cụ thể:

Năm học	Tổng số GV	Trình độ	
		Trình độ chuẩn	Trên chuẩn
2016-2017	52	52	42
2017-2018	53	53	46
2018-2019	51	51	51
2019-2020	48	48	48
2020-2021	48	28	

c) Đánh giá xếp loại.

Cuối mỗi năm học nhà trường đều tổ chức đánh giá, xếp loại GV theo Chuẩn nghề nghiệp GV tiểu học theo đúng quy trình: Giáo viên tự đánh giá, xếp loại sau đó tổ chuyên môn đánh giá, xếp loại và cuối cùng Hiệu trưởng đánh giá, xếp loại. Kết quả hàng năm có 97,88 % số GV được xếp từ loại Khá trở lên. [H2-2.2-03]

Cụ thể:

Xếp loại Năm học	Tổng số GV	Xuất sắc/Tốt		Khá		Trung bình/Đạt	
		SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%
2016-2017	52	13	25,00	39	75,00		
2017-2018	53	12	22,64	40	75,47	1	1,89
2018-2019	50	12	24,00	37	74,00	1	2,00
2019-2020	47	6	12,77	40	85,11	1	2,12
2020-2021	48	6	12,50	41	85,41	1	2,09

Mức 2:

a) Trình độ đào tạo.

Năm học 2016-2017, số giáo viên có trình độ trên chuẩn đạt 80,8%. Hàng năm, nhà trường luôn tạo điều kiện để GV tham gia học nâng cao trình độ trên chuẩn, tỷ lệ GV có trình độ trên chuẩn tăng dần theo các năm học. Đến năm học 2018-2019 số giáo viên có trình độ trên chuẩn đạt 100% [H2-2.1-01],[H2-1.7-02].

b) Đánh giá, xếp loại.

Trong 5 năm học liên tiếp, từ năm học 2016-2017 đến năm 2020-2021 nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên trong đó có từ 97,88% đến 100% đạt chuẩn nghề nghiệp từ loại khá trở lên. [H2-2.2-03]

c) Trong 5 năm học liên tiếp, từ năm học 2016-2017 đến năm 2020-2021 nhà trường không có giáo viên nào bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên. [H2-2.1-02]

Mức 3:

a) Trình độ đào tạo.

Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2019-2020, 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo, trong đó số giáo viên có trình độ trên chuẩn đạt từ 96,4% trở lên. Năm học 2020- 2021 có 28 giáo viên (58,33 %) đạt chuẩn theo Luật giáo dục 2019 [H2-2.1-01],[H2-1.7-02].

Năm học 2020-2021, để nâng cao trình độ chuẩn theo nghị định 71/2020/NĐ-CP, nhà trường đã có kế hoạch sắp xếp và tạo điều kiện cho các đồng chí GV để nâng cao trình độ chuẩn. Cụ thể:

S T T	Họ và tên	Môn	Trình độ đào tạo		Ghi chú
			CD	TC	
1	Lê Thị Hằng	Văn hóa	x		Đang học ĐH
2	Trần Thị Dịu	Văn hóa	x		Đang học ĐH
3	Trần Thị Mai	Âm nhạc	x		Đang học ĐH
4	Trần Thị Quế	Mỹ thuật	x		Đang học ĐH
5	Ngô Thị Tho	Thể dục	x		Đang học ĐH
6	Phạm Công Cường	Thể dục	x		Đang học ĐH
7	Ngô Thị Hương	Văn hóa	x		Đang học ĐH
8	Lê Thị Hồng Gấm	Văn hóa	x		Đang học ĐH
9	Phạm Thị Thảo	Văn hóa	x		Đang học ĐH
10	Lê Thị Tho	Văn hóa	x		Đang học ĐH

11	Phạm Thị Mão	Văn hóa	x		Đang học ĐH
12	Lê Thị Thu Hương	Văn hóa	x		Đang học ĐH
13	Phạm Thị Hương	Văn hóa	x		Đang học ĐH
14	Đỗ Thị Lan	Văn hóa	x		Đang học ĐH
15	Mai Thu Thủy	Văn hóa	x		Đang học ĐH
16	Trần Thị Dung	Tiếng Anh	x		Đang học ĐH
17	Lại Thị Huyền	Tiếng Anh	x		Đã đăng ký đi học ĐH
18	Phạm Minh Giáo	Tin học	x		Đã đăng ký đi học ĐH

b) Đánh giá, xếp loại.

Trong 5 năm học liên tiếp, từ năm học 2016-2017 đến năm 2020-2021 nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên trong đó có từ 97,88% đến 100% đạt chuẩn nghề nghiệp từ loại khá trở lên, trong đó số giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt chưa đạt 30%. [H2-2.2-03]

2. Điểm mạnh

- Nhà trường có đủ cơ cấu GV để dạy các môn học bắt buộc theo quy định và các môn tự chọn là điều kiện thuận lợi để nhà trường thực hiện việc dạy học 2 buổi/ngày. GV được phân công giảng dạy đúng chuyên môn đào tạo.

- Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2019-2020, 100% GV trong nhà trường đạt trên chuẩn về trình độ đào tạo, trong đó số GV có trình độ trên chuẩn đạt 96,4% trở lên.

- Giáo viên nhà trường vững vàng về chuyên môn, nhiệt tình tâm huyết với nghề nghiệp, tích cực học hỏi, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, có uy tín đối với HS, CMHS và có niềm tin với các cấp lãnh đạo, các ban ngành tại địa phương.

3. Điểm yếu

- Một số GV do tuổi cao nên ứng dụng CNTT trong công tác còn chậm.

- Số giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp đạt loại tốt còn ít do trình độ ngoại ngữ của GV còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
- Bồi dưỡng thêm công nghệ thông tin cho GV.	GV Tin		Năm học 2021-2022	
- Tạo điều kiện để GV đi học ngoại ngữ.	BGH	Sắp xếp CM	Năm học 2021-2022	

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	a	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	b	Không đạt
c	Đạt	c	Đạt	-----	
Đạt		Đạt		Không đạt	

Kết quả: Đạt mức 2

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

- a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;
- b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;
- c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

- a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

- a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;
- b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Số lượng cơ cấu.

Nhà trường có 04 NV làm công việc hành chính. Cụ thể: 01 NV kế toán; 01 NV thư viện kiêm văn thư; 01 NV Y tế; 01 NV thủ quỹ và 02 NV bảo vệ (hợp đồng) [H2-2.1-01], [H2-2.3-01].

- b) Phân công công việc.

Căn cứ vào năng lực của nhân viên, hiệu trưởng đã phân công công việc phù hợp với từng nhân viên của trường. Cụ thể: Nhân viên kế toán là đồng chí Trần Thị Thủy. Đồng chí Nguyễn Thị Thu nhân viên thư viện thiết bị kiêm nhiệm thêm công tác văn thư; Nhân viên y tế là đồng chí Khúc Thị Sang. Đồng chí Đoàn Thị Nhài làm công tác thư viện thiết bị (điểm trường khu B) kiêm công tác thủ quỹ. [H2-2.3-01]

c) Đánh giá, xếp loại.

Hàng năm, Hiệu trưởng đều phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng nhân viên trong tổ văn phòng, các nhân viên đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao, tích cực, nhiệt tình, có tinh thần trách nhiệm với công việc. Tất cả các nhân viên đều được nhà trường kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công việc theo kế hoạch của nhà trường và được Hiệu trưởng xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ. [H2-2.1-02]

Kết quả đánh giá nhân viên hàng năm:

Năm học	Tổng số NV	Xuất sắc	Tốt	Hoàn thành
2016 - 2017	5		5	
2017 - 2018	5		5	
2018 - 2019	5		5	
2019 - 2020	5		4	1
2020- 2021	4		4	

Mức 2:

a) Số lượng cơ cấu.

Cơ cấu nhân viên của nhà trường đảm bảo đảm bảo theo quy định của thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 về hướng dẫn khung vị trí việc làm và định mức số người làm việc theo trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập. [H2-2.1-01]

b) Đánh giá, xếp loại.

Trong các năm học liên tiếp từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021 không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên. [H2-2.1-02][H1-1.4-06]

Mức 3:

a) Trình độ đào tạo.

Nhân viên kế toán có trình độ Đại học; NV thư viện có trình độ trung cấp thư viện (Trình độ ĐH kế toán); NV y tế có trình độ Trung cấp, nhân viên phụ trách thư viện khu B có trình độ trung cấp [H2-2.1-01].

b) Tham gia tập huấn chuyên môn nghiệp vụ: Hàng năm, các nhân viên được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ do cấp trên tổ chức, được nhà trường tạo điều kiện cho bồi dưỡng thêm về nghiệp vụ như sử dụng phần mềm kế toán, phần mềm quản lý thư viện, phần mềm phổ cập, phần mềm kế toán. [H1-1.6-01]

2. Điểm mạnh

- Các nhân viên được đào tạo đúng chuyên ngành, có trình độ nghiệp vụ vững vàng, các công việc đảm nhiệm đảm bảo đúng quy định.

- Nhân viên trong trường được đảm bảo đầy đủ các chế độ chính sách theo quy định.

3. Điểm yếu

Các nhân viên còn kiêm nhiệm nhiều việc, trường có 2 điểm trường, học sinh đông nên đôi khi hiệu quả công việc chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

<i>Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện</i>	<i>Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)</i>	<i>Điều kiện để thực hiện</i>	<i>Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành</i>	<i>Dự kiến kinh phí</i>
- Tiếp tục duy trì và phát huy năng lực của nhân viên.	BGH		Trong các năm học	
- Làm tốt công tác bồi dưỡng CMNV cho NV.	BGH, NV	Tự bồi dưỡng	Năm học 2021-2022	

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	A	Đạt	a	Đạt
b	Đạt	B	Đạt	b	Đạt
c	Đạt	----	----	----	----
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh

Mức 1:

- a) Đảm bảo về tuổi học sinh theo quy định;
- b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;
- c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3:

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Độ tuổi học sinh theo quy định.

HS của nhà trường đảm bảo đúng quy định về độ tuổi tại điều 33 điều lệ trường tiểu học. Hằng năm, nhà trường huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 100%. [H5-5.4-05] [H5-5.4-07]

Năm học	2016	2017	2018	2019	2020	2021
	2017	2018	2019	2020	2021	2022
Tỷ lệ HS đúng độ tuổi	1043/1055 = 98,86%	1070/1080 = 99,07%	1121/1127 = 99,46%	1128/1140 = 98,94%	1121/1126 = 99,55%	1118/1126 = 99,28%

b) Thực hiện nhiệm vụ của HS.

Trong quá trình học tập và rèn luyện, HS được hình thành và phát triển các năng lực: Tự phục vụ, tự quản: thực hiện được một số việc phục vụ cho sinh hoạt của bản thân như vệ sinh thân thể, ăn, mặc; một số việc phục vụ cho học tập như chuẩn bị đồ dùng học tập ở lớp, ở nhà; các việc theo yêu cầu của giáo viên, làm việc cá nhân, làm việc theo sự phân công của nhóm, lớp; bố trí thời gian học tập, sinh hoạt ở nhà; chấp hành nội quy lớp học; cố gắng tự hoàn thành công việc. Giao tiếp, hợp tác: mạnh dạn khi giao tiếp; ứng xử thân thiện, chia sẻ với mọi người; lắng nghe người khác. Tự học và giải quyết vấn đề: khả năng tự thực hiện nhiệm vụ học cá nhân trên lớp, làm việc trong nhóm, lớp tự đánh giá kết quả học tập và báo cáo kết quả trong nhóm hoặc với giáo viên; tìm kiếm sự trợ giúp kịp thời của bạn, giáo viên hoặc người khác; vận dụng những điều đã học để giải quyết nhiệm vụ trong học tập, trong cuộc sống; phát hiện những tình huống mới liên quan tới bài học hoặc trong cuộc sống và tìm cách giải quyết.

HS được hình thành và phát triển các phẩm chất: Chăm học, chăm làm, tích cực tham gia hoạt động giáo dục: đi học đều, đúng giờ; thường xuyên trao đổi nội dung học tập, hoạt động giáo dục với bạn, thầy giáo, cô giáo và người khác; chăm làm việc nhà giúp đỡ cha mẹ; tích cực tham gia các hoạt động, phong trào học tập, lao động, thể thao ở trường và ở địa phương; tích cực tham gia và vận động các bạn cùng tham gia giữ gìn vệ sinh, làm đẹp trường lớp, nơi ở và nơi công cộng. Tự tin, tự trọng, tự chịu trách nhiệm: mạnh dạn khi thực hiện nhiệm vụ học tập, trình bày ý kiến cá nhân; nhận làm việc vừa sức mình; tự chịu trách nhiệm về các việc làm, không đổ lỗi cho người khác khi mình làm chưa đúng; sẵn sàng nhận lỗi khi làm sai. Trung thực, kỉ luật, đoàn kết: nói thật, nói đúng về sự việc; không nói dối, không nói sai về người khác; tôn trọng lời hứa, giữ lời hứa; thực hiện nghiêm túc quy định về học tập; không lấy những gì không phải của mình; biết bảo vệ của công; giúp đỡ, tôn trọng mọi người; quý trọng người lao động; nhường nhịn bạn. Yêu gia đình, bạn và những người khác; yêu trường, lớp, quê hương, đất nước: quan tâm chăm sóc ông bà, cha mẹ, anh em; kính trọng người lớn, biết ơn thầy giáo, cô giáo; yêu thương, giúp đỡ bạn; tích cực tham gia hoạt động tập thể, hoạt động xây dựng trường, lớp; bảo vệ của

công, giữ gìn và bảo vệ môi trường; tự hào về người thân trong gia đình, thầy giáo, cô giáo, nhà trường và quê hương [H5-5.2-06].

c) Học sinh được đảm bảo quyền được học tập, được xét lên lớp, xét hoàn thành chương trình tiểu học [H5-5.5-01] [H5-5.5-02]; được bảo vệ, chăm sóc, tôn trọng và đối xử bình đẳng; được đảm bảo những điều kiện về thời gian, cơ sở vật chất, vệ sinh, an toàn để học tập và rèn luyện; được tham gia các hoạt động nhằm phát triển năng khiếu; được chăm sóc và giáo dục hoà nhập (đối với học sinh khuyết tật) được hưởng chính sách xã hội theo quy định [H5-5.2-06] [H5-5.4-06].

Mức 2:

Tất cả học sinh của nhà trường thường xuyên được quan tâm, giúp đỡ và giáo dục về mọi mặt. Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, các thầy cô giáo kết hợp cùng gia đình phân tích, tư vấn, giáo dục và có chuyển biến tích cực. [H5-5.2-05]

Mức 3:

Các em học sinh của trường ngoan ngoãn, chấp hành tốt mọi quy định của trường lớp; tích cực học tập và rèn luyện; tham gia đầy đủ các hoạt động ở lớp, trường. Những học sinh năng khiếu, năng lực được tham gia các hoạt động để phát triển khả năng của mình. [H5-5.2-07] Cụ thể:

Năm học	Nội dung giao lưu	Giải huyện	Giải tỉnh
2016-2017	Giải Toán qua mạng	1Nhất, 1 Ba, 4KK	
	Giải Olympic Tiếng Anh	1 Nhì, 5 Ba, 3KK, 1 HS tham gia cấp tỉnh	
	Hùng biện Tiếng Anh	1 Ba.	
	Viết chữ đẹp	1Nhất, 10 Nhì, 10 Ba, 5KK	1 Ba
	TDTT	2 KK	
	Tiếng Anh TOEFL	1A1	
2017-2018	Hùng biện Tiếng Anh	2 Ba, 3KK	
	Viết chữ đẹp	1 Nhất, 8 Nhì, 19 Ba, 10KK	1 Nhì
	TDTT	2 KK	
	LHPTNL	22 HS tham gia	
	TOEFL	2 A2, 1A1	
2018-2019	Hùng biện Tiếng Anh	1 Ba, 1KK	
	TOEFL	4 A2; 9 A1	
	Viết chữ đẹp	7 Nhất, 16 Nhì, 7 Ba, 5 KK	
	TDTT	3 Ba	
2019-2020	Hùng biện Tiếng Anh	1 Nhất, 3 Nhì, 1Ba, 1 KK	1 KK
	TDTT miền	1 Nhất, 1 Nhì, 2KK	
2020- 2021	Hùng biện Tiếng Anh	2 Nhì, 2 Ba, 3 KK	
	Viết chữ đẹp	2 Nhất, 9 Nhì, 19 Ba, 10 KK.	1 Nhất
	TDTT	2KK	

2. Điểm mạnh

- Học sinh ngoan ngoãn, mạnh dạn tự tin, chấp hành tốt mọi quy định của trường lớp. Tích cực tham gia các hoạt động NGLL, các hoạt động giao lưu do trường và cấp trên tổ chức.

- Hằng năm, trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đều đạt 100%.

- Hàng năm có nhiều HS đạt giải trong các cuộc thi giao lưu cấp huyện: hùng biện Tiếng Anh, đạt giải viết chữ đúng và đẹp, TDTT, TOEFL...

3. Điểm yếu

- Số lượng HS đạt giải cấp tỉnh ít.

- Hàng năm vẫn còn học sinh lưu ban làm giảm tỉ lệ học sinh học đúng độ tuổi.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/ Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
- Tiếp tục động viên, khuyến khích học sinh có năng khiếu tham gia câu lạc bộ các môn học.	BGH, GV, CMHS	HS, CMHS tự nguyện tham gia	Năm học 2021- 2022	
- Phân công và sắp xếp thời gian để GV luyện chữ viết cho HS.	BGH, GV luyện		Năm học 2021- 2022	
- GV cần có kế hoạch kèm cặp HS chưa hoàn thành môn học.	GV , PH		Năm học 2021- 2022	

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	-----		-----	
c	Đạt	-----		-----	
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

KẾT LUẬN TIÊU CHUẨN 2

* Điểm mạnh

- BGH nhà trường có đủ sức khỏe, năng lực để triển khai có hiệu quả các hoạt động GD.

- Đến năm học 2019-2020, 100% GV trong trường đã được đào tạo với trình độ chuẩn và trên chuẩn, đáp ứng với yêu cầu GD hiện nay. Đội ngũ GV tâm huyết với nghề, có tinh thần trách nhiệm cao với công việc. Từ năm học 2020-2021, thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn của GV tiểu học theo nghị định 71/2020/NĐ-CP, nhà trường đã xây dựng kế hoạch cho 6 GV có trình độ Cao đẳng tiếp tục vừa làm, vừa học để nâng trình độ chuẩn Đại học.

- Các NV đều có trình độ đào tạo trung cấp theo đúng chuyên môn. Các chế độ, chính sách cho GV, NV được đảm bảo đầy đủ theo quy định.

- Học sinh ngoan ngoãn, mạnh dạn tự tin, chấp hành tốt mọi quy định của trường lớp.

- Hằng năm, trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đều đạt 100%.

- HS của nhà trường luôn được bảo vệ, chăm sóc, tôn trọng và đối xử bình đẳng; được đảm bảo những điều kiện về thời gian, CSVC, vệ sinh, an toàn để học tập và rèn luyện.

* Điểm yếu

- Trình độ ngoại ngữ của ban giám hiệu còn hạn chế.

- Chưa có nhiều học sinh đạt giải các cuộc thi, giao lưu chữ viết đúng và đẹp do PGD và SGD tổ chức.

* Kết quả

Tiêu chí	Đạt			
	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
Tiêu chí 2.1	x	x	x	----
Tiêu chí 2.2	x	x	---	----
Tiêu chí 2.3	x	x	x	----
Tiêu chí 2.4	x	x	x	----

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 4

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0

TIÊU CHUẨN 3

CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ THIẾT BỊ DẠY HỌC

* Mở đầu

Quá trình giáo dục và dạy học được cấu thành bởi nhiều yếu tố có liên quan chặt chẽ và tương tác với nhau. Trong đó, cơ sở vật chất và trang thiết bị là yếu tố đóng vai trò hỗ trợ tích cực cho quá trình dạy học, là điều kiện cần thiết để nâng cao chất lượng dạy học, nó cũng là phương tiện giúp nhà trường thực hiện thành công hoạt động giáo dục và dạy học.

Hệ thống cơ sở vật chất của trường đầy đủ theo đúng quy định của trường Tiểu học đạt chuẩn Quốc gia mức độ I, trường chuẩn “Xanh- Sạch- Đẹp - An toàn”. Các biện pháp duy trì, tăng cường hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất và trang thiết bị giáo dục hiện có được sử dụng một cách hiệu quả.

Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, sân chơi, sân tập

Mức 1:

- a) *Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;*
- b) *Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc hàng rào bao quanh;*
- c) *Có sân chơi, sân tập thể dục thể thao.*

Mức 2:

- a) *Diện tích khuôn viên, sân chơi, sân tập theo quy định;*
- b) *Sân chơi, sân tập đảm bảo cho học sinh luyện tập thường xuyên và hiệu quả.*

Mức 3:

Sân chơi, sân tập bằng phẳng, có cây bóng mát, có đồ chơi, thiết bị vận động.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có khuôn viên riêng biệt với tổng diện tích là 14047m² gồm 2 khu, khu A có diện tích 5864m², khu B có diện tích 8183m² Trong trường có trồng nhiều cây xanh, cây bóng mát cho học sinh [H3 - 3.1 - 01] [H3 - 3.1 - 02].

b) Trường có cổng trường cổng có gắn biển, tên trường và điểm trường khu A, khu B bao gồm tên UBND huyện, Phòng giáo dục và đào tạo, tên trường, địa chỉ và Email của nhà trường. Xung quanh trường được xây dựng tường đảm bảo an toàn và thẩm mỹ [3.1 - 03].

c) Trường có sân chơi và sân tập thể dục thể thao đảm bảo an toàn cho học sinh [3.1 - 03].

Mức 2:

a) Nhà trường có diện tích khuôn viên 14047m², bình quân 12,3m²/học sinh. Sân chơi có diện tích khoảng 6800 m² chiếm 48,4% tổng diện tích khuôn viên trong đó khu A: 3300m², khu B: 3500m², sân chơi được lát gạch, đổ bê tông và trồng nhiều cây bóng mát [H3 - 3.1 - 01] [H3 - 3.1 - 02].

b) Nhà trường đã bố trí riêng khu vực sân chơi, sân tập cho học sinh. Khu vực sân chơi có trồng các loại cây bóng mát tỏa bóng mát cho học sinh vui chơi, tham gia các hoạt động NGLL. Sân chơi và sân tập đảm bảo cho học sinh luyện tập thường xuyên có hiệu quả [3.1 - 03].

Mức 3: Sân chơi cả 2 khu được lát gạch, đổ bê tông trồng nhiều cây bóng mát. Sân tập bằng phẳng, nhà trường đã có những thiết bị cho học sinh luyện tập như: Bộ loa-Mic, bóng đá. [3.1 - 03].

2. Điểm mạnh

- Trường có khuôn viên đủ diện tích, thoáng đãng, khang trang, sạch đẹp, xung quanh được xây dựng tường bao đảm bảo an toàn cho người và tài sản.

- Trường có cổng, biển, tên trường được trình bày theo đúng nội dung quy định tại khoản 2 Điều 5 của Điều lệ trường tiểu học.

- Diện tích sân chơi, sân tập theo quy định. Cây xanh, cây cảnh được sắp xếp hợp lý, phân bố đều trên sân tạo không gian mát mẻ, không khí trong lành. Khu A cây bóng mát che khắp sân trường.

3. Điểm yếu

- Thiết bị vận động cho học sinh thiếu.

- Khu B nhiều cây bóng mát vừa được quy hoạch lại, trồng bổ sung, chưa tỏa bóng mát khắp sân trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục phấn đấu để trường đạt chuẩn Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn.

Giải pháp cụ thể/ Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Làm thêm gôn bóng rổ, bổ sung thảm đệm tập luyện TDTT.	HT, GV thể chất	Liên hệ nhà cung cấp	Năm học 2021 - 2022	10 triệu đồng
Tích cực chăm sóc cây bóng mát trong sân trường khu B.	BGH, GV chủ nhiệm lớp	Thường xuyên	Năm học 2021 - 2022	

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	----	----
c	Đạt	-----	----	----	----
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.2: Phòng học

Mức 1:

- a) *Đủ mỗi lớp một phòng học riêng, quy cách phòng học theo quy định;*
- b) *Bàn, ghế học sinh đúng tiêu chuẩn và đủ chỗ ngồi cho học sinh; có bàn ghế phù hợp cho học sinh khuyết tật học hòa nhập (nếu có); bàn, ghế giáo viên, bảng lớp theo quy định;*
- c) *Có hệ thống đèn, quạt (ở nơi có điện); có hệ thống tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.*

Mức 2:

- a) *Diện tích phòng học đạt tiêu chuẩn theo quy định;*
- b) *Tủ đựng thiết bị dạy học có đủ các thiết bị dạy học;*
- c) *Kích thước, vật liệu, kết cấu, kiểu dáng, màu sắc bàn, ghế học sinh theo quy định.*

Mức 3:

Có các phòng riêng biệt để dạy các môn âm nhạc, mỹ thuật, khoa học và ngoại ngữ; có phòng để hỗ trợ cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có 35 phòng (khu A 16 phòng, khu B 19 phòng) học đủ mỗi lớp một phòng học riêng. Hệ thống phòng học được xây dựng kiên cố, an toàn. Các phòng học được trang trí đúng quy cách, có đủ ánh sáng, thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông an toàn cho GV và HS theo quy định về vệ sinh trường học. Trong mỗi phòng học được bố trí theo các góc để phục vụ việc học tập và các hoạt động giáo dục như góc học tập, góc sinh nhật, góc cộng đồng, hòm thư cá nhân, góc sáng tạo... các góc được bố trí hợp lí, tạo không gian thân thiện, tiện lợi, an toàn khi sử dụng. [3.2-01]

b) Nhà trường có đủ bàn ghế cho học sinh sử dụng đảm bảo theo sĩ số của từng lớp. 100% bàn ghế học sinh là bàn 2 chỗ và ghế 1 chỗ ngồi, đảm bảo an toàn và phù hợp với học sinh theo từng độ tuổi và học sinh khuyết tật học hòa nhập. Mỗi lớp học có 01 bộ bàn ghế giáo viên; 100% bảng trong các lớp học là bảng từ sơn xanh chống loá [3.2-01]; [H1-1.6-07] [H1-1.6-08].

c) Các phòng học đều trang bị đầy đủ hệ thống đèn, hệ thống quạt. Mỗi phòng học được lắp bóng điện tuýp cung cấp đủ ánh sáng; quạt trần và quạt treo tường phục vụ cho GV, HS. Mỗi phòng học đều có 01 tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học và các góc hỗ trợ hoạt động giáo dục tiện lợi khi sử dụng [3.2-01]; [H1-1.6-07] [H1-1.6-08].

Mức 2:

a) Phòng học với diện tích từ 42m²- 48m²/phòng đạt tiêu chuẩn theo quy định [3.2-01].

b) Mỗi phòng học đều có tủ đựng thiết bị dạy học kích thước hợp lí, các thiết bị dạy học được phân chia thành các góc học tập tương ứng với từng môn học. Các thiết bị dạy học được sắp xếp hợp lý, gọn gàng thuận tiện khi sử dụng. [3.2-01]; [H1-1.6-07] [H1-1.6-08].

c) Kích thước, vật liệu, kết cấu, kiểu dáng, màu sắc bàn, ghế HS theo quy định, chất liệu nhẹ nhàng, thuận tiện, an toàn khi di chuyển, phù hợp với học sinh tiểu học. [3.2-01].

Mức 3:

Nhà trường có các phòng riêng biệt để dạy các môn như 2 phòng Tin học diện tích 95m², phòng Âm nhạc 45m² và 2 phòng Mỹ thuật diện tích 95m², phòng Tiếng Anh diện tích 45m² [3.2-01].

2. Điểm mạnh

- Số lượng phòng học đạt tỉ lệ 1 phòng/lớp, đáp ứng đầy đủ cho học sinh học 2 buổi/ngày. Bàn ghế đúng quy cách: kích thước, màu sắc, kiểu dáng phù hợp với quy định tại thông tư số 26/2011/TTLT-BGDĐT-BKH-CN-BYT ngày 16 tháng 8 năm 2011 của Bộ giáo dục và đào tạo- Bộ Khoa học và Công nghệ - Bộ y tế. Phòng học có đủ ánh sáng, thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông.

- Thiết bị trong các phòng học được trang bị để phục vụ học tập và được bổ sung hàng năm như tủ, bàn ghế.

- Có đủ 2 phòng học Mỹ thuật, Tin học ở 2 khu.

3. Điểm yếu

- Còn thiếu 1 phòng học Âm nhạc, 1 phòng học Tiếng Anh cho khu A.

- Trang thiết bị trong các phòng học Mỹ thuật, Âm nhạc, Tiếng Anh chưa đủ, còn thiếu trang thiết bị dạy học hiện đại.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

<i>Giải pháp cụ thể/ Công việc cần thực hiện</i>	<i>Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)</i>	<i>Điều kiện để thực hiện</i>	<i>Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành</i>	<i>Dự kiến kinh phí</i>
- Tích cực tham mưu với các cấp xây dựng thêm các phòng học bộ môn.	HT, KT	Xây dựng KH cụ thể, báo cáo bằng văn bản về UBND huyện và chính quyền địa phương	Các năm học	2 tỷ đồng
- Tham mưu với cấp trên để bổ sung thêm nguồn ngân sách.	HT, NVKT		Năm học 2021-2022	
- Làm tốt công tác xã hội hóa bổ sung CSVC, trang thiết bị phục vụ cho các hoạt động GD.	BGH, GV, PH		Các năm học	50-100 triệu đồng

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	-----	
c	Đạt	c	Đạt	-----	
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.3: Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị.

Mức 1:

a) Có phòng giáo dục nghệ thuật, phòng học tin học, phòng thiết bị giáo dục, phòng truyền thông và hoạt động Đội đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động giáo dục;

b) Khối phòng hành chính - quản trị đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;

c) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn.

Mức 2:

a) Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

b) Có nơi lưu trữ hồ sơ, tài liệu chung.

Mức 3:

Khối phòng phục vụ học tập, phòng hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị, được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có phòng giáo dục nghệ thuật (Âm nhạc, Mỹ thuật), phòng học tin học, phòng thiết bị giáo dục, phòng truyền thống và hoạt động Đội đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động giáo dục [3.3-01].

b) Khối phòng hành chính quản trị gồm: phòng Hiệu trưởng, phòng Phó hiệu trưởng, phòng Hội đồng, phòng y tế, phòng bảo vệ đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường. Các phòng đều được trang bị bàn ghế, tủ, máy vi tính và các phương tiện làm việc phù hợp [3.3-02].

c) Nhà để xe cho GV với tổng diện tích 356m² (khu A 156 m², khu B 200m²), nhà để xe của HS diện tích 160m² (khu A 60m², khu B 100m²) đủ chỗ để sắp xếp xe cho GV, HS. Nhà để xe của GV và HS được tu sửa hàng năm đảm bảo che nắng, che mưa và được bố trí địa điểm hợp lý, an toàn, xe được sắp xếp gọn gàng, trật tự. [3.3-03]

Mức 2:

a) Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị theo quy định:

Phòng Hội đồng có diện tích 50m², 2 phòng hoạt động Đội có diện tích 95m². Phòng Hiệu trưởng 25m², 2 phòng phó hiệu trưởng 50m², 2 phòng y tế học đường có diện tích 50m², 2 phòng thiết bị có diện tích 50m², 2 phòng bảo vệ có diện tích 50m² đảm bảo vệ sinh sạch sẽ, an toàn, tiện lợi, đảm bảo sức khỏe, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh [3.3-01], [3.3-02].

b) Nhà trường sử dụng các tủ để lưu trữ hồ sơ, tài liệu. Ngoài ra hồ sơ, tài liệu của từng bộ phận như kế toán, quản lý, y tế, phổ cập, thư viện được bảo quản ở phòng riêng [3.3-01], [3.3-02] [H1-1.6-07].

Mức 3:

- Khối phòng phục vụ học tập, phòng hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị, được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường [3.3-01], [3.3-02].

- Nhà trường có tất cả 49 máy tính, 08 máy in, 02 máy chiếu. Trong đó có 06 máy tính và 08 máy in phục vụ cho công tác quản lý hành chính, phục vụ cho công tác soạn giảng, tra cứu tài liệu. Phòng Tin học khu A gồm 26 máy tính, khu B gồm 17 máy tính, trường có 02 máy chiếu và đầy đủ bàn ghế. Phòng Nghệ thuật có đàn, bàn ghế, hệ thống điện được lắp đặt an toàn, thuận tiện khi sử dụng.

Tất cả máy tính các phòng đều được kết nối internet để phục vụ cho việc học tập của học sinh và làm việc của CB, GV, NV [H1-1.6-07], [H1-1.6-08].

- Trường có 2 phòng y tế với diện tích 50m². Có các trang thiết bị như: tủ thuốc, giường bệnh, cân, đo điện tử, dụng cụ sơ cứu. Tủ thuốc của nhà trường được kiểm tra thường xuyên, đảm bảo số thuốc, hạn sử dụng [H3-3.3-04].

- Khối phòng phục vụ học tập, phòng hành chính - quản trị giúp học sinh được thực hành luyện tập, được bồi dưỡng năng khiếu, được chăm sóc sức khỏe, được đọc sách, truyện, tìm kiếm tài liệu phục vụ cho việc học tập và giải trí. [3.3-01], [3.3-02].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường có đủ các phòng phục vụ học tập, phòng hành chính theo quy định của Điều lệ trường tiểu học hỗ trợ hiệu quả các hoạt động của nhà trường.

- Trường có đủ máy vi tính được kết nối internet để phục vụ cho việc học tập của học sinh và làm việc của CB, GV, NV.

- Trang thiết bị, thuốc phòng y tế đảm bảo theo quyết định số 1221/QĐ-BYT ngày 7/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành danh mục trang thiết bị, thuốc thiết yếu dùng trong phòng y tế học đường của các trường tiểu học.

3. Điểm yếu

Tủ thuốc của phòng y tế chưa phong phú, thiết bị cáng thương chưa có.

Phòng Âm nhạc và Tiếng Anh chưa có thiết bị hiện đại.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

<i>Giải pháp cụ thể/ Công việc cần thực hiện</i>	<i>Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)</i>	<i>Điều kiện để thực hiện</i>	<i>Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành</i>	<i>Dự kiến kinh phí</i>
- Kiểm tra, tu bổ, kiện toàn các trang thiết bị các phòng phục vụ học tập, phòng hành chính.	BGH, GV, NV	Kinh phí trong ngân sách	Thường xuyên	
- Bổ sung thuốc phòng y tế.	HT, NV y tế, kế toán	Liên hệ với y tế địa phương	Năm học 2021-2022	2 triệu đồng
- Bổ sung thiết bị phòng Âm nhạc: ti vi, song loan, phách,...	HT, KT	Kinh phí trong ngân sách	Năm học 2021-2022 và các năm học tiếp theo	30 triệu đồng

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
<i>Chỉ báo</i>	<i>Đạt/ Không đạt</i>	<i>Chỉ báo</i>	<i>Đạt/ Không đạt</i>	<i>Chỉ báo</i>	<i>Đạt/ Không đạt</i>
a	Đạt	a	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	-----	-----
c	Đạt	-----		-----	-----
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có các khu vệ sinh xây dựng đúng quy cách, riêng biệt cho giáo viên và học sinh. Khu vệ sinh dành cho GV nam gồm 3 nhà vệ sinh rộng 35m²; 3 nhà vệ sinh GV nữ tổng diện tích 35m² gồm 3 nhà vệ sinh, mỗi khu là 01 bệ ngồi. Công trình vệ sinh dành cho HS là 3 nhà vệ sinh (trong đó khu A có 1 nhà VS nam, 1 nhà VS nữ, khu B có 2 nhà VS nam và 2 nhà VS nữ) với tổng diện tích là 216m² thiết bị đảm bảo an toàn, tiện lợi khi sử dụng và thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập. Khu vệ sinh của GV và HS đều là khu vệ sinh tự hoại, hàng ngày được quét dọn, vệ sinh sạch sẽ không bốc mùi gây ô nhiễm môi trường, không ảnh hưởng đến sức khỏe. [3.4-01]

b) Hệ thống thoát nước của nhà trường được thiết kế khoa học, các rãnh nước có nắp đậy, không có tình trạng ứ đọng nước khi trời mưa, đảm bảo tốt công tác vệ sinh môi trường [3.4-01].

Nhà trường sử dụng nước uống đóng bình tinh khiết của hãng “Vina Hành Thiện” có giấy chứng nhận đảm bảo an toàn vệ sinh. Nước sinh hoạt là nguồn nước sạch được chứa trong các téc, bể có nắp đậy, được đánh rửa thường xuyên. [H3-3.4-02]

c) Nhà trường bố trí đủ các thùng rác có nắp đậy để đựng rác. Hằng ngày hướng dẫn học sinh thu gom rác thải bỏ vào thùng rác, có xe rác đến vận chuyển rác về nơi xử lý rác chung của địa phương. [H3-3.4-04]

Mức 2:

a) Khu vệ sinh GV có diện tích vừa đủ để sử dụng, các công trình vệ sinh HS của nhà trường được bố trí sau khu lớp học, phù hợp với cảnh quan môi trường và theo quy định. CB, GV, NV, HS sử dụng thuận tiện. Khu vệ sinh được kiểm tra thường xuyên, có thau rửa thường xuyên bằng các hóa chất tẩy rửa đúng quy định. Hằng năm, nhà trường kết hợp với công ty sinh hóa Nam Định dùng hóa chất để xử lý bể phốt, bồn cầu.

b) Nhà trường dùng nguồn nước sạch do công ty cổ phần nước sạch và vệ sinh nông thôn tỉnh Nam Định cung cấp, có hợp đồng cung cấp - sử dụng nước sạch đáp ứng yêu cầu sử dụng của CB, GV, NV và HS [H3-3.4-03]. Hệ thống thoát nước của nhà trường được thiết kế khoa học, xây dựng xung quanh các tòa nhà. Không có hiện tượng ứ đọng khi trời mưa, đảm bảo tốt công tác vệ sinh môi trường [3.4-01]. Rác thải hằng ngày học sinh thu gom bỏ vào các thùng rác, nhân viên thu gom rác thải của địa phương chở về nơi xử lý rác thải tập trung của xã. Vì vậy rác thải trong trường được xử lý triệt để, thường xuyên đảm bảo môi trường trong sạch. [H3-3.4-04]

2. Điểm mạnh

- Nhà trường có các khu vệ sinh GV dành riêng cho nam, nữ, khu vệ sinh đều được xây dựng hiện đại phù hợp, đảm bảo mỹ quan nhà trường, thuận tiện cho CB, GV, NV trong trường.

- Nhà trường có hệ thống thoát nước tốt đảm bảo thoát nhanh nước mưa, không bị ứ đọng. Có nước sạch dùng cho sinh hoạt và khu vệ sinh. Nước uống được sử dụng là nước đóng bình tinh khiết của hãng “Vina Hành Thiện”.

- Thu gom rác thải kịp thời đảm bảo vệ sinh môi trường.

3. Điểm yếu

Một số thiết bị nhà vệ sinh của học sinh chưa được hiện đại.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/ Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
- Sửa chữa, nâng cấp khu nhà vệ sinh của học sinh.	HT, CMHS	Vận động tài trợ	Năm học 2021 - 2022	
- Duy trì công tác vệ sinh	GV, NV, HS		Các năm học	

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	-----	-----
b	Đạt	b	Đạt	-----	-----
c	Đạt	-----		-----	-----
Đạt		Đạt			

Kết quả: Đạt mức 2

Tiêu chí 3.5: Thiết bị

Mức 1:

a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;

b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có các thiết bị văn phòng và các thiết bị khác như: 02 bộ bàn quỳ phòng họp, 6 bộ bàn ghế làm việc trong các phòng hành chính- quản trị; 09 tủ đựng tài liệu, đồ dùng; 49 máy vi tính; 08 máy in; 02 máy chiếu; 02 bộ thiết

bị âm thanh; 01 loa di động; khu A gồm 6 điều hòa (phòng Hội đồng 3 máy, phòng Hiệu trưởng 01 máy, phòng PHT 01 máy, phòng Kế toán 01 máy), khu B gồm 6 điều hòa lắp đặt tại các phòng: Phòng GV: 2 máy, 2 phòng ban giám hiệu 2 máy, phòng Tin 2 máy). Các thiết bị trên đều hoạt động tốt. [H1-1.6-07]

b) Nhà trường có đồ dùng dạy học được cấp phát từ năm 2002. Ngoài ra, nhà trường còn có một số đồ dùng, thiết bị dạy học chung cho môn Thể dục, Âm nhạc, Tin học, hoạt động tập thể. Trong quá trình sử dụng đã hỏng, đặc biệt từ năm học 2015- 2016 nhà trường thực hiện theo mô hình trường học mới VNEN nên một số thiết bị còn lại không phù hợp nữa, chủ yếu là các thiết bị dạy học tự làm để phù hợp với các giờ học, ngoài ra giáo viên tích cực sử dụng các học liệu trên Internet để giảng dạy. Năm học 2020 - 2021, thực hiện chương trình giáo dục phổ thông năm 2018, phụ huynh học sinh lớp 1 sắm cho mỗi học sinh 01 bộ dùng học tập giúp học sinh thực hành trong các hoạt động học tập. [H3-3.5-01] [H3-3.5-02]

c) Cuối mỗi năm học, nhà trường tổ chức kiểm kê toàn bộ đồ dùng dạy học của các lớp. Đánh giá việc sử dụng và bảo quản của GV. Tiến hành hủy các thiết bị, đồ dùng hỏng và xây dựng kế hoạch bổ sung đồ dùng dạy học cho năm học tới. Đầu tháng 8 nhà trường tổ chức bàn giao và phát động tu sửa, cải tiến, làm bổ sung đồ dùng chuẩn bị cho năm học mới [H3-3.5-03], [H3-3.5-04]

Mức 2:

a) 100% máy tính của nhà trường đều được kết nối Internet cáp quang tốc độ cao, đường truyền ổn định phục vụ hoạt động quản lý, hoạt động dạy học của nhà trường (trong đó có 06 máy tính phục vụ hoạt động quản lý và 43 máy tính phục vụ dạy học) [3.5-06].

b) Trường có đủ thiết bị dạy học từng môn, có thiết bị dạy học dùng chung, đồ dùng học tập cá nhân đảm bảo cho học sinh thực hành trong các hoạt động học tập [H3-3.5-01] [H3-3.5-02].

c) Hàng năm, nhà trường kiểm kê vào cuối năm học trên cơ sở đó dành kinh phí mua sắm, bổ sung thêm thiết bị dạy học và phát động cán bộ, giáo viên tự làm đồ dùng dạy học [H3-3.5-03], [H3-3.5-04], [H3-3.5-05].

Mức 3:

Hàng năm, sau khi phân công chuyên môn cho GV, nhà trường tổ chức bàn giao lớp học, bàn giao đồ dùng cho giáo viên. Đồ dùng bàn giao cho GV được sắp xếp vào hệ thống tủ ngay trên phòng học, giúp GV thuận tiện trong việc sử dụng và bảo quản và được GV nghiên cứu cách sử dụng theo tổ khối trong buổi sinh hoạt chuyên môn. Nhà trường chỉ đạo cho các tổ khối trong mỗi buổi sinh hoạt chuyên môn phải lên được kế hoạch chuẩn bị đồ dùng dạy học và thảo luận cách sử dụng đồ dùng dạy học như thế nào trong tiết dạy để đem lại hiệu quả cao. Nhà trường đã tiến hành kiểm tra việc sử dụng đồ dùng dạy học của GV rất nghiêm túc. Bằng các hình thức: dự giờ thăm lớp, kiểm tra chuyên

đề, kiểm tra hồ sơ, sổ sách, kiểm tra kiến thức HS. Nhà trường đã khuyến khích, thúc đẩy GV tích cực sử dụng và sử dụng có hiệu quả đồ dùng dạy học. Ngoài ra, hàng năm nhà trường còn khuyến khích GV tự làm đồ dùng dạy học thông qua các hình thức triển lãm, thi sử dụng các đồ dùng dạy học tự làm, tổ chức khen thưởng xứng đáng cho những đồ dùng dạy học tự làm có hiệu quả sử dụng cao. Năm học 2017-2018, 2018-2019 nhà trường đã tham gia triển lãm đồ dùng do phòng Giáo dục tổ chức. Các thiết bị dạy học giúp cho các tiết học diễn ra sinh động, nhẹ nhàng, học sinh được quan sát, được thực hành trải nghiệm, các em nhớ và nắm vững kiến thức. [H3-3.5]

2. Điểm mạnh

- Nhà trường có các thiết bị dạy học hiện đại như máy chiếu, máy tính, đàn Organ, thiết bị nghe nhìn để dạy Tiếng Anh, có các thiết bị hỗ trợ các hoạt động tập thể như loa, đài, âm li, ti vi. Các đồ dùng, thiết bị dạy học của nhà trường đáp ứng tốt các hoạt động GD trong trường theo quy định của thông tư 15/2009/TT- BGDĐT - danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Tiểu học.

- 100% giáo viên có đồ dùng dạy học tự làm, thường xuyên sử dụng trong các giờ lên lớp và được thống nhất trong các buổi sinh hoạt chuyên môn. GV đã có ý thức trong việc tự làm thêm đồ dùng dạy học và sử dụng đồ dùng dạy học đạt hiệu quả.

3. Điểm yếu

- Một số thiết bị của bộ đồ dùng được cấp phát đã bị hỏng.
- Đồ dùng dạy học tự làm của giáo viên chưa đa dạng, độ bền không cao.
- Một số tủ đựng đồ dùng dạy học thiết kế với kiểu dáng cũ chưa thật đáp ứng với góc học tập thân thiện của lớp học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục duy trì và phát huy hơn nữa hiệu quả việc sử dụng đồ dùng dạy học có sẵn và các loại đồ dùng dạy học tự làm để nâng cao chất lượng các giờ lên lớp.

<i>Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện</i>	<i>Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)</i>	<i>Điều kiện để thực hiện</i>	<i>Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành</i>	<i>Dự kiến kinh phí</i>
- Khuyến khích GV tự làm đồ dùng dạy học và tích cực sử dụng đồ dùng	Cán bộ, giáo viên		Trong năm học 2021-2022	
- Tham mưu với các cấp có thẩm quyền, địa phương và cha mẹ học sinh hỗ trợ kinh phí để mua sắm thêm một số đồ dùng cần thiết.	Hiệu trưởng		Tháng 8 hằng năm	

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	-----	-----
c	Đạt	c	Đạt	-----	-----
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.6: Thư viện

Mức 1:

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường;

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;

c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên; hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Thư viện nhà trường có 2 phòng với tổng diện tích 95m².

Tổng số sách ở kho và thư viện có 1449 đầu sách và 6798 bản sách.
Trong đó:

- + Sách giáo khoa dùng chung: 1728 bản
- + Các văn bản quy phạm pháp luật và Sách bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm: 628 bản
- + Sách tham khảo các môn học: 2777 bản
- + Truyện thiếu nhi: 2010 bản

+ Báo, tạp chí: 575 bản

+ Bảng, đĩa hình: 76

Các loại sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đáp ứng đầy đủ cho công tác giảng dạy và học tập của GV, NV, HS. Thư viện đã có nội quy rất cụ thể, rõ ràng. Có máy vi tính lưu trữ tài liệu thư viện. Có tủ trưng bày thiết bị dạy học, 15 giá sách được sắp xếp gọn gàng, thẩm mỹ [3.6-02], [H3-3.6-03] [H3-3.6-10].

b) Thư viện nhà trường có đầy đủ các sổ sách ghi chép, theo dõi như: Sổ theo dõi mượn, trả sách của giáo viên và học sinh [H3-3.6-05], sổ theo dõi đọc sách của GV, HS, sổ nhật kí theo dõi các hoạt động của thư viện [H3-3.6-07], và kế hoạch công tác của thư viện [H3-3.6-04], biên bản bàn giao hàng hóa, sổ tài sản, có bảng phân loại mã màu giúp việc tra cứu, tìm kiếm được dễ dàng. Hằng tuần thư viện mở cửa từ thứ 2 đến thứ 6 phục vụ cho cán bộ giáo viên, nhân viên và học sinh. Có lịch đọc cụ thể cho từng khối lớp theo các buổi khác nhau. Có thời khóa biểu sắp xếp cho các lớp thực hiện tiết đọc thư viện [H3-3.6-06]. Mỗi lớp có góc thư viện với tủ sách lớp được phân loại và sắp xếp hợp lí, kế hoạch sử dụng và bảo quản do ban thư viện lớp thực hiện.

Các trang thiết bị phục vụ cho việc quản lý, bảo quản tài liệu thư viện, việc đọc sách tại chỗ của CB, GV, NV, HS trong thư viện luôn được quan tâm đầu tư. Đặc biệt, các thông tin, tài liệu liên quan đến các hoạt động GD tiểu học luôn được cập nhật đầy đủ để phục vụ hiệu quả các hoạt động GD của GV, NV và HS. [3.6-02],

c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, mua, bổ sung sách báo và tài liệu tham khảo bổ sung thêm vào thư viện trường. [H3-3.6-08] [H3-3.6-09]

Mức 2:

Thư viện của nhà trường được công nhận chuẩn Tiên tiến theo quyết định số 4259/QĐ/GD-SGDĐT ngày 20/7/2012 của Sở GD-ĐT Nam Định [H3-3.6-01]

Mức 3:

Thư viện có 02 máy tính được kết nối Internet để quản lý sách, thực hiện các tiết học tại thư viện, phục vụ việc tìm kiếm tài liệu. [3.6-02]

2. Điểm mạnh

- Thư viện nhà trường đầu tư, thiết kế các loại tủ và giá sách đa dạng loại hình, kiểu dáng thu hút học sinh vào đọc sách.
- Thư viện có sách báo đa dạng, phong phú được cập nhật thường xuyên.
- Các lớp đều có tủ sách lớp học với nhiều đầu sách phục vụ cho việc học tập.
- Trang thiết bị trong thư viện đảm bảo đầy đủ theo yêu cầu.

3. Điểm yếu

- Lượng sách báo bổ sung cho thư viện hàng năm còn ít.

- Các đầu sách tham khảo về lĩnh vực nghiên cứu khoa học, lịch sử, pháp luật,... còn hạn chế.
- Việc tổ chức các hoạt động cho học sinh tại phòng thư viện chưa nhiều.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/ Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
- Giáo viên chủ nhiệm lớp tiếp tục duy trì và phát huy việc học sinh sưu tầm sách tham khảo bổ sung tủ sách thư viện lớp.	GV, PH, HS		Các năm học	
- Nhân viên thư viện tiếp tục bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về quản lý thư viện.	NV	Học lớp cao đẳng thư viện	Năm học 2021-2022	
- Tăng cường các tiết học thư viện: xếp thời khóa biểu 2 tiết/tuần	PHT,GVCN khối 2,3,4,5, NVTV		Năm học 2021-2022	
- Dành nguồn kinh phí bổ sung sách phòng thư viện.	HT, KT		Năm học 2021-2022	30 triệu

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	-----		-----	
c	Đạt	-----		-----	
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

KẾT LUẬN TIÊU CHUẨN 3

* Điểm mạnh

- Khuôn viên của nhà trường được quy hoạch hợp lý. Có cổng trường, biển trường và tường bao quanh theo đúng quy định tại Điều lệ trường tiểu học, đảm bảo an toàn và thẩm mỹ. Diện tích của trường đảm bảo yêu cầu.

- Đủ số lượng phòng học theo quy định. Chất lượng và thiết bị của phòng học đảm bảo quy định của Điều lệ trường tiểu học. Nhà trường có đủ phòng phục vụ học tập, phòng hành chính theo quy định của Điều lệ trường tiểu học.

- Có đầy đủ các loại máy văn phòng (máy tính, máy in) phục vụ công tác quản lý và giảng dạy, máy tính nối internet phục vụ các hoạt động GD.

- Nhà trường có công trình vệ sinh riêng cho CB, GV, NV, HS, riêng cho nam và nữ. Công trình vệ sinh rộng rãi, được quy hoạch ở vị trí phù hợp với cảnh quan trường học, thuận lợi, an toàn, sạch sẽ.

- Có nhà để xe cho CB, GV, NV và HS đảm bảo an toàn, thuận tiện.

- Có nguồn nước sạch đáp ứng nhu cầu sử dụng của CB, GV, NV và HS; hệ thống thoát nước, thu gom rác đảm bảo yêu cầu.

- Hoạt động của thư viện của nhà trường đã đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, dạy học của CB, GV, NV và HS.

* Điểm yếu

- Thiết bị phòng Âm nhạc đã xuống cấp, các phòng học bộ môn còn ít trang thiết bị dạy học hiện đại.

- Nguồn kinh phí bổ sung sách tài liệu hàng năm còn ít.

- Các đầu sách tham khảo về lĩnh vực nghiên cứu khoa học, lịch sử, pháp luật,... còn hạn chế.

* Tự đánh giá

Tiêu chí	Không đạt	Đạt			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
Tiêu chí 3.1		x	x	x	----
Tiêu chí 3.2		x	x	x	----
Tiêu chí 3.3		x	x	x	----
Tiêu chí 3.4		x	x	----	----
Tiêu chí 3.5		x	x	x	----
Tiêu chí 3.6		x	x	x	

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 6

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0

TIÊU CHUẨN 4

QUAN HỆ GIỮA NHÀ TRƯỜNG, GIA ĐÌNH VÀ XÃ HỘI

* Mở đầu

Sau khi sáp nhập 2 nhà trường thành trường tiểu học Thọ Nghiệp, trong những năm qua, nhờ có sự chỉ đạo chặt chẽ, đồng bộ của cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương, sự phối hợp giữa nhà trường và Ban đại diện cha mẹ học sinh mà chất lượng giáo dục học sinh đã đạt hiệu quả tốt. Nhà trường và các tổ chức đoàn thể đã huy động được một nguồn lực về tinh thần, vật chất góp phần thực hiện tốt các nhiệm vụ giáo dục học sinh.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh

Mức 1:

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Vào đầu mỗi năm học, ban đại diện cha mẹ học sinh được bầu ra trong các cuộc họp. Ban đại diện cha mẹ học sinh của lớp gồm 03 thành viên: 01 trưởng ban, 01 phó ban và 01 thư kí. Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường bao gồm các thành viên là trưởng ban CMHS các lớp, trong đó cử ra ban thường trực gồm 3- 7 thành viên: 01 trưởng ban, 01 phó ban, các ủy viên. Căn cứ vào kết quả các cuộc họp CMHS, Hiệu trưởng ra quyết định công nhận Ban đại diện CMHS cấp trường. Ban đại diện CMHS xây dựng kế hoạch, quy chế, nghị quyết thực hiện nhiệm vụ. Ban đại diện cha mẹ học sinh có tổ chức, nhiệm vụ, quyền và trách nhiệm quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh (Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011). [H4-4.1-01]

b) Ban đại diện cha mẹ học sinh có kế hoạch hoạt động theo từng năm học, có báo cáo tổng kết vào cuối mỗi năm học. Trong kế hoạch đã nêu rõ mục tiêu phấn đấu, những nội dung cần thực hiện trong năm học như: phối hợp với nhà trường quan tâm đến hoạt động dạy và học, giáo dục đạo đức, nhân cách học

sinh, thực hiện tốt việc quản lý giáo dục con em tại gia đình, khuyến khích và ủng hộ các phong trào của nhà trường, quan tâm chăm lo, động viên cán bộ giáo viên và học sinh; nêu rõ các giải pháp thực hiện, các kết quả đạt được và có điều chỉnh, bổ sung. Mỗi năm, trường tổ chức họp CMHS toàn trường 3 lần vào đầu năm học, cuối học kỳ I và cuối năm học. Ban đại diện CMHS của trường sinh hoạt định kỳ 03 lần/năm học và họp đột xuất khi cần thiết. Trong các cuộc họp, nhà trường tiếp thu ý kiến về công tác quản lý, các biện pháp GD HS, giải quyết các kiến nghị của cha mẹ HS, góp ý kiến cho hoạt động của Ban đại diện cha mẹ HS được thực hiện tốt. [H4-4.1-01]

c) Ban cha mẹ HS thực hiện các nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch đúng tiến độ, công khai, dân chủ và được sự đồng thuận của tất cả phụ huynh. [H4-4.1-01] . [H4-4.1-02]

Mức 2:

- Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp với nhà trường trong việc thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục. Ban đại diện cha mẹ học sinh theo dõi các khoản thu chi thỏa thuận của nhà trường, cùng với nhà trường vận động các tổ chức, cá nhân, nhà hảo tâm để bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, giúp đỡ trẻ em nghèo, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn. Phối hợp với nhà trường trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục như: các cuộc giao lưu, trải nghiệm, làm đồ dùng dạy học, trang trí không gian lớp học, vệ sinh trường lớp, dự giờ một số tiết học... Đặc biệt, ban đại diện cha mẹ học sinh đã phối hợp chặt chẽ với nhà trường, giáo viên chủ nhiệm trong việc giáo dục đạo đức, việc học tập của học sinh, cung cấp cho học sinh những kiến thức thực tế, truyền thống của địa phương; những kỹ năng sống cơ bản, thiết thực, gần gũi với thực tế cuộc sống của HS.

- Trong các cuộc họp phụ huynh, nhà trường đã tổ chức tuyên truyền những kiến thức về pháp luật, chủ trương chính sách đối với giáo dục như: giúp phụ huynh biết được quyền của trẻ em, quyền lợi của bảo hiểm y tế, quyền của cha mẹ học sinh được quy định tại Điều 96 của Luật Giáo dục; những điểm mới của ngành giáo dục như: mô hình trường Tiểu học mới VNEN, Chương trình giáo dục phổ thông 2018, một số biện pháp giáo dục học sinh, phương pháp dạy học con em khi ở nhà. Phối kết hợp với CMHS học sinh trong việc vận động học sinh đi học (Kể cả học sinh khuyết tật) đạt 100%. [H4-4.1-01], [H4-4.1-02].

Mức 3:

Ban đại diện cha mẹ học sinh đã phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh. Nhà trường tạo điều kiện thuận lợi để Ban đại diện CMHS hoạt động theo đúng quyền, nhiệm vụ được quy định tại điều 46 của Điều lệ Ban đại diện CMHS. Trong các cuộc họp, hội nghị quan trọng như hội nghị CBCCVC, khai giảng năm học, sơ kết, tổng kết năm học, tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho học sinh,... nhà trường đều mời Ban đại diện CMHS tham dự để CMHS cùng đóng góp ý kiến xây dựng trường ngày càng phát triển. [H4-4.1-01]

2. Điểm mạnh

- Ban đại diện cha mẹ HS luôn phối hợp chặt chẽ với nhà trường, đẩy mạnh các hoạt động, góp phần đáng kể vào phong trào chung của nhà trường.

- Nhà trường đảm bảo thông tin hai chiều giữa CMHS với GV chủ nhiệm và nhà trường thường xuyên, hiệu quả. Nhà trường đã làm tốt công tác tuyên truyền để CMHS hiểu và đồng thuận trong việc thống nhất phương pháp giáo dục, cách đánh giá HS theo thông tư 22/2016/TT-BGDĐT, thông tư 27/2020/TT-BGDĐT.

- Ban đại diện CMHS thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn tạo được sự đồng thuận cao của CMHS toàn trường trong mọi hoạt động.

3. Điểm yếu

- Một số CMHS đi làm ăn xa chính vì thế chưa nắm bắt được các nội dung, kế hoạch hoạt động của lớp, của trường nên việc kết hợp GD giữa CMHS với GV chủ nhiệm còn hạn chế.

- Việc huy động từ các nguồn lực còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

<i>Giải pháp cụ thể/ Công việc cần thực hiện</i>	<i>Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)</i>	<i>Điều kiện để thực hiện</i>	<i>Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành</i>	<i>Dự kiến kinh phí</i>
- Tiếp tục củng cố tổ chức Ban đại diện CMHS. Chọn và bổ sung những thành viên tích cực tham gia Ban đại diện CMHS.	BGH, GVCN		Năm học 2021-2022	
- Bố trí, sắp xếp thời gian tổ chức cuộc họp hợp lý.	BGH, BCMHS		Năm học 2021-2022	
- Thông báo kế hoạch của lớp, của trường tới phụ huynh vắng bằng hình thức khác: điện thoại, qua nhóm ZALO của lớp.	GVCN	PHHS có điện thoại kết nối Internet	Năm học 2021-2022	
- Phân công cho các đ/c GVCN chủ động phối hợp với CMHS.	BGH, GVCN		Năm học 2021-2022	
- Huy động các nguồn lực từ các cá nhân, tập thể ủng hộ CSVC cho nhà trường.	BGH, GVCN, PHHS	Điện thoại, trực tiếp	Năm học 2021-2022	

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	-----		-----	
c	Đạt	-----		-----	
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Đầu mỗi năm học, nhà trường luôn chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương về kế hoạch năm học, về nhiệm vụ trọng tâm trong năm học, các biện pháp cụ thể để tổ chức các hoạt động, huy động học sinh ra lớp, công tác phổ cập giáo dục, biện pháp tăng cường cơ sở vật chất để xây dựng và phát triển nhà trường [H4-4.2-01].

b) Qua các cuộc họp CMHS, họp Đảng ủy, họp HĐND của xã, nhà trường tuyên truyền để nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường như: quyền lợi và trách nhiệm của việc tham gia BHYT, những điểm mới của ngành giáo dục, về kế hoạch, chiến lược phát triển nhà trường để nhân dân địa phương, các tổ chức cá nhân nâng cao trách nhiệm của mình trong việc giáo dục, phát triển nhà trường [H4-4.2-02].

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định. Từ nguồn đóng góp của phụ huynh theo quy định và các nguồn từ ngân sách nhà trường đã sửa chữa cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị dạy và học. Nhà trường luôn được phụ huynh ủng hộ kết hợp cùng giáo viên hướng dẫn học sinh tổ chức các buổi trải nghiệm: trồng, chăm sóc cây trong vườn trường; tổ chức sinh nhật và các hoạt động khác. Trong những năm học qua nhà trường cũng đón nhận những tấm lòng vàng. Cụ thể năm học 2020-2021 nhà trường nhận 40 cặp phao cứu sinh của quỹ Tấm lòng vàng do ngân hàng BIDV tài trợ, năm học 2021- 2022 công ty Thủ Đô trao tặng 30 suất học bổng cho HS nghèo của trường mỗi suất quà trị giá 1.000.000 đồng. Hằng năm các em học sinh của trường cũng đón nhận các suất học bổng của quỹ Hoàng Ngân, của ban Khuyến học (của tỉnh, huyện và của xã); các suất quà tặng của Hội phụ nữ xã và Đoàn thanh niên...[H5-5.2-06]

Mức 2:

a) Nhà trường đã tham mưu với cấp ủy đảng, chính quyền địa phương tạo điều kiện để từng bước thực hiện chiến lược xây dựng và phát triển. Từ năm học 2020-2021, nhà trường đã được địa phương xây dựng 6 phòng học mới đưa vào sử dụng từ đầu năm học 2021-2022, cải tạo các phòng học và phòng chức năng, làm sân, tạo cảnh quan đẹp phục vụ cho các hoạt động của thầy và trò.[H4-4.2-01]

Cụ thể:

- Năm học 2020-2021 xây dựng 6 phòng học với tổng kinh phí 4,096 tỉ đồng trong đó có 2 tỉ của huyện, số còn lại của UBND xã Thọ Nghiệp.

- Địa phương cải tạo sân của 2 khu, hệ thống cống thoát nước, quét vôi các phòng học, phòng chức năng khu B, xây tường rào khu vực mở rộng 2 khu với nguồn kinh phí là 2,9 tỉ.

b) Hằng năm, nhà trường đã phối hợp cùng với Đoàn TNCS Hồ Chí Minh của xã và các ban ngành ở địa phương tổ chức cho HS vui Tết Trung thu. Phối hợp với Ban công an xã xây dựng kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự trường học, an ninh trật tự trong các dịp Tết, tuyên truyền, kí cam kết chấp hành luật An toàn giao thông, các tệ nạn xã hội phòng chống tai nạn thương tích, cháy nổ. Kết thúc năm học, nhà trường cùng với Đoàn TNCS Hồ Chí Minh xã tổ chức cho các em sinh hoạt hè tại nơi cư trú vui tươi, an toàn, lành mạnh [H4-4.2-02] [H4-4.2-03]. Phối hợp với trạm Y tế xã trong công tác chăm sóc sức khỏe cho học

sinh và bảo vệ môi trường; phòng tránh các hiểm họa thiên tai, phòng chống dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm [H5-5.3-05]. Tổ chức các buổi nói chuyện để tuyên truyền về phòng chống bạo lực học đường, tư vấn tâm lý cho HS [H5-5.3-06]. Nhà trường xây dựng kế hoạch và triển khai có hiệu quả kế hoạch giáo dục HS về truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc và của địa phương cho HS, góp phần nâng cao nhận thức cho HS về lòng tự hào dân tộc, lòng yêu quê hương đất nước với những việc làm phù hợp với lứa tuổi HS tiểu học như: Chăm sóc và quét dọn nghĩa trang liệt sĩ xã, tổ chức nghe các cựu chiến binh nói chuyện lịch sử với nhân ngày 22/12; ngày 27/7 tham gia thắp nến tri ân, tổ chức thăm hỏi và trao quà các gia đình thương binh, liệt sĩ tại địa phương [H5-5.3-03].

Mức 3:

Nhà trường đang từng bước tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và phối hợp với các tổ chức, cá nhân về bổ sung cơ sở vật chất trang thiết bị dạy học, xây dựng đội ngũ, tổ chức các hoạt động giáo dục, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của học sinh giúp học sinh trở thành những con người năng động sáng tạo có đầy đủ kiến thức kỹ năng. Từng bước xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục, một địa chỉ uy tín, tin cậy [H4-4.2-03].

2. Điểm mạnh

- Các tổ chức đoàn thể địa phương luôn quan tâm đến phong trào GD của nhà trường với nhiều hình thức phong phú, vui tươi, lành mạnh, tạo hứng thú cho HS khi tham gia.

- Nhà trường đã huy động được sự ủng hộ tự nguyện của phụ huynh, các tổ chức, cá nhân về vật chất và tinh thần để xây dựng CSVC, mua sắm trang thiết bị dạy học, hỗ trợ và kịp thời động viên HS đạt thành tích xuất sắc trong năm học, nhất là với những HS có hoàn cảnh khó khăn vươn lên trong học tập.

- Mọi hoạt động trong nhà trường luôn có sự phối kết hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể và các cá nhân nên các phong trào phát triển tốt, đạt hiệu quả cao.

3. Điểm yếu

- Một số CMHS đi làm ăn xa chính vì thế chưa nắm bắt được các nội dung, kế hoạch hoạt động của lớp, của trường nên việc kết hợp GD giữa CMHS với GV chủ nhiệm còn hạn chế.

- Việc huy động nguồn lực để tài trợ ủng hộ nhà trường chưa được nhiều.

- Tổ chức cho HS đi trải nghiệm các di tích lịch sử, văn hóa ngoài tỉnh còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục phối kết hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể tại địa phương để giáo dục học sinh về truyền thống lịch sử, văn hóa của dân tộc, của địa phương.

Giải pháp cụ thể/ Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
- Tích cực phối hợp với PH trong công tác GDHS.	CB, GV	Trao đổi trực tiếp, trao đổi thông qua điện thoại, zalo, facebook, email,...	Các năm học	
- Gặp gỡ các doanh nghiệp, các tổ chức xã hội, các dòng họ, các nhà hảo tâm xin hỗ trợ kinh phí.	BGH, CBGVNV, CMHS		Năm học 2021-2022	
- Kết hợp với phụ huynh tổ chức cho học sinh học tập, trải nghiệm ngoài tỉnh.	BGH, Đại diện CMHS, GVCN		Các năm học	

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	-----	
c	Đạt	-----		-----	
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

KẾT LUẬN VỀ TIÊU CHUẨN 4

* Điểm mạnh

- Nhà trường thực hiện tốt công tác phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội, đã tạo được mối quan hệ tốt với phụ huynh học sinh và xã hội; thường xuyên phối hợp với các tổ chức, đoàn thể ngoài nhà trường, tạo được sự đồng bộ, thống nhất trong công tác giáo dục toàn diện cho học sinh.

- Nhà trường đã huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tự nguyện theo quy định của các tổ chức, cá nhân để xây dựng cơ sở vật chất, tăng thêm phương tiện, thiết bị dạy học.

- Thường xuyên tuyên truyền để tăng thêm sự hiểu biết trong cộng đồng về nội dung, phương pháp và cách đánh giá học sinh, tạo điều kiện cho cộng đồng tham gia cùng thực hiện mục tiêu và kế hoạch giáo dục.

- Nhà trường đã làm tốt công tác tham mưu với cấp uỷ Đảng, chính quyền, phối hợp với các lực lượng xã hội, nhân dân địa phương để nâng cao chất lượng GD toàn diện cho HS, tăng cường CSVC cho nhà trường do đó CSVC trường học ngày càng khang trang, sạch đẹp, chất lượng GD không ngừng được nâng cao.

*** Điểm yếu**

- Một số CMHS đi làm ăn xa chính vì thế chưa nắm bắt được các nội dung, kế hoạch hoạt động của lớp, của trường nên việc kết hợp GD giữa CMHS với GV chủ nhiệm còn hạn chế.

- Việc huy động nguồn lực để tài trợ ủng hộ nhà trường chưa được nhiều.

*** Kết quả**

Tiêu chí	Không đạt	Đạt			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
Tiêu chí 4.1		x	x	x	----
Tiêu chí 4.2		x	x	x	----

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 2

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0

TIÊU CHUẨN 5

HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC VÀ KẾT QUẢ GIÁO DỤC

*** Mở đầu**

Kế hoạch giáo dục của nhà trường được xây dựng theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học, có cập nhật đầy đủ các quy định về chuyên môn của các cơ quan quản lý giáo dục, đảm bảo mục tiêu giáo dục toàn diện. Kế hoạch đã được phòng GD&ĐT huyện Xuân Trường phê duyệt và được phổ biến công khai đến giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng. Nhà trường tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả kế hoạch giáo dục đã xây dựng. Hàng năm đều rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả của các biện pháp thực hiện kế hoạch nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng dạy, học. Công tác phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo, giúp đỡ học sinh có khó khăn được quan tâm đúng mức. Nhà trường cũng đã xây dựng và tổ chức nhiều hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp với nội dung, hình thức khá phong phú, phù hợp với điều kiện thực tế và tâm lý của học sinh, được các em tham gia tích cực, chủ động. Cùng với các trường trong xã, nhà trường đã làm tốt công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

Tiêu chí 5.1: Kế hoạch giáo dục của nhà trường.

Mức 1:

a) *Đảm bảo theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học, các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục;*

b) *Đảm bảo mục tiêu giáo dục toàn diện thông qua các hoạt động giáo dục được xây dựng trong kế hoạch;*

c) *Được giải trình và được cơ quan có thẩm quyền xác nhận.*

Mức 2:

a) *Đảm bảo tính cập nhật các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục;*

b) *Được phổ biến, công khai để giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh, cộng đồng biết và phối hợp, giám sát nhà trường thực hiện kế hoạch.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, căn cứ Chỉ thị năm học, hướng dẫn của các cấp quản lý giáo dục, căn cứ vào quy định Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học ban hành kèm theo quyết định số 16/2006/QĐ-BGD&ĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 5/5/2006, Chương trình giáo dục phổ thông 2018 ban hành kèm theo thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 và điều kiện thực tế của địa phương, nhà trường đã xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học (Kế hoạch GD) chi tiết, cụ thể cho từng học kì, từng tháng trong năm học. Căn cứ vào công tác mình phụ trách, Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng tiến hành xây dựng kế hoạch chỉ đạo [H5-5.1-01]. Dựa trên kế hoạch của nhà trường, các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ [H1-1.4-02]; GV xây dựng kế hoạch cá nhân đảm bảo theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học [H5-5.1-04] [H5-5.1-05].

b) Nhà trường thực hiện nghiêm túc chương trình, kế hoạch giảng dạy theo công văn hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT tỉnh Nam Định, Phòng GD&ĐT huyện Xuân Trường; chỉ đạo GV thực hiện dạy đúng, dạy đủ các môn học, không để xảy ra hiện tượng cắt xén hoặc dồn ép chương trình. GV tổ chức các hoạt động giáo dục theo kế hoạch, đảm bảo mục tiêu giáo dục [H5-5.1-04] [H5-5.1-05]. Mỗi năm học, nhà trường xây dựng thời khoá biểu cho các khối lớp, dạy đủ các môn học, đúng với phân phối chương trình, kế hoạch. Đảm bảo nội dung dạy học theo yêu cầu của chuẩn kiến thức, kỹ năng và điều chỉnh nội dung dạy học của Bộ GD&ĐT; kết hợp Giáo dục kỹ năng sống, câu lạc bộ và tổ chức hoạt động ngoài giờ chính khóa cho HS. Tổ chức dạy môn Tiếng Anh và Tin học cho HS khối 3, 4, 5. Nhà trường xây dựng thời khoá biểu phù hợp với từng khối lớp. Buổi sáng 4 tiết, buổi chiều 3 tiết (học 2 buổi/ngày), thực hiện dạy 9 buổi/tuần. Hàng tuần, BGH kiểm tra thực hiện chương trình thời khoá biểu của GV thông qua kế hoạch giảng dạy khi duyệt kế hoạch lên lớp, thăm lớp, dự giờ. Lựa chọn phương pháp, hình thức dạy học phù hợp. Lớp 1 dạy Tiếng Việt theo chương trình Công nghệ, năm học 2020-2021 và năm học 2021-2022 dạy theo chương trình giáo dục phổ thông năm 2018; lớp 2 năm học 2021-

2022 dạy theo chương trình giáo dục phổ thông năm 2018; từ lớp 3 đến lớp 5 dạy theo mô hình VNEN, môn Mĩ thuật dạy theo phương pháp Đan Mạch. Đảm bảo mục tiêu giáo dục toàn diện cho học sinh. [H5-5.2-01]

c) Căn cứ hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học của Phòng GD&ĐT huyện Xuân Trường, nhà trường xây dựng dự thảo kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học (Kế hoạch GD). Dự thảo kế hoạch được thông qua hội Hội nghị CB-CC-VC&NLĐ đầu năm học để CB, GV, NV nhà trường và cha mẹ HS tham gia đóng góp ý kiến. Sau khi được bổ sung, chỉnh sửa hoàn thiện, kế hoạch được Phòng GD&ĐT huyện Xuân Trường phê duyệt [H5-5.1-01] [H5-5.1-06]. Tuy nhiên, một số GV chưa tích cực trong việc tham gia đóng góp ý kiến xây dựng kế hoạch của nhà trường.

Mức 2:

a) Kế hoạch giáo dục của nhà trường, của tổ, cá nhân được xây dựng cụ thể công việc cho từng kì, từng tháng, từng tuần tuân thủ nghiêm túc chỉ đạo chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục cấp trên [H5-5.1-02] [H5-5.1-03]. Kế hoạch giáo dục được xây dựng căn cứ theo công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021 của Bộ GD&ĐT V/v hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường cấp tiểu học; Công văn số 1293/GDDĐT-GDTH, ngày 06/9/2021 của Sở GDĐT Nam Định hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2021-2022; Hướng dẫn số 201/GDĐT-TH của Phòng GDĐT V/v hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2021-2022. Nhà trường đã điều chỉnh xây dựng kế hoạch tổ chức dạy học ứng phó với dịch covid 19 theo công văn số 1327/SGDĐT-GDTH ngày 09/9/2021 của Sở GD-ĐT Nam Định về việc xây dựng kế hoạch phù hợp, thích ứng việc phòng, chống dịch Covid-19, cấp tiểu học; Công văn số 1355/SGDĐT-GDTH ngày 14/9/2021 Sở GD-ĐT Nam Định về việc hướng dẫn thực hiện Chương trình GDPT cấp tiểu học năm học 2021-2022 ứng phó với dịch Covid-19; Kế hoạch số 1407/KH-SGDĐT ngày 20/9/2021 Sở GD-ĐT Nam Định về việc tổ chức dạy học ứng phó diễn biến dịch Covid-19; [H5-5.1-01]

b) Các kế hoạch giáo dục của nhà trường được xây dựng theo đúng quy định. Sau khi được phê duyệt của Phòng Giáo dục và Đào tạo Xuân Trường, kế hoạch của nhà trường được phổ biến, công khai đến các thành viên của nhà trường, cha mẹ học sinh và cộng đồng để cùng phối hợp và giám sát thực hiện. [H5-5.1-06]

2. Điểm mạnh

- Kế hoạch giáo dục của nhà trường được xây dựng rất cụ thể, tỉ mỉ, có sự tham gia đóng góp ý kiến của cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh và các lực lượng giáo dục khác trong hội nghị cán bộ công nhân viên chức của nhà trường vào đầu năm học. Đảm bảo mục tiêu giáo dục toàn diện và phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường, đã được giải trình và được cấp trên phê duyệt, được công khai đến các thành viên trong trường và cộng đồng.

- Nhà trường luôn cập nhật và thực hiện đầy đủ các quy định về chuyên môn của các cơ quan quản lý giáo dục.

3. Điểm yếu

Việc tuyên truyền, phổ biến, công khai kế hoạch giáo dục của nhà trường tới cộng đồng chưa thật hiệu quả nên việc phối hợp giữa nhà trường với cộng đồng trong việc thực hiện mục tiêu giáo dục còn hạn chế.

Một số GV chưa tích cực trong việc tham gia đóng góp ý kiến xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Duy trì và phát huy việc xây dựng kế hoạch đảm bảo mục tiêu giáo dục toàn diện và phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường. Tổ CM và mỗi GV cần phải chủ động xây dựng kế hoạch hoạt động và nghiêm túc thực hiện kế hoạch đã xây dựng.

<i>Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện</i>	<i>Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)</i>	<i>Điều kiện để thực hiện</i>	<i>Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành</i>	<i>Dự kiến kinh phí</i>
- Làm tốt công tác xây dựng kế hoạch giáo dục mỗi năm học.	HT	Nghiên cứu kỹ văn bản quy định, các tài liệu tham khảo về đổi mới giáo dục	Đầu mỗi năm học	
- Tích cực phổ biến và tuyên truyền kế hoạch giáo dục tới các thành viên trong trường và cộng đồng.	HT, PHT, GV, NV	Sinh hoạt CM, hội nghị CMHS, kì họp HĐND xã, hội nghị GD của xã	Đầu mỗi năm học	
- Xây dựng và thông qua chương trình phối hợp giữa nhà trường với các ban, ngành, đoàn thể của địa phương trong việc tổ chức một số hoạt động giáo dục của trường.	HT, PHT, TPT Đội,	Tham mưu tổ chức hội nghị GD có đủ các ban, ngành, đoàn thể	Đầu mỗi năm học	
Cập nhật kết quả các hoạt động giáo dục của nhà trường tới cộng đồng.	HT	Các buổi làm việc, hội nghị với địa phương, CMHS		
Nghiên cứu kỹ Chương trình GDPT 2018 và tích cực tuyên truyền, phổ biến để tạo sự đồng thuận, phối hợp khi thực hiện. phối hợp khi thực hiện.	HT	Nghiên cứu kỹ văn bản		

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	-----	-----
b	Đạt	b	Đạt	-----	-----
c	Đạt	-----		-----	-----
Đạt		Đạt			

Kết quả: Đạt mức 2

Tiêu chí 5.2: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học

Mức 1:

a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục đảm bảo mục tiêu giáo dục;

b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường;

c) Thực hiện đúng quy định về đánh giá học sinh tiểu học.

Mức 2:

a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;

b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

Mức 3:

Hàng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường tổ chức dạy đủ các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc theo quy định của Bộ GD&ĐT. Lớp 1,2 thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018 ban hành kèm theo thông tư số 32/2018/TT-BGD&ĐT ngày 26/12/2018 gồm các môn học: Tiếng Việt, Toán, Đạo đức, Tự nhiên và Xã hội, Giáo dục thể chất, Nghệ thuật (Âm nhạc, Mĩ thuật) và hoạt động giáo dục: Hoạt động trải nghiệm. Học sinh lớp 3, 4, 5 thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học ban hành kèm theo quyết định số 16/2006/QĐ-BGD&ĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 5/5/2006 gồm các môn học: Tiếng Việt, Toán,

Đạo đức, Tự nhiên và Xã hội (lớp 3), Khoa học, Lịch sử và Địa lý (Lớp 4,5), Âm nhạc, Mĩ thuật, Thủ công (Lớp 3), Kỹ thuật (lớp 4,5), Thể dục. Tổ chức dạy 2 môn Tiếng Anh và Tin học cho học sinh khối 3, 4, 5. 100% học sinh của trường được học 9 buổi/tuần. Thời lượng các môn học được thực hiện theo quy định tại Chương trình phổ thông cấp tiểu học. Ngoài các môn học, mỗi tuần nhà trường tổ chức rèn kỹ năng sống và hoạt động ngoài giờ chính khóa cho học sinh. Nhà trường còn tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động ngoại khóa như học tập, tham quan, trải nghiệm, các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao. [H5-5.1-01] [H5-5.2-02] [H5-5.2-03]

b) Nhà trường đã làm tốt công tác tập huấn, tổ chức hội thảo cho giáo viên trong trường về đổi mới nội dung, phương pháp dạy học. Chỉ đạo tốt các tổ chuyên môn xây dựng, lựa chọn nội dung dạy học phù hợp với đối tượng học sinh, điều kiện nhà trường, đảm bảo chuẩn kiến thức, kỹ năng. Chỉ đạo các tổ sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học để vận dụng phương pháp, kỹ thuật, hình thức dạy học tích cực. Trong thời gian qua, giáo viên trong nhà trường đã tích cực đổi mới phương pháp, kỹ thuật dạy học để phát huy tính cực của học sinh. [H5-5.2-04]

c) Nhà trường đã thực hiện đúng quy định về đánh giá học sinh tiểu học.

Từ năm học 2016-2017 đến nay đánh giá HS theo Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT và văn bản hợp nhất 03/VBHN-BGDĐT ngày 28/9/2016 của Bộ GD&ĐT. Cuối năm học, về học tập HS được xếp loại: Tốt (T), Hoàn thành (H), Chưa hoàn thành (C). Về từng năng lực, từng phẩm chất: Xếp loại Tốt (T), Đạt (Đ) và Cần cố gắng (C).

Năm học 2020-2021, riêng học sinh lớp 1 được đánh giá theo thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GD&ĐT.

Năm học 2021-2022, học sinh lớp 1 và lớp 2 được đánh giá theo thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GD&ĐT. [H5-5.2-05]

Mức 2:

a) Thực hiện dạy đủ các môn học, dạy đúng chương trình kế hoạch theo quy định của Bộ GD&ĐT. Thực hiện đúng yêu cầu dạy học theo chuẩn kiến thức, kỹ năng, dạy học tích hợp. Nhà trường đã lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng HS, đáp ứng khả năng nhận thức của học sinh. [H5-5.1-01] [H5-5.1-04] [H5-5.1-05]

Nhà trường đã tăng cường các hoạt động thực hành, hoạt động trải nghiệm, kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường, địa phương và khả năng học tập của học sinh. Phối hợp chặt chẽ với chi đoàn, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh để giáo dục học sinh một cách thiết thực, hiệu quả. [H5-5.2-02] [H1-1.3-34]

Năm học 2021-2022, thực hiện chương trình Giáo dục phổ thông mới năm 2018 đối với lớp 1 và lớp 2. Tiếp tục thực hiện chương trình phổ thông hiện hành từ lớp 3 đến lớp 5. Đảm bảo mục tiêu giáo dục, chất lượng giáo dục. GV chủ động xây dựng kế hoạch giáo dục theo định hướng phát triển năng lực học sinh, phù hợp với tình hình thực tế của lớp thông qua việc tăng cường các hoạt động thực hành vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn, chú trọng giáo dục đạo đức, giá trị sống, rèn luyện kỹ năng sống, hiểu biết xã hội cho HS. [H5-5.1-01]

b) Trong các năm học, nhà trường luôn quan tâm đến công tác bồi dưỡng HS có năng khiếu; phụ đạo HS gặp khó khăn, hạn chế trong học tập, HS khuyết tật học hòa nhập. Vào đầu năm học, nhà trường chỉ đạo GV rà soát phân loại đối tượng HS gặp khó khăn, hạn chế trong học tập, HS năng khiếu. Nhà trường và các khối lớp xây dựng kế hoạch, sắp xếp thời gian phù hợp, phân công GV có trình độ chuyên môn tốt, có kinh nghiệm để bồi dưỡng HS năng khiếu và tổ chức cho HS tham gia thi, giao lưu các cấp [H5-5.1-01] Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021, nhà trường tổ chức cho HS tham gia giao lưu phát triển năng lực học sinh, tham gia Triển lãm chữ viết đúng và đẹp và Giải toán trên mạng, hùng biện Tiếng Anh, thi TOEFL và đạt nhiều giải. [H5-5.2-07]. Công tác phụ đạo HS gặp khó khăn, hạn chế trong học tập, HS khuyết tật học hòa nhập, nhà trường giao cho GV giảng dạy hàng ngày kèm cặp chủ yếu vào thời gian học buổi 2 [H5-5.2-05].

Mức 3:

Sau mỗi kì kiểm tra, sau mỗi học kì, mỗi năm học, nhà trường đã tổ chức rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả, tác động của các biện pháp tổ chức các hoạt động để tìm ra nguyên nhân, biện pháp khắc phục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh. Công tác rà soát được tiến hành trong các buổi giao ban tháng, sơ kết học kì, tổng kết năm học và các phiên họp của Hội đồng trường. Nhà trường có đầy đủ hồ sơ, số liệu và kết quả tổng hợp hiệu quả GD của HS ở các năm học. [H5-5.2-06]; [H5-5.2-07].

+ Kết quả giáo dục cuối năm học.

Nội dung Năm học	<i>Hoàn thành chương trình lớp học</i>		<i>Hoàn thành chương trình Tiểu học</i>		<i>Khen thưởng</i>	
	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ
2016-2017	1049/1054	99,52%	171/171	100%	628/1054	59,58%
2017-2018	1076/1079	99,72%	217/217	100%	727/1079	67,37%
2018-2019	1120/1127	99,64%	213/213	100%	817/1127	72,49%
2019-2020	1120/1124	99,64%	216/216	100%	754/1124	67,08%
2020-2021	1122/1129	99,38%	225/225	100%	848/1129	75,11%

+ Kết quả giáo các cuộc thi, giao lưu

Năm học	Nội dung giao lưu	Giải huyện	Giải tỉnh
2016-2017	Giải Toán qua mạng	1Nhất, 1 Ba, 4KK	
	Giải Olympic Tiếng Anh	1 Nhì, 5 Ba, 3KK, 1 HS tham gia cấp tỉnh	
	Hùng biện Tiếng Anh	1 Ba.	
	Viết chữ đẹp	1Nhất, 10 Nhì, 10 Ba, 5KK	1 Ba
	TDTT	2 KK	
	Tiếng Anh TOEFL	1 A1	
2017-2018	Hùng biện Tiếng Anh	2 Ba, 3KK	
	Viết chữ đẹp	1 Nhất, 8 Nhì, 19 Ba, 10KK	1 Nhì
	TDTT	2 KK	
	LHPTNL	22 HS tham gia	
	TOEFL	2 A2, 1A1	
2018-2019	Hùng biện Tiếng Anh	1 Ba, 1KK	
	TOEFL	4 A2; 9 A1	
	Viết chữ đẹp	7 Nhất, 16 Nhì, 7 Ba, 5 KK	
	TDTT	3 Ba	
2019-2020	Hùng biện Tiếng Anh	1 Nhất, 3 Nhì, 1Ba, 1 KK	1 KK
	TDTT miền	1 Nhất, 1 Nhì, 2KK	
2020- 2021	Hùng biện Tiếng Anh	2 Nhì, 2 Ba, 3 KK	
	Viết chữ đẹp	2 Nhất, 9 Nhì, 19 Ba, 10 KK.	1 Nhất
	TDTT	2KK	

2. Điểm mạnh

- Nhà trường dạy đúng đủ các môn học theo quy định. Trong quá trình dạy học và giáo dục, nhà trường đã lựa chọn nội dung các hoạt động giáo dục phù hợp với học sinh và điều kiện nhà trường.

- Thực hiện việc đánh giá học sinh theo đúng quy định. Hằng năm định kỳ nhà trường có rà soát, phân tích để tìm biện pháp nâng cao chất lượng giáo dục.

3. Điểm yếu

- Việc vận dụng các phương pháp dạy học tích cực của giáo viên chưa đồng đều.

- Các lớp vẫn còn học sinh chậm tiến độ. Năm học 2020- 2021 là năm học đầu tiên thực hiện chương trình GDPT mới vẫn còn 7 HS lớp 1 lưu ban.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục duy trì việc đánh giá học sinh theo thông tư 22/2016/TT-BGDĐT đối với HS lớp 3, 4, 5; thông tư 27/2020/TT-BGDĐT đối với HS lớp 1, 2. Hằng năm nhà trường có rà soát, phân tích để tìm biện pháp nâng cao chất lượng giáo dục.

<i>Giải pháp cụ thể/ Công việc cần thực hiện</i>	<i>Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)</i>	<i>Điều kiện để thực hiện</i>	<i>Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành</i>	<i>Dự kiến kinh phí</i>
- Kiểm tra, tư vấn tới từng giáo viên về việc vận dụng đổi mới phương pháp dạy học.	BGH, tổ trưởng CM		Thường xuyên các năm học	
- Phụ đạo học sinh còn chậm tiến độ.	GV chủ nhiệm, CMHS, BGH		Thường xuyên các năm học	

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	----	----
c	Đạt	----	----	----	----
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.3: Thực hiện các hoạt động giáo dục khác

Mức 1:

- a) *Đảm bảo theo kế hoạch;*
- b) *Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động phong phú, phù hợp điều kiện của nhà trường;*
- c) *Đảm bảo cho tất cả học sinh được tham gia.*

Mức 2:

Được tổ chức có hiệu quả, tạo cơ hội cho học sinh tham gia tích cực, chủ động, sáng tạo.

Mức 3:

Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động phân hóa theo nhu cầu, năng lực sở trường của học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hàng năm, nhà trường có kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục theo chủ đề từng tháng cụ thể, phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường, góp phần hỗ trợ và nâng cao chất lượng dạy học, giáo dục toàn diện. Căn cứ vào các kế hoạch đã xây dựng, nhà trường đã thường xuyên tổ chức các hoạt động giáo dục với các hình thức đa dạng, phong phú và phù hợp với điều kiện thực tiễn của trường, lứa tuổi đặc điểm tâm sinh lí và nhận thức của học sinh. [H5-5.3-01]

b) Căn cứ vào các kế hoạch đã xây dựng, nhà trường đã thường xuyên tổ chức các hoạt động GD NGLL với các hình thức đa dạng, phong phú như: các hoạt động ngoại khóa, thể dục thể thao, trải nghiệm, giao lưu văn nghệ, các hoạt động bảo vệ môi trường, lao động vệ sinh trường lớp. Nhà trường và mỗi lớp đều có Ban văn nghệ thường xuyên tham gia giao lưu, biểu diễn vào các ngày kỉ niệm, lễ lớn. [5.3-04]. Tổ chức cho HS tham quan, học tập trải nghiệm tại các công trình văn hoá, các di tích lịch sử của địa phương như tìm hiểu và chăm sóc nghĩa trang liệt sĩ [H5-5.3-03]. Trải nghiệm tại bảo tàng Đồng quê, khu nhà lưu niệm cố tổng bí thư Trường Chinh và tượng đài Trường Chinh, đền chùa Tự Lạc, tại Núi Ngăm, lăng Bác, tại Văn Miếu- Quốc Tử Giám... Qua đó cung cấp cho các em những hiểu biết về truyền thống văn hoá, lịch sử quê hương, bồi đắp thêm tình yêu quê hương, đất nước cho HS và GD ý thức tự giác bảo vệ môi trường cho các em [H5-5.3-02]. Đội ngũ GV và HS của nhà trường rất tự giác, tích cực với các hoạt động ngoài giờ lên lớp. Hàng tuần, hàng tháng đều có đánh giá kết quả hoạt động ngoài giờ lên lớp vào sáng thứ hai. Cuối mỗi năm học TPT Đội đều có báo cáo tổng kết công tác Đội. Ngoài ra, hằng năm các em được khám sức khỏe, nghe các bài tuyên truyền về sức khỏe bảo đảm quyền lợi cho các em. [H5-5.3-05]; [H5-5.3-06]; [H5-5.3-07]

c) Nhà trường luôn tạo điều kiện cho tất cả học sinh được tham gia các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp. Các hoạt động giáo dục được phân công cụ thể cho từng giáo viên phụ trách và có sự phối hợp hiệu quả với các tổ chức, đoàn thể trong và ngoài nhà trường. [H5-5.3-01]

Mức 2:

Thông qua các hoạt động như văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, chơi trò chơi, múa hát tập thể, lao động vệ sinh, tham quan, trải nghiệm và các hội thi đã giúp cho học sinh có dịp thể hiện năng khiếu, thể hiện kiến thức, sự hiểu biết, sự nhanh trí, thông minh, tính tập thể, tính kỷ luật; các em được rèn luyện thể lực, được hoạt động thoải mái và vui vẻ, rèn kỹ năng sống cho học sinh. Từ đó các em có tình cảm yêu trường mến lớp, đoàn kết với bạn bè và phát triển toàn diện Đức - Trí - Thể - Mỹ. [H5-5.2-06]

Các hoạt động trên đều thực hiện theo kế hoạch và có sự phân công cụ thể từng cán bộ, giáo viên phụ trách công tác tổ chức và thực hiện. Bên cạnh đó còn có sự phối hợp chặt chẽ giữa các đoàn thể trong và ngoài nhà trường như: Chi bộ Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Đội thiếu niên, các đoàn thể của địa phương và Hội cha mẹ học sinh. [H5-5.3-01]

Mức 3:

Ngoài những hoạt động chung dành cho tất cả các đối tượng HS, nhà trường còn tổ chức một số hoạt động nhằm phát huy năng lực, sở trường của mỗi HS, thông qua đó phát hiện bồi dưỡng HS có năng khiếu như hoạt động các câu lạc bộ, giáo dục kỹ năng sống, làm đồ dùng học tập, sản phẩm STEM. [H5-5.3-01]

2. Điểm mạnh

- Nhà trường đã xây dựng và tổ chức một số hoạt động giáo dục phong phú, phù hợp với điều kiện của nhà trường.

- Các hoạt động được xây dựng kế hoạch cụ thể, rõ ràng và phân hóa theo nhu cầu và năng lực, sở trường của học sinh và được các em học sinh tích cực tham gia.

3. Điểm yếu

- Do tình hình dịch bệnh nên chưa tổ chức được nhiều các hoạt động tham quan trải nghiệm với quy mô lớn.

- Nội dung và hình thức tổ chức một số hoạt động theo nhu cầu của học sinh còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

<i>Giải pháp cụ thể/ Công việc cần thực hiện</i>	<i>Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/giám sát)</i>	<i>Điều kiện để thực hiện</i>	<i>Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành</i>	<i>Dự kiến kinh phí</i>
- Kêu gọi doanh nghiệp trên địa bàn, các nhà hảo tâm hỗ trợ tài lực.	BGH, GV		Các kì họp với CMHS và địa phương	
- Mở rộng thêm các câu lạc bộ thu hút học sinh tham gia. Tăng cường các hoạt động nhằm phát huy năng lực sở trường của mỗi cá nhân học sinh.	BGH		Năm học 2021- 2022	
- Tổ chức các HĐ NGLL thích ứng với dịch bệnh	BGH, GV		Năm học 2021- 2022	

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	-----		-----	
c	Đạt	-----		-----	
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.4: Công tác phổ cập giáo dục tiểu học

Mức 1:

- a) Thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục theo phân công;
- b) Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 90 %;
- c) Quản lý hồ sơ, số liệu phổ cập giáo dục tiểu học đúng quy định.

Mức 2:

Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 95%.

Mức 3:

Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 98%.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường đã kết hợp với trường Trung học cơ sở và trường Mầm non trong xã để làm tốt công tác phổ cập xóa mù chữ tại xã Thọ Nghiệp. Tất cả cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường đều tham gia và được phân công phụ trách theo địa bàn thôn, xóm. Thông tin điều tra được xử lý trên phần mềm phổ cập nên số liệu rất chính xác và khoa học. Thông qua công tác điều tra, nhà trường cùng với các trường trong xã đã xây dựng và thực hiện các biện pháp để duy trì sĩ số, huy động trẻ trong độ tuổi tới lớp. Xã Thọ Nghiệp được Ban chỉ đạo phổ cập huyện công nhận đạt phổ cập giáo dục xóa mù chữ mức độ 2. Nhà trường đạt kết quả phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3. [H5-5.4-01] [H5-5.4-02] [H5-5.4-03]

b) Nhà trường tổ chức và thực hiện tốt Ngày toàn dân đưa trẻ đến trường. Tỷ lệ huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1 của nhà trường hàng năm luôn đạt 100%. [H5-5.4-05]

c) Nhà trường có đầy đủ các loại hồ sơ quản lý công tác phổ cập như sổ điều tra phổ cập, sổ đăng bộ, sổ theo dõi học sinh chuyển đi, chuyển đến, các biểu bảng thống kê. Tất cả hồ sơ được nhà trường cập nhật thông tin đầy đủ, chính xác, được lưu trữ và bảo quản tốt. Đặc biệt, công tác phổ cập của nhà trường và địa phương được quản lý bằng phần mềm rất khoa học và hiệu quả. [H5-5.4-04] [H5-5.4-05] ;[H5-5.4-06]

Mức 2:

Hàng năm, vào đầu mỗi năm học nhà trường đã xây dựng kế hoạch tuyển sinh trẻ vào lớp 1, tỷ lệ trẻ em 6 tuổi trên địa bàn xã vào lớp 1 đạt tỷ lệ 100% [H5-5.4-05] [H5-5.4-07]

Mức 3:

Đầu mỗi năm học nhà trường đã xây dựng kế hoạch tuyển sinh trẻ vào lớp 1, tỷ lệ trẻ em 6 tuổi trên địa bàn xã vào lớp 1 đạt tỷ lệ 100%. [H5-5.4-05] [H5-5.4-07]

Bảng thống kê huy động trẻ 6 tuổi trong 5 năm học qua như sau:

<i>Số liệu</i>	<i>Năm học</i>	<i>Năm học</i>	<i>Năm học</i>	<i>Năm học</i>	<i>Năm học</i>
	<i>2016</i>	<i>2017</i>	<i>2018</i>	<i>2019</i>	<i>2020</i>
Số trẻ 6 tuổi	229	203	282	203	211
Số trẻ 6 tuổi vào lớp 1	229	203	282	203	211
Tỉ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1	100%	100%	100%	100%	100%

2. Điểm mạnh

- Hằng năm, nhà trường đã cùng với các trường trong xã làm tốt công tác điều tra phổ cập, xóa mù chữ tại địa phương. Xã Thọ Nghiệp được Ban chỉ đạo phổ cập huyện công nhận đạt phổ cập giáo dục xóa mù chữ mức độ 2. Nhà trường đạt kết quả phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3.

- Công tác huy động trẻ vào lớp 1 hằng năm của nhà trường luôn đạt 100%.

- Nhà trường có đủ hồ sơ sổ sách của công tác phổ cập giáo dục theo quy định. Hồ sơ được ghi chép cẩn thận, khoa học, lưu trữ tốt. Nhà trường cũng đã ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý công tác phổ cập hiệu quả.

3. Điểm yếu

- Một số giáo viên không thường trú tại địa phương nên việc điều tra và nắm bắt thông tin trên địa bàn thôn xóm phụ trách còn gặp khó khăn.

- Một số gia đình có cha mẹ đi làm ăn xa, các con ở nhà với ông bà nên việc kê khai thông tin điều tra chưa chính xác.

- Do phần mềm dữ liệu phổ cập làm chung trong toàn xã nên việc cập nhật, tổng hợp dữ liệu trong toàn xã còn mất nhiều thời gian.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục duy trì và giữ vững việc huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1.

Giữ vững kết quả phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3.

<i>Giải pháp cụ thể/ Công việc cần thực hiện</i>	<i>Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)</i>	<i>Điều kiện để thực hiện</i>	<i>Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành</i>	<i>Dự kiến kinh phí</i>
- Phối kết hợp với GV trên địa bàn của trường Trung học cơ sở và trường Mầm non để làm tốt công tác điều tra.	GV phụ trách các xóm	Thống nhất thời gian điều tra	Tháng 8 hằng năm	

- Liên hệ với cha mẹ học sinh đi vắng qua điện thoại, Zalo, để cập nhật thông tin điều tra.	GV phụ trách thôn xóm	Cha mẹ học sinh có điện thoại thông minh kết nối Internet.	Đầu năm học	
- Thống nhất với trường Trung học cơ sở và Mầm non trong xã để cập nhật thông tin, tổng hợp dữ liệu đúng thời điểm.	PHT		Đầu năm học	

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	-----		-----	
c	Đạt	-----		-----	
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.5: Kết quả giáo dục

Mức 1:

- a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 70%;
- b) Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 65%;
- c) Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 80%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 70%.

Mức 2:

- a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 85%;
- b) Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 80%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 70%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học.

Mức 3:

- a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 95%;
- b) Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Thực hiện các văn bản chỉ đạo, nhà trường đã chỉ đạo việc đánh giá HS theo các môn học và hoạt động GD; đánh giá HS theo mức độ hình thành và phát triển năng lực và phẩm chất; đánh giá, nhận xét thường xuyên bằng ngôn ngữ nói và viết, không bằng điểm số. Chỉ tổ chức kiểm tra định kỳ vào cuối học kỳ I và cuối năm học. Riêng đối với học sinh lớp 4, lớp 5 có kiểm tra định kỳ giữa học kỳ I, giữa học kỳ II. Tập thể CBGV trong nhà trường luôn chú trọng đến công tác nâng cao chất lượng giáo dục, tích cực đổi mới phương pháp dạy học, phát huy tính tích cực của học sinh, đồng thời tăng cường các biện pháp giúp đỡ học sinh yếu đạt được chuẩn kiến thức, kỹ năng theo quy định của từng khối lớp.[H5-5.2-05]. Vì vậy hiệu quả giáo dục của nhà trường luôn ổn định, tỉ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học hằng năm đều đạt từ 99,38 % trở lên. [H5-5.5-01]; [H5-5.4-02]; [H5-5.2-06].

Tỉ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học trong 5 năm qua như sau:

Năm học	Toàn trường		Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
2016-2017	1049	99,52	221	98,22	223	99,55	215	100	219	100	171	100
2017-2018	1076	99,72	202	98,53	223	100	217	100	217	100	217	100
2018-2019	1120	99,64	273	97,84	195	99,49	224	100	215	100	213	100
2019-2020	1120	99,64	201	98,04	280	100	196	100	227	100	216	100
2020-2021	1122	99,38	214	96,83	204	100	283	100	196	100	225	100

b) Hằng năm, tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học của nhà trường đều đạt tỉ lệ từ 98,22 % trở lên. [H5-5.5-02]; [H5-5.4-05]; [H5-5.2-06]

Tỷ lệ trẻ 11 tuổi hoàn thành và đang học chương trình tiểu học trong 5 năm qua như sau:

Năm học	Tổng số		HTCCTH		Đang học tiểu học		Ghi chú
	Diện PC	Khuyết tật	SL	%	SL	%	
2016-2017	174	0	172	98,9	2	1,1	
2017-2018	169	4	166	98,22	3	1,78	
2018-2019	216	1	215	99,54	1	0,46	
2019-2020	217	2	215	99,08	2	0,92	
2020-2021	221	1	219	99,1	2	0,9	

c) Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học trong các năm học của nhà trường đạt 99,55% trở lên. [H5-5.4-05]

Tỷ lệ trẻ đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học trong 5 năm qua

như sau:

Năm học	Tổng số		HTCTTH(diệnPC)		Ghi chú
	Diện PC	Khuyết tật	SL	%	
2016-2017	679	11	676	99,60	
2017-2018	678	5	673	99,55	
2018-2019	711	4	710	99,86	
2019-2020	781	5	779	99,74	
2020-2021	840	4	838	99,76	

Mức 2:

a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học trong các năm học đều đạt 99,38 % trở lên. [H5-5.5-01]

b) Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học trong các năm học đều đạt trên 98,22% trở lên. [H5-5.4-05]

Mức 3:

a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học trong các năm học đều đạt 99,38 % đến 99,72%. [H5-5.5-01]

b) Các em học sinh của nhà trường đều khỏe mạnh và phát triển bình thường. Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học trong các năm học đều đạt trên 98,22% đến 99,54%. [H5-5.4-05]

2. Điểm mạnh

Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học và học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt 98,22% đến 99,54%. Tỷ lệ học sinh 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt 99,55% trở lên. [H5-5.5-01] [H5-5.4-05]

Nhà trường có đủ hồ sơ phổ cập, ghi chép cập nhật và được lưu trữ đúng quy định.

3. Điểm yếu

Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học chưa bền vững.

Tỷ lệ học sinh hoàn thành xuất sắc các nội dung học tập và rèn luyện chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/ Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
- Tăng cường kèm cặp học sinh chưa hoàn thành nội dung học học tập và rèn luyện.	GV chủ nhiệm	CMHS phối hợp	Năm học 2021-2022	
- Tăng cường bồi dưỡng cho giáo viên dạy học theo định hướng	BGH, tổ trưởng CM,	Tổ chức SHCM	Năm học 2021-	

phát triển năng lực, cá biệt hóa quá trình dạy học, giúp phát huy tối đa năng lực của học sinh.	GV		2022	
- Thường xuyên theo dõi tiến độ của HS, tăng cường các nội dung hình thức kiểm tra, đánh giá để thúc đẩy HS: bổ sung bài tập góc chờ, các hoạt động ứng dụng,...	GVCN		Năm học 2021-2022	

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	a	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	b	Đạt
c	Đạt	-----		-----	
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

KẾT LUẬN VỀ TIÊU CHUẨN 5

* Điểm mạnh

- Nhà trường đã xây dựng kế hoạch giáo dục theo đúng quy định và nghiêm túc thực hiện kế hoạch đã xây dựng. Nội dung dạy học, giáo dục của nhà trường có sự cân đối hài hòa, đảm bảo mục tiêu phát triển toàn diện học sinh. Nhà trường cũng đã lựa chọn phương pháp, hình thức tổ chức dạy học phù hợp, đáp ứng được khả năng nhận thức của học sinh và điều kiện thực tế của địa phương. Công tác chỉ đạo và tổ chức cho giáo viên thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, giáo dục, đổi mới đánh giá học sinh khá hiệu quả.

- Việc phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, giúp đỡ, phụ đạo cho học sinh khó khăn trong học tập và rèn luyện luôn được nhà trường quan tâm, kết quả đạt được khá tốt.

- Ngoài các môn học, nhà trường còn tổ chức nhiều hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp cuốn hút học sinh, được học sinh tham gia tích cực, chủ động.

- Nhà trường đã làm tốt công tác điều tra phổ cập, xóa mù chữ tại địa phương. Công tác huy động trẻ vào lớp 1 hàng năm của nhà trường luôn đạt 100%. Nhà trường đã ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý công tác phổ cập hiệu quả, lưu trữ hồ sơ tốt.

- Chất lượng giáo dục của nhà trường ở mức cao. Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học và học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt từ 97,6 trở lên. Tỷ lệ học sinh 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt 99,3% trở lên.

* Điểm yếu

- Việc tuyên truyền, phổ biến, công khai kế hoạch giáo dục của nhà trường

tới cộng đồng chưa thật hiệu quả nên việc phối hợp giữa nhà trường với cộng đồng trong việc thực hiện mục tiêu giáo dục còn hạn chế.

- Việc vận dụng các phương pháp dạy học tích cực của giáo viên chưa đồng đều.

- Do tình hình dịch bệnh phức tạp chưa tổ chức được nhiều các hoạt động tham quan trải nghiệm với quy mô lớn. Nội dung và hình thức tổ chức một số hoạt động theo nhu cầu của học sinh còn hạn chế.

- Một số giáo viên không thường trú tại địa phương nên việc điều tra và nắm bắt thông tin trên địa bàn thôn xóm phụ trách còn gặp khó khăn. Một số gia đình có cha mẹ đi làm ăn xa, các con ở nhà với ông bà nên việc kê khai thông tin điều tra chưa chính xác.

- Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học chưa bền vững. Tỷ lệ học sinh hoàn thành xuất sắc các nội dung học tập và rèn luyện chưa cao.

* Kết quả

Tiêu chí	Không đạt	Đạt			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
Tiêu chí 5.1		X	X	---	
Tiêu chí 5.2		X	X	X	---
Tiêu chí 5.3		X	X	X	
Tiêu chí 5.4		X	X	X	---
Tiêu chí 5.5		X	X	X	

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 5

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0

II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4

Tiêu chí 1: Kế hoạch giáo dục của nhà trường có những nội dung được tham khảo Chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, phù hợp, hiệu quả và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục. (Tiêu chuẩn 5- Tiêu chí 5.1)

1. Mô tả hiện trạng

- Kế hoạch giáo dục của nhà trường mới chỉ được xây dựng theo các nội dung của chương trình giáo dục trong nước, chưa có những nội dung tham khảo Chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới.

2. Điểm mạnh

- Kế hoạch giáo dục phù hợp với đối tượng học sinh và tình hình thực tế của địa phương

3. Điểm yếu

- Cơ sở vật chất, các trang thiết bị của nhà trường chưa đáp ứng được chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực.

- Năng lực một số giáo viên chưa đáp ứng được các yêu cầu của chương trình giáo dục tiên tiến.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể /Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
- Tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực.	BGH, GV	Tài liệu	Năm 2023	
- Xây dựng cơ sở vật chất để đáp ứng chương trình giáo dục tiên tiến.	BGH	Kinh phí	Năm 2030	
- Bồi dưỡng đội ngũ	PGD, SGD	Kinh phí	Năm học 2020-2021 đến 2024-2025	

5. Tự đánh giá: Chưa đạt

Tiêu chí 2: Đảm bảo 100% cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân với sự tham gia của nhà trường, các tổ chức, cá nhân liên quan. (Tiêu chuẩn 5- Tiêu chí 5.3)

1. Mô tả hiện trạng

- Một số học sinh khó khăn, học sinh học hòa nhập, giáo viên chủ nhiệm đã xây dựng kế hoạch giúp đỡ cụ thể và thường xuyên quan tâm, có những nội dung giảng dạy phù hợp nhưng khả năng hoàn thành mục tiêu còn ở mức độ do việc giúp đỡ các em mất khá nhiều thời gian ảnh hưởng đến việc giáo dục của cả lớp.

- Một số học sinh năng khiếu đã được phát hiện và bồi dưỡng nhưng chưa phát huy tối đa năng lực của các em do thời gian bồi dưỡng các em chưa được nhiều, các câu lạc bộ của nhà trường chưa hoạt động thường xuyên trong các năm học.

- Việc bồi dưỡng các em có năng khiếu và giúp đỡ các em khó khăn chủ yếu là do giáo viên, chưa huy động được các tổ chức và các cá nhân có liên quan tham gia.

2. Điểm mạnh

- Nhà trường đã phát hiện học sinh có năng khiếu và bồi dưỡng các em.

- Các em học sinh khó khăn, học sinh chậm tiến độ đã được xây dựng kế hoạch nội dung giáo dục riêng cụ thể.

3. Điểm yếu

- Các em học sinh khó khăn chưa đạt được mục tiêu giáo dục.

- Các em học sinh có năng khiếu chưa phát huy hết khả năng của mình.

- Chưa huy động được các tổ chức, cá nhân có liên quan tham gia vào việc bồi dưỡng học sinh năng khiếu và giáo dục học sinh khó khăn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/ Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
- Tham mưu để có thêm nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	BGH		Năm học 2021 - 2022	
- Xây dựng các câu lạc bộ	BGH		Năm học 2021 - 2022	
- Tích cực tuyên truyền để các tổ chức, cá nhân tham gia vào việc giáo dục	BGH		Năm học 2021 - 2022	
- Đầu tư mua sắm các trang thiết bị cần thiết để phục vụ các hoạt động học tập, bồi dưỡng	BGH	Kinh phí	Năm học 2021 - 2022	

5. Tự đánh giá: Chưa đạt

Tiêu chí 3: Thư viện có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại, có kết nối Internet đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường; có nguồn tài liệu truyền thống và tài liệu số phong phú đáp ứng yêu cầu các hoạt động nhà trường. (Tiêu chuẩn 3-Tiêu chí 3.6)

1. Mô tả hiện trạng

- Thư viện nhà trường có máy tính kết nối internet đáp ứng được các yêu cầu tất cả các hoạt động của nhà trường.

- Đã có tài liệu số phong phú đáp ứng được cơ bản các hoạt động của nhà trường nhưng nguồn tài liệu truyền thống còn hạn chế chưa đáp ứng được yêu cầu tất cả các hoạt động của nhà trường.

2. Điểm mạnh

- Nhà trường có đủ điều kiện đề nghị thư viện đạt chuẩn Tiên Tiến.

- Thư viện có máy chiếu, máy tính kết nối internet.

3. Điểm yếu

- Đã xây dựng kế hoạch các tiết dạy thư viện song chưa duy trì kế hoạch đã đề ra.

- Lượng sách, tài liệu bổ sung hàng năm còn ít.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
- Xây dựng kế hoạch các tiết học tại thư viện và thực hiện đúng kế hoạch	PHT, GV khối 2,3,4,5		Năm học 2021- 2022	
- Bổ sung thêm các đầu sách truyền thông cho thư viện	BGH	Kinh phí	Năm học 2021- 2022	
- Tiếp tục phát huy hiệu quả của thư viện	BGH, GV, VN, HS	Hàng năm	Năm học 2021- 2022	

5. Tự đánh giá: Chưa đạt

Tiêu chí 4: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường. (Tiêu chí 1.1)

1. Mô tả hiện trạng

- Nhà trường xây dựng kế hoạch chiến lược từ năm 2015 đến năm 2020. Nhà trường đã thực hiện cơ bản các mục tiêu đã đề ra.

2. Điểm mạnh

- Nhà trường có chiến lược phát triển giai đoạn 2015- 2020 cụ thể, chi tiết phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường và của địa phương và được phòng Giáo dục và Đào tạo phê duyệt.

3. Điểm yếu

- Chưa huy động được nhiều nguồn lực từ các nhà tài trợ hỗ trợ CSVC cho nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể /Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
- Tiếp tục tham mưu với các cấp để giúp nhà trường hoàn thành chiến lược	BGH, UBND xã		Năm học 2021- 2022	
- Xây dựng các kế hoạch cụ thể, khả thi theo từng năm học	BGH, GV		Năm học 2021- 2022	
- Thường xuyên đánh giá, rà soát việc thực hiện chiến lược của nhà trường	BGH, HĐT, các tổ chức đoàn thể		Năm học 2021- 2022	

5. Tự đánh giá: Chưa đạt

Tiêu chí 5: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có ít nhất 02 năm có kết quả giáo dục, các hoạt động khác của nhà trường vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng, được các cấp thẩm quyền và cộng đồng ghi nhận. (Tiêu chuẩn 5- Tiêu chí 5.5)

1. Mô tả hiện trạng

- Hằng năm, nhà trường có HS tham gia và đạt giải trong các hội thi, giao lưu giải toán qua mạng, Olympic tiếng Anh, chữ viết đúng và đẹp, thể dục thể thao do các cấp tổ chức.

+ Năm học 2016-2017: 1 học sinh đạt giải Ba viết chữ đúng đẹp cấp tỉnh, 26 học sinh đạt giải chữ viết đúng và đẹp cấp huyện, 1 học sinh đạt giải thi hùng biện Tiếng Anh cấp huyện, 9 học sinh đạt giải Olympic Tiếng Anh cấp huyện, 1 học sinh đạt chứng chỉ A1 TOEFL, 06 học sinh đạt giải thi Toán qua Internet cấp huyện, 02 HS tham gia hội thi TDDT cấp huyện đạt giải.

+ Năm học 2017-2018 có 38 học sinh đạt giải triển lãm chữ viết đúng và đẹp cấp huyện, 05 học sinh đạt giải trong kì thi hùng biện Tiếng Anh cấp huyện, 3 học sinh đạt chứng chỉ TOEFL (2 A2 và 1 A1), 02 học sinh đạt giải điền kinh cấp huyện, 22 học sinh tham gia liên hoan phát triển năng lực cấp huyện.

+ Năm học 2018-2019 triển lãm viết chữ đúng và đẹp cấp huyện có 35 học sinh đạt giải; 13 học sinh đạt chứng nhận TOEFL; 02 HS đạt giải thi hùng biện Tiếng Anh cấp huyện; 01 học sinh đạt giải điền kinh cấp huyện.

+ Năm học 2019-2020 đã khen thưởng cho 6 học sinh đạt giải cuộc thi Hùng biện Tiếng Anh cấp huyện (01 giải nhất, 03 giải Nhì và 01 giải Ba và 01 giải KK). Thi Hùng biện Tiếng Anh cấp tỉnh có 1 học sinh đạt giải KK. Hội khỏe Phù đồng cấp miền có 4 học sinh đạt giải. Trong đó có 01 giải Nhất môn bóng bàn nam , 1 giải Nhì môn cờ vua nữ, 2 giải KK môn bóng bàn nữ và cờ vua nam.

+ Năm học 2020-2021 có 06 học sinh đạt giải hùng biện Tiếng Anh cấp huyện; 40 học sinh đạt giải trong triển lãm chữ đẹp cấp huyện; 01 HS đạt giải Nhất trong triển lãm chữ đẹp cấp tỉnh; 2 học sinh đạt giải trong thi TDDT cấp huyện.

- Nhà trường đã tổ chức nhiều hoạt động ngoài giờ nổi bật tạo dấu ấn cho học sinh như giao lưu chủ đề nhân ngày 20-11, Tổ chức trải nghiệm với chủ đề: “Ngày Tết quê em”, tổ chức các hoạt động vui Tết trung thu, , giáo dục STEM, giao lưu với chủ đề “Chung tay xây dựng ngôi trường sinh thái”, tổ chức cho học sinh tham quan trải nghiệm trải nghiệm tại bảo tàng Đồng quê, khu nhà lưu niệm cố tổng bí thư Trường Chinh và tượng đài Trường Chinh, khu di tích đền chùa Tự Lạc, tại Núi Ngăm, lăng Bác, tại Văn Miếu- Quốc Tử Giám...

- Trong 05 năm học từ năm học 2016-2017 đến 2021-2022 nhà trường đã cải tạo các phòng học, phòng chức năng, làm sân, vườn hoa, trồng hệ thống cây bóng mát, quy hoạch sân chơi, sân tập, vườn thực nghiệm cho học sinh, mua trang thiết bị..

2. Điểm mạnh

- Trong 05 năm học đều có học sinh đạt giải.
- Chất lượng giáo dục của nhà trường được nâng lên theo từng năm học.
- Nhà trường đã tổ chức được các hoạt động giáo dục nổi bật và có ý nghĩa.

3. Điểm yếu

Số lượng học sinh đạt giải trong các năm chưa cao.

Trong 5 năm, nhà trường không đạt được danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/ Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
- Tiếp tục phát huy hiệu quả các mặt giáo dục	BGH, GV		2021-2022 và các năm tiếp theo	
- Tích cực đổi mới công tác quản lý và tổ chức các hoạt động của nhà trường.	BGH		2021-2022 và các năm tiếp theo	

5. Tự đánh giá: Chưa đạt

KẾT LUẬN VỀ MỨC 4

* Điểm mạnh

- Nhà trường đã xây dựng kế hoạch cụ thể, chi tiết và có tính khả thi.
- Chất lượng giáo dục của nhà trường được nâng lên theo từng năm học.
- Nhà trường đã tổ chức được các hoạt động giáo dục nổi bật và có ý nghĩa.

* Điểm yếu

- Thư viện của nhà trường hạ tầng công nghệ thông tin chưa hiện đại, chiến lược phát triển của nhà trường chưa hoàn thiện.

- Các em học sinh năng khiếu chưa được bồi dưỡng thường xuyên để phát huy tối đa khả năng của mình.

* Kết quả :

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 0

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 5

PHẦN III

KẾT LUẬN CHUNG

Căn cứ theo các thông tư, công văn hướng dẫn của Bộ GD-ĐT về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học, căn cứ kết quả hoạt động của nhà trường trong những năm qua, trường Tiểu học xã Thọ Nghiệp tự đánh giá về mức độ đáp ứng các Quy định về tiêu chuẩn, thấy được các điểm mạnh, điểm yếu, xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng và các biện pháp thực hiện nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục trong tình hình mới.

Trên cơ sở nhận định mức độ đạt được, nhà trường kiện toàn lại hệ thống chính trị, điều chỉnh và bổ sung lại những mặt còn thiếu sót. Xây dựng lại lực lượng nòng cốt để điều hành bộ máy hoạt động theo những tiêu chuẩn giáo dục đã quy định.

Kết quả:

- Số lượng các tiêu chí đạt : 27/27 Tỷ lệ: 100%
- Số lượng các tiêu chí chưa đạt: 0
- Số lượng tiêu chí đạt mức 1: 27/27 Tỷ lệ : 100%
- Số lượng tiêu chí đạt mức 2: 27/27 Tỷ lệ : 100%
- Số lượng tiêu chí đạt mức 3: 18/19 Tỷ lệ : 94,74%
- Số lượng tiêu chí đạt mức 4: 0/5 Tỷ lệ: 0%

Với kết quả tự đánh giá như trên, trường Tiểu học Thọ Nghiệp đánh giá đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2, đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, đạt Xanh - Sạch - Đẹp -An toàn.

Trường Tiểu học Thọ Nghiệp đề nghị công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2, công nhận trường đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1, đạt chuẩn Xanh - Sạch - Đẹp -An toàn và thư viện chuẩn Tiên tiến.

Thọ Nghiệp, ngày 31 tháng 03 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
Tiểu học Thọ Nghiệp
PHẠM THỊ THU YÊN